ÂM NHẠC CỔ VIỆT-NAM

CỔ NHẠC - TẦM NGUYÊN

(QUYỂN I)

MẬU TUẤT NIÊN
1958

VÕ-TẤN-HƯNG



Nhạc Sư : NGUYỄN-VĂN-THINH

Sanh tháng 3 d.l năm 1907, tại tỉnh lỵ Sadec (Nam Phần)

Đã có công khảo cứu tường tận về cổ nhạc VIỆT-NAM cùng truy tầm âm luật, lấy sự mật thiết liên hệ giữa ngũ hành và ngũ âm, mà Tiền Nhân đã áp dụng để tạo nhạc phẩm lưu truyền đến ngày nay.

Theo Ông Thinh, với phương pháp tạo nhạc của Tiền Nhân, ta có thể soạn riêng về các bản Bắc, một số nhạc phẩm trên 46 000, bản khác nhau, sau khi đã lâu thong ((Thất thập nhi huyền Công)) là : Thập bát Thủ và Thập bát Vĩ, 36x 36x 36....

THAY LỜI TỰA

Xuất bản quyển Cổ Nhạc Tầm Nguyên này, tôi không có cao vọng phổ hết lại thinh âm và nhịp điệu của các bài bản nhạc cổ. Thực vậy theo nhạc lý Trung Hoa là nền tảng của Cổ nhạc V.N. thì từ thời thái cổ đã có nhạc, căn cứ vào những tiếng động của Thiên nhiên, như : những tiếng động lực, sấm sét, bão bùng, giông tố vv.... thảy đều là nhạc với tánh cách bạo ...

Nhưng vì tâm lý của Tiền Nhân ở thời bán cổ sơ khai, đã biết yêu chuộng thiện chí, nên chỉ để tâm ghi chép những âm thanh ôn hòa, dịu dàng, hầu lưu mãi hậu thế một lối nhạc chơn thiện và chơn nhã, mà những bậc sĩ kỳ tài ngày nay có bổn phận bảo tồn và lưu truyền hậu thế...

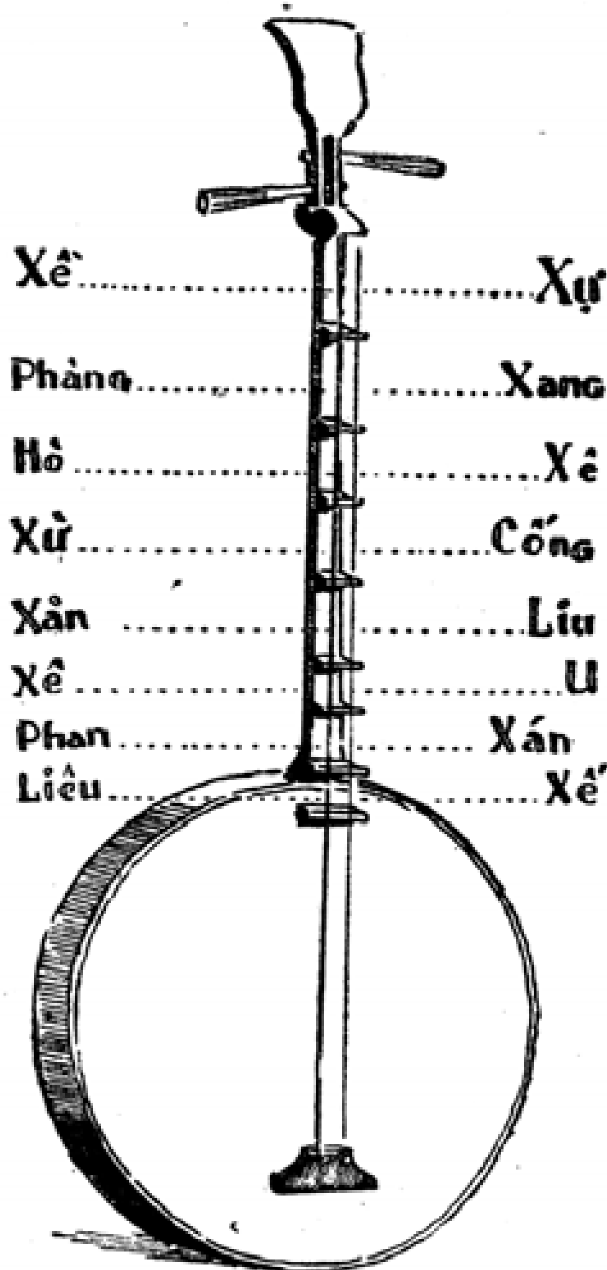
Không thể tự sánh mình là xuất chúng, nhưng nhờ hơn 30 năm lăn lộn với nghề, trải qua rất nhiều sân khấu Miền Nam, nhờ kinh nghiệm trong nghề cũng như được trao đổi những điều đã học được và thêm những điều tai nghe, mắt thấy, ghép thành quyển CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN này, với một ý niệm giúp quí bạn yêu nhạc CỔ, dù chưa xử dụng được nguyệt cầm (đờn kìm) cũng có thể tự rèn luyện để trở thành một tay đờn kìm có qui mô căn bản.

Vẫn biết, một con én không dệt nổi mùa xuân, cũng như quyển CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN không sao làm sáng tỏ nền cổ nhạc VIỆT-NAM gần như bị lấn áp và lu mờ vì trào lưu cải tiến Nhạc nghệ. Tuy nhiên với thiện chí phục vụ nhạc nghệ, tôi không ngần ngại cho ra mắt quí bạn mộ điệu bốn phương, quyển CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN.

Điều mong ước tha thiết của tôi, là sẽ được lãnh hội sự chỉ giáo của những bậc đàn anh để bổ khuyết quyển CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN khi nó được hân hạnh tái bản.

Nhạc sĩ nguyệt cầm
VÕ TẤN HƯNG
Sài Gòn, ngày 20/9/1958

Chử đờn dây hò nhứt



Nguyệt - câm

Tục gọi đờn Kìm

ÍT LỜI GIỚI THIỆU THÀNH THẬT

Nhạc sĩ cổ điển NAM-PHẦN, VÕ TẤN HƯNG (kêu NĂM HƯNG) một tài tử trong thiểu số tài tử ưu tú đã có công chuyên luyện, tận tụy với nghiệp nghệ, sắp xuất bản quyển I = CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN, gồm nhiều bản cổ thông thường, cùng nhiều bản vắn như những bản trong quyển Cổ Nhạc Canh Tân mà nhạc sĩ đã xuất bản năm 1954 với nguyên tắc mỗi bản đàn đều có một bài ca đối chiếu chọn lọc.

Nhờ sự khuyến khích nồng nhiệt của những bạn mộ điệu bốn phương, nên nhạc sĩ NĂM HƯNG cố gắng xuất bản thêm nhiều bài bản cổ, để làm tài liệu sưu-khảo về nền cổ nhạc VIỆT-NAM quí báu.

Nhạc sĩ đã lắm công phu khó nhọc biên soạn trong ngót hai năm trường quyển CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN, mong cống hiến quí bạn mộ điệu một tập nhạc có giá trị... vì là những bản cổ đúng căn bản nên toàn diện các câu đờn đều chép đúng phép, cấu tạo theo lối cổ truyền, dung hòa năm cung khéo léo, nên tạo được nhạc điệu thuần túy VIỆT-NAM.

Nhạc phẩm trong quyển nầy, hiện đóng vai tuồng quan trọng trên các sân khấu CA KỊCH NAM PHẦN Trên đài phát thanh SAIGON, các ca Tửu quán, nhờ được đa số thính giả mến thích ở sự tinh vi, linh động, gây được cảm hứng, hoặc bồng bột, hoặc thiết tha êm đềm, nên đủ sức duy trì được dân tộc tính.

Đây là những bản nhạc hay, khi được hợp tấu, đặc sắc ở chỗ giọng đờn dễ nghe, khi trầm, khi bổng, có nhặc có khoan, rất phù hạp với lời ca, nên được toàn thể hiểu thấu trọn nghĩa, tạo nên một dư âm, mà xưa TỐ NHƯ TIÊN SINH đã mô tả mấy vận trong tập truyện Kiều :

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.
. . . .
. . . .
Khi tựa gối khi cúi đầu
Khi vò chín khúc khi chau đôi mày. .

Ngoài ra NAM HƯNG là nhạc trưởng giàn nhạc cổ điển của đoàn CA VŨ NHẠC KỊCH HƯƠNG HOA, Một nhà thực hành nhạc đáng tin cậy, có nhiều khả năng, đã hưởng ứng theo lời gọi các bạn tri âm. . . . . (tiếp theo ít lời thành thật)

Gần xa để xuất bản quyển 1 = CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN, nên thiết tưởng tập nhạc nầy có nhiều giá trị, và sẽ được đón tiếp nhiệt liệt. Tôi còn mong nhạc sĩ NĂM HƯNG tiếp tục cho xuất bản thêm những quyển khác, và ước sao các nhạc sĩ hữu tài, các tài tử trứ danh của ĐẤT ĐỒNG NAI, Đều có ý chí như N.S. NĂM HƯNG sưu tầm biên soạn tài liệu cổ nhạc để ấn hành thêm sách vở hầu bảo tồn và chấn chỉnh nền mỹ thuật duy nhứt của xứ sở, mà vì thời gian vì biến chuyển đã thất lạc từ lâu

Tôi xin thành thật giới thiệu quí bạn tri âm gần xa quyển Nhạc cổ VIỆT NAM nói chung, và N. Phần nói riêng.

SÀI - GÒN ngày 30 tháng -9- 1958
NGUYỄN VĂN THINH (giáo viên)
Hiện đang tùng sự tại NHA TỔNG GIÁM ĐỐC HỌC VỤ SÀIGÒN vừa được bổ nhậm Trưởng ngành Cổ nhạc Nam phần V.N. niên khóa = 1958 - 1959



Nhạc Sĩ NĂM - HƯNG

Võ-tấn-Hưng (tự Năm-Hưng) sanh năm 1913 tại xã Phú-Hữu, quận Long-Thành (Biên-Hòa) Nam-Phần V.N.

Sống theo nghề đờn trên 30 năm, trên các sân khấu cải lương nam phần như: 1° Phước-Tường, 2° Quốc-bửu-Ban, 3° Long-Phụng, 4° Huỳnh-Kỳ, 5° Thinh-Thinh, 6° Tiến-Hóa, 7° Đào-Viên, 8° Tân-Tân, 9° Hậu-Tấn, 10° Mộng Vân, 11° Hoa Sen, 12° Tri-Âm, 13° Hương-Hoa, 14° Tiếng-Chuông (Thu-Ba).

LỜI TIỀN GIẢI

Trong quyền nhạc nầy gồm có : 4 bản bắt trường, 1 bài Tứ Đại oán, 1 bài Văn Thiên Tường, 1 bãn Trường Tương Tư, và 20 bãn vắn, sân-khấu,

Các bãn kể trên thảy đều là nhịp tư, y theo căn bãn, không thay đổi, không thêm bớt chữ đờn nhiều duy có bãn TỨ ĐẠI và Văn Thiên Tường thì nhịp tư lơi (8 láy) Thường gọi nhịp TÁM. .

Những bãn vắn xưa như : TỨ BỬU, nhịp đôi, ngoài ra những bãn khác thì nhịp một.

TỨ BỬU : (Bốn phép lạ) gồm có :

1/... MINH HOÀNG THƯỞNG NGUYỆT

2/... NGỰ GIÁ ĐĂNG LÂU.

3/... PHÒ MÃ GIAO DUYÊN.

4/... ÁI TỬ KÊ. (1)

Bốn bãn nầy đờn theo thứ tự, gọi là TỨ BỬU, do nhóm nhạc sư, tài tữ ở HẬU GIANG đặt ra, để ứng đối với những bãn, trong bộ NGŨ CHÂU, cũa mấy ông nhạc sư MIỀN ĐÔNG.

CÓ 4 CÁCH NHỊP : (mà xưa chỉ có hai cách)

A/... NHỊP MỘT (hay nhịp trường canh)

B/... NHỊP ĐÔI : (NHỊP TƯ) mỗi câu đờn bốn nhịp)

C/... NHỊP TƯ LƠI : (NHỊP 6-8) ÁP Dụng riêng cho các bãn OÁN

D/... NHỊP TÁM : (ÁP Dụng riêng cho các bãn bắc trường.

A/... NHỊP MỘT : là nhịp điều một nhịp bằng cái song lang, không thưa, không nhặc, chúng tôi chia bài bãn vắn, troug quyền nhạc nầy ra, mỗi câu hai nhịp (gọi nhịp hai) hai bỏ một trước, nhịp một nhịp sau. Vì có bãn phãi nhịp luôn hai nhịp, cho dễ người mới học đờn và học ca, có bãn bỏ lái trước nhịp lái sau, (giải thích rành dưới mỗi bãn nhạc,

B/... NHỊP ĐÔI : (là nhịp tư) mỗi câu đờn có 4 nhịp, chia làm hai phần, mỗi phần hai nhịp, hai nhịp trước bỏ tróng, chỉ ni cho đều trường canh, hai nhịp sau (3-4) phải nhịp, gọi là nhịp song lang, để cho biết rằng: song lang trước báo hiệu,/ song lang sau để chấm câu. (bõ 2 lấy 2)

---

(1) Bãn ái TỬ KÊ nầy trong Tứ BỬU, xin đừng lầm bãn ÁI TỬ KÊ trong 8 ngự.

(2) Quyển II sẽ đề cập đến bộ môn NGŨ CHÂU là) năm của Quí)

C/ ... NHỊP TỨ LỢI (Thường Gọi Nhịp tám) Nhịp 6 — 8), cũng trong nhịp tư mà ra, Ví dụ như bản Tứ Đại Oán , Hồi xưa đúng nhịp tư, Sau nầy mấy ông nhạc sư , đờn mỡ chậm bằng hai, thành tư lơi, Mỗi câu Bốn nhịp , chậm lại, thêm mỗi khoản một lái con, bốn nhịp chánh có Bốn lái con, thành tám (gọi không đúng là = nhịp TÁM) lái thứ 6 và thứ TÁM là nhịp song lang.

Những bản nhịp tám, có nhiều chỗ nghỉ mõ, 3 lái , đờn chầu 2 lái cho ít nguội, bỏ lái thứ 3 vô đờn lái thứ tư.

D/ .... NHỊP TÁM: áp dụng riêng cho các bản bắc trường, theo đúng căn bản xưa. Ví dụ trong loại bản bắc gồm có :

Loại trường,.... loại vắn.. và loại tầu mã...,
Mỗi loại đều nhịp khác nhau.

1/ ... Loại tầu mã = nhịp một (bỏ một, nhịp một hay nhịp luôn)

2/... Loại Đoãn = nhịp đôi : Nhịp tư (bỏ hai lấy hai)

3/... Loại trường = Nhịp tám : Mỗi câu tám nhịp (bỏ 6 lấy 7.8)

Loại tầu mã và loại đoãn thì không thay đổi nhịp nhàn, duy loại trường, có thay đổi, như chia câu đờn làm hai đoạn, mỗi đoạn 4 nhịp, cho dễ đờn và dễ ca, và hiện giờ đang thông dụng khắp nơi, lối nhịp nầy gọi là nhịp chế.

Ví dụ như bản LƯU THỦY TRƯỜNG, theo đúng căn bản, thì mỗi câu 8 nhịp, 16 câu nhịp tám, thông thường thì chia ra 32 câu nhịp tư.

Theo loại bản bắc trường mà tôi trình bày ra đây, ít nghe ai đờn, duy có nhóm ông CAO HOÀI SANG và ông GIÁO THINH đờn mà thôi

Cách thức nhịp tám trong loại bản bắc trường như thế nào xin trình bày như sau : ...., Ví dụ hai câu đầu bản LƯU THỦY TRƯỜNG.

1/... (--) là (hò)
Hò hò (-) liu phản liu (hò)
2/... Tồn xang xề (xê) xang hò (-)
Liu phản xang (hò) liu sự tồn (xang)

Hai câu nầy là một câu của nhịp tám.

1 2 3 4
Nhịp tám : 1/... (.-) là (hộ) hò hò (--) liu phàn liu (hò)
5 6 7
Tồn xang xề (xê) xang hò (--) liu phàn xang (hò) liu xự
8
tồn (xang)
Trên đây là nguyên câu đờn nhịp tám của bản LƯU THỦY trong TÁM BẮC trường. Đây là nói theo căn bản, hiện giờ chỉ đờn theo nhịp.

Tư chế.

BẢN BẮC : Thuộc về hàng thứ 5 trong Mười loại bài bãn, của ông GIÁO THINH đã viết trong báo Lẽ Sống năm 1957.

Hàng thứ năm là NGŨ...ĐIỂM:..là nền móng là căn bãn thuộc 5 cung, ..HÒ ..XỰ..XANG...XÊ... CỐNG.
Lấy âm hò làm cung thứ nhứt.

ÂM Hò : cung Thứ Nhứt ...LƯU THỦY TRƯỜNG.
: XỰ : : Thứ Hai.....PHÚ LỤC CHẤN.
: XANG :. . . . Thứ Ba.....BÌNH BÁN CHẤN.
: XÊ . . . . Thứ Tư . . . CỔ BÃN TRƯỜNG
: CỐNG . . . . . Thứ Năm . . XUÂN TÌNH CHẤN.
: . . . sau chế ra thêm bãn Tây Thi là bản thứ 6, nhưng vẫn thuộc cung thứ nhứt : HÒ = LIU đồng âm thanh, liu ở vào âm giai cao hơn một bậc

Đúng theo thứ tự căn bãn xưa thì đờn như vầy

1/... LƯU THŨY..
2/..: PHÚ LỤC..
3/... BÌNH BÁN..
4/... CỔ BẢN..
5/... XUÂN TÌNH..

6/... TÂY THI..

Nhưng thường đờn : LƯU THỦY, PHÚ LỤC, BÌNH BÁN, XUÂN TÌNH, TÂY THI, VÀ CỔ BẢN.., vì hai bãn sau thuộc loại văn, nếu đờn Tây Thi trường và Cổ Bản trường thì phải thứ tự ngũ cung như nói trên.

OÁN (TỨ ĐẠI) Thuộc về hàng thứ tư trong mười loại bài bãn chỉ riêng NAM PHẦN mới có loại bài bản nầy.

Cách đờn : đờn giây oán, tức hò tư, là một thứ giây do nhạc sư NAM PHẦN sáng chế.

OÁN GỒM CÓ : 6 BÃN : 1/ . . . TỨ ĐẠI

2/ . . . PHỤNG HOÀNG
3/ . . . GIANG NAM
4/ . . . PHỤNG CẦU
5/ . . . BÌNH SA LẠC NHẠN
6/ . . . THANH DẠ ĐỀ QUYÊN

-o-o-o-o-o-o-

Từ quyển 1 đến quyển 6, chúng tôi sẻ lần lượt cho ra mắt qui bạn mộ điệu, gần xa đầy đủ bài bãn. Tôi hy vọng các bạn mộ điệu, được có quyển nhạc nầy, để tập dượt thêm nền nghệ thuật cầm ca, cho đến chổ tuyệt kỹ, hầu góp phần xây dựng, nền nhạc thuần túy VIỆT NAM.

Nhưng thế nào cũng còn sơ sót, và nếu qui bạn có thắc mắc đều chi, xin biên thơ ngay về số 240/16 LÊ VĂN DUYỆT (HÒA-HƯNG) SÀIGÒN, chúng tôi sẽ vui lòng phúc đáp, theo sự hiểu biết của chúng tôi.

NHẠC SĨ NĂM HƯNG

CÁCH VIẾT BẢN ĐỜN

Loại bãn vắn canh tân, sáng tác sau nầy. do những cố Soạn giã như : ô ô. SÁU HÃI, MỘNG - VÂN, PHÁT, được phổ thông nhứt trên sân khấu cãi lương hơn 30 năm nay.

Muốn cho dễ nhớ và khỏi lộn xộn câu đờn, chúng tôi phân thành câu theo số thứ tự, mỗi câu 2 nhịp, gọi nhịp trường canh, hay nhịp một cũng thế.

Vì trước, thường có những bãn, nhịp và câu không đồng đều, có câu 3-nhịp, 4 nhịp, 5 nhịp, hay một nhịp chẳng hạng,.

Noi theo cách thức và căn bãn xưa của những loại bài bãn, chúng tôi xin chỉnh lại thành mỗi câu hai nhịp, (gọi nhịp một) vì tôi thấy không có bãn nào nhịp đôi cã.

Theo đúng từng loại : nếu đúng nhịp tư thì chia mỗi câu làm bốn nhịp, nếu đúng nhịp một thì mỗi câu đúng làm 1 lái 1 nhịp (gọi nhịp một), mà những bãn vắn trong quyển nhạc nầy đều đờn nhịp một, cho dễ người mới học đờn và học ca, đồng thời mấy ông soạn gĩa cũng khỏi thắc mắc khi viết bài ca trong tuồng hát vậy.

<u>Nhịp đôi</u> : Những bãn xưa như Lưu Thủy Trường, chia đôi câu đờn nhịp tám thành tư, mỗi câu bốn nhịp, viết thành hai hàng, mỗi hàng hai nhịp, hàng trên gọi tạm lái con, hàng kế gọi song lang. (bỏ Hai lấy 2)

<u>NGHĨ MÔ</u> : Câu đầu trong những bản bắc trường hay vắn, thường có bõ một nhịp, mô trong mặt đờn, rồi đờn vô lái thứ nhì; là hai, lái thứ 3 và thứ tư là

nhịp song lang, cứ tuần tự như thế mãi cho đến hết bãn, (hai con, hai chánh).

Nhịp tư lơi (thường gọi nhịp tám). như bãn Tứ Đại Oán. Mỗi câu đơn có 4 nhịp chánh, bốn lái con, thành tám, mỗi hàng một lái, một nhịp, 4 hàng, bốn lái. Bốn nhịp, bỏ 5 lái đầu và lái thứ 7, lái thứ 6 và thứ 8 là nhịp song lang.

Đờn kim có 5 âm chánh và nhiều âm phụ, (xem hình cây đàn ở phía trước). Những âm chánh là : HÒ . . . XỰ . . . XANG . . . XÊ . . . CỐNG, Chữ đờn trong quyển nhạc nầy lấy theo dây hò nhứt (dây bắc). Có năm thứ dây : Hò Nhứt .. Hò Nhì ... Hò Ba ... Hò Tư và Hò Năm

Hò nhứt : lấy chữ hò ở dây tồn phiếm thứ nhì.

Hò nhì : lấy chữ hò ở dây nhỏ, phiếm thứ nhứt. (hiện là xự.

Hò ba : lấy chử hò ở dây nhỏ, phiếm thứ hai (hiện chữ xang).

Hò tư : lấy chữ hò ở phiếm thứ ba (hiện chữ xê). Đây là dây hò tư thiệt, để đờn bãn quả phụ hàm oan mà thôi.

Hò năm : lấy chữ hò ở phiếm thứ tư (hiện là chữ cống)

Nhịp nội và nhịp ngoại : Điệu đờn thì có : Trầm, bổng, nhặt, khoan . . nhịp nội . . . và nhịp ngoại.

Trầm . . . Bổng : khi xuống thấp, lúc lên cao.

Nhặt . . . khoan : khi mau . . . khi chậm, nhưng trường canh vẫn giữ đều đều . . . khi vô đờn cũng như khi ra dứt câu.

Nhịp nội và nhịp ngoại : nhịp nội là nhịp ngay chữ đờn, Nhịp ngoại là nhịp sau chữ đờn.

Chữ đậm có ngoặc đơn là nhịp nội.

Gạch ngang có ngoặc đơn là nhịp ngoại. (—)

Trọn bộ 6 quyển. chúng tôi sẽ lần lượt cho ra mắt quí bạn mộ điệu đầy đủ bài bản cổ trnyền trong =

. MƯỜI LOẠI BÀI BẢN CỔ NHẠC VIỆT-NAM.

1	Nhất	=	Lý	=	6 Bản lý
2	Nhì	=	Ngâm	=	Tứ cú, bát cú v.v.
3	Tam	=	Nam	=	3 Bài Nam.
4	Tứ	=	Oán	=	6 Bản Oán.
5	Ngũ	=	Điếm	=	6 Bản Bắc.
6	Lục	=	Lục xuất	=	6 Bản vừa xuất bản.
7	Thất	=	Chính	=	7 Bài.
8	Bát	=	Ngự	=	3 Bài Ngự.
9	Cửu	=	Nhì	=	Hồi Ngươn Tiêu-Bát bản
10	Thập	=	Thập thủ	=	Thập thủ Liên-Hườn.

1 NHỨT-LÝ =

1 — Lý vọng Phu

2 — Lý giao Duyên

3 — Lý con Sáo (Lý Tam Thất)

4 — Lý ngựa-Ô-Nam (Mả hồng Quần)

5 — Lý ngựa Ô Bắc

6 — Lý Phước Kiến

2 **Nhì-Ngâm** = Mỗi phần đều có những bản ngâm riêng biệt về âm-điệu theo các lối Cổ = Ngũ ngôn, bát cú, tứ cú, song thất hay thượng lục hạ bát v.v.

III Tam Nam.— **Nam Phần có.**

1º/— Nam - Xuân
2º/— Nam - Ai
3º/— Nam - Đảo (Ngũ Cung)

Trung Phần có :

1.— Hạ Giang-Nam hay Nam-Xoan, tục danh là Nam-Bình, với 4 lớp = Tàng đầu, Hoán Vận, Đơn-Thanh, Súc-Vi.) Ai, Giang-Nam hay Nam-Ai v.v...

IV. Tứ-Oán.— Đờn dây Oán tức là **hò tư** là một thứ dây do nhạc Sư Nam Phần sáng chế.

Oán gồm 6 bản :

1º/— Tứ - Đại
2º/— Phụng - Hoàng
3º/— Giang - Nam
4º/— Phụng - Cầu
5º/— Bình - Sa Lạc - Nhạc
6º/— Thanh - Dạ Đề - Quyên

V. Ngủ-Điếm.— Điếm là chưng đứng là nền mống các loại bài bản **Bắc** thuộc năm cung. **Hò, Xự, Xang, Xê, Cống.** Thường gọi là bản Bắc lấy âm hò làm cung thứ nhứt.

xự	nhì
xang	ba
xê	tư
cống	năm

Theo thứ tự ta có —

1º/— Lưu - Thủy
2º/— Phú - Lục
3º/— Bình - Bán
4º/— Cổ - Bản
5º/— Xuân - Tình

Sau chế thêm bản Tây-Thi là bản thứ 6, nhưng bản nầy vẫn thuộc cung thứ nhứt — (Hò = Liu) Đồng âm thanh, Liu ở vào âm cao hơn một bậc. Riêng về loại nầy Nam Phần gồm có **36 bản Bắc—**

(Thập bát thủ—và thập bát vỉ.)

Các bản thông dụng hiện giờ thảy đều là vỉ, và chia ra như sau;

1º/— 6— Thủ trường
2º/— 6— Thủ vẩn
3º/— 6— Thủ Tầu mả
4º/— 6— Vỉ trường
5º/— 6— Vỉ vẩn
6º/— 6— Vỉ tẩu mả

VI, Lục = Xuất =

1º/ Bình Bản
2º/ Tây thi vẩn
3º/ Kim tiền
4º/ Xuân Phong
5º/ Long - Hổ
6º/ Cổ bản vẩn

VII. Thất - chính= là chánh là nghi lễ.

Loại nầy gồm có 7 Bài.

1°/— Xàng xê
2°/— Ngủ đối thượng
3°/— Ngủ đối hạ
4°/— Long đăng
5°/— Long ngâm
6°/— Vạn giá
7°/— Tiểu khúc

ấy là các bản chánh - thức của Lễ - nhạc, âm điệu thanh cao và nghiêm chỉnh, nên gọi là : Thất - chính.

VIII. Bát - Ngự. Khối tài tử miền Tây nam - Phần (cụ Ba Đợi) Sáng chế khoản năm (1898 - 1899), nhơn dịp vua Thành Thái ngự vào Saigon, 8 bản thể biến mối hoài bảo cùng rỏ lòng ngưởng vọng của nhân dân đối với Quân Vương lúc nghinh giá.

Những bản ngự là :

1°/—	Đường Thái Tôn	Đờn hơi Bắc biến thể
2°/—	Vọng Phu	
3°/—	Chiêu Quân	
4°/—	Ái tử kê	
5°/—	Bắc man Tấn Cống	
6°/—	Tương Tư	Hơi nam biến thể
7°/—	Duyên kỳ ngộ	
8°/—	Quả Phụ Hàm Oan	Hơi oán biến thể

IX Cửu = nhi = Loại nầy cũng do khối tài tử Miền Đông sáng chế = Có 2 bài =

1°/ Hội ngươn tiêu (32 câu — 3 lớp)
2°/ Bát bản chấn (8 lớp = 72 câu)

X Thập = Thập Thủ Liên Hườn

10 bản ngự ở Trung, hay 10 bản khách do nhóm nhạc Sư Miền Tây đổi tên lại là =

Thập Thủ Liên Hườn

1°/ Phẩm Tuyết
2°/ Nguyên Tiêu
3°/ Hồ Quảng
4°/ Liên Hườn
5°/ Bình Nguyên
6°/ Tây Mai
7°/ Kim tiền
8°/ Xuân Phong
9°/ Long Hồ
10°/ Tẩu mả

Ngoài hai bản Âm-nhạc Cổ điển Việt Nam kể trên, Nam Phần còn rất nhiều nhạc Phẩm khác rất đặt sắc như các bản = Tứ Bửu — Ngủ - Châu, cùng các bản như = Trường tương tư, Văn Thiên tường v.v.. cấu tạo tinh vi theo lối cổ truyền rất có giá trị.

(Quyền II Sẽ nói tiếp =

Nguồn gốc Cổ nhạc Việt.Nam.

Nhạc SĨ NĂM-HƯNG trích lục

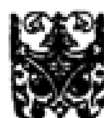


Nhạc sĩ BẢY HÀM

Trương văn Đệ (tự Bảy Hàm) sanh năm 1909, tại làng Phước Lâm (Cần giuộc cholon) xử dụng được nhiều nhạc khí cổ nhạc, hiện đang giúp việc trong Ban Cửu Long, ở Đài Phát Thanh Saigon Kim giáo sư trường quốc gia âm nhạc. V.N.

MỤC LỤC

CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN



LƯU THỦY TRƯỜNG

(32 câu nhịp tư (nhịp đôi)
(Bài thứ nhứt trong 6 bản bắc trường)

(BỐN LỚP)

Lớp I	**Từ**	**câu**	**số**	**1**	**đến**	**câu**	**số**	**8**
Lớp II	,,	,,	,,	**9**	,,	,,	,,	**16**
Lớp III	,,	,,	,,	**17**	,,	,,	,,	**24**
Lớp IV	,,	,,	,,	**25**	,,	,,	,,	**32**

Bài số 1.

LƯU THỦY TRƯỜNG (32 câu như tư)

(Lớp nhứt)

1 — —	. . . (—) . . Là (HÒ)
	. hò hò (—) liu phàn liu (HÒ)
2 — —	Tồn xang xề (XÈ) xang hò . (—)
	Liu phàng xang (HÒ) líu xự tồn (XANG)
3 — —	. . . (—) . . xế (XANG)
	. xang xề (—) xế . xang (HÒ)
4 — —	Tồn xang xề (XÈ) xang hò . (—)
	Liu phàng xg (HÒ) líu xự tồn (XANG)
5 — —	. . Tồn (XG) xê xg hò xg (XÊ)
	. Tồn c'g líu (—) xê . xế (XANG)
6 — —	. xang xê (—) xg líu xự . (—)
	Liu phàng xang (HÒ) líu xự tồn (XANG)
7 — —	. . Tồn (XANG) xê xg hò xang (XÈ)
	. Tồn c'g líu (—) xê . xế (XANG)
8 — —	. xg xê (—) xg líu xự . (—)
	Là . là (HÒ) xg xê liu (CỒNG)

(Lớp nhì)

9 — —	. (Công . (CỒNG) . . Tồn (LIU)
	. Xế xán (—) u . liu (CỘNG)
10 — —	Tồn . tan (TỊCH) tồn cộng . (—)
	xế . xê (XG) xê . liu (XỰ)
11 — —	XƯ . XƯ (XỪ) . . liu (XỰ)
	. xg liu (—) xự . xg (XÈ)
12 — —	Tồn . tan (TỊCH) tồn xê . (—)
	Cộng . Cộng (XÈ) Cộng . tồn (LIU)

Bài số 1. LƯU THỦY TRƯỜNG

(Bá Nha tử Kỳ) Đồng thinh tương ứng.

(Lớp I)

1 — — . . . (—) . . . . trăng (THU)
. nồng . (—) tiếng nhạn trong (SƯƠNG)
2 — — non xanh nước (BIẾT) một bầu . (—)
gợi . niềm (RIÊNG) chạnh nhớ đến cố (HƯƠNG)
3 — — . . . (—) . . . (NGƠ)
. ngẩn ngơ (—) chốn . Lâm (TUYỀN)
4 — — chơi vơi hiu (QUẠNH) một con thuyền . (—)
Cảnh . vật (NHÌN) khiến lòng bâng-(KHUÂNG)
5 — — . . xôn (XAO) trên giòng Hán (DƯƠNG)
Bến . Cô (THÔN) trăng soi nước (BẠC)
6 — — Rừng thông gió (REO) bao điệu nhạc . (—)
chén . vơi (ĐẦY) biết bày cùng (AI)
7 — — . . ngược (GIÒNG) đỗ bến tối hôm (NAY)
ngắm . giang (SANG) lòng thơ xúc (ĐỘNG)
8 — — Dài câu xét (RA) như giấc mộng , (—)
Có . bao (LÂU) ba vạn sáu ngàn (NGÀY)

(Lớp nhì)

9 — — . . . (—) . . . Cầm (TRĂNG)
. So . (—) tơ . vội (VÀNG)
10 — — Niềm . riêng (GIỮA) đêm tràng . (—)
Tiếng . nỉ (NON) cho vơi phiền (MUỘN)
11 — — . . . (—) . . Bỗng (TRẦM)
. ai oán (—) giọng . cầm (VANG)
12 — — nhà tài tử đại (TÀI) của Tấn Bang . (—)
. chính là (—) thượng Đại phú Bá (NHA)

13 — — . . Tồn (LIU) u liu cồng liu (U)
. Xế Xán (—) u . liủ (CỘNG)
14 — — Xg . liu (Xừ) xg cống . (—)
Liu . liu (CỒNG) liu . xán (U)
15 — — . . . (—) . . tồn (U)
u . ủ (U) u . liu (U)
16 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn u . (—)
Xế . xán (U) liu u xán (LIU)

BÀI CA

13 — — . . . . (—) . . ĐÊM (THU)
. Đường tơ (—) như . não (NÙNG)
14 — — mượn . năm (CANH) khoan nhặt . (—)
Tâm . Sự (BÀY) của người lử (THỨ)
15 — — . . . (—) . . ưu (SẦU)
. cảnh vật (—) nhuộm . thê (LƯƠNG)
16 — — mảnh . trăng (LỜ) treo gương . (—)
chưa hết bản (ĐỜN) sao vội đứt (DÂY).

(*Tiếp qua trương*)

<u>CÁCH ĐỌC BẢN ĐỜN</u> : Mỗi câu có 4 nhịp, chia làm 2 mỗi phần 2 nhịp, mỗi nhịp có bốn khoản, mỗi khoản có một chử đờn, nếu bỏ trống mấy khoản, chờ đợi mấy chử, nếu một khoản có 2 chử gần nhau, thì đọc lẹ như thời gian một chử (nghia là đọc nhảy lót)



(Lớp III)

17 — — . . Tồn (LIU) u liu tồn liu (U)
. xế xán (—) u . liu (CỘNG)
18 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn cộng . (—)
Líu hò là (XỰ) xg cống líu (XÊ)
19 — — . . . (—) . . tồn (XÊ)
. xg tồn (—) cống . liu (XÊ)
20 — — Xang . liu (XỪ) xg xê . (—)
Cộng . cộng (XỀ) cộng . tồn (LIU)
21 — — . . tồn (LIU) u liu tồn liu (U)
. xế xán (—) u . liu (CỘNG)
22 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn cộng . (—)
Líu hò là (XỰ) xg cống líu (XÊ)
23 — — . . (—) . . tồn (XÊ)
. xê tồn (—) cống . ú (LIU)
24 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn liu . (—)
U . ú (LIU) tồn cống líu (XÊ)

(Lớp IV)

25 — — . . . (—) . . tồn (U)
. xế xán (—) u . liu (CỘNG)
26 — — Xg . líu (XỪ) xg cống . (—)
Líu . líu (CỐNG) cồng cống xê (XANG)
27 — — . . . (—) . . xế (XANG)
. xang xề (—) xế . xg (HÒ)
28 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn hò . (—)
Liu phàng xang (HÒ) líu xự tồn (XG)
29 — — . . tồn (XANG) xê xg hò xang (XÊ)
. tồn cg liu (—) xê . xế (XANG)
30 — — . xang xê (—) xg liu xự . (—)
Hò . là (XỰ) xg cống liu (XÊ)
31 — — . . tồn (XÊ) xê xg hò liu (CỐNG)
. xàn liu (—) cống . xê (XANG
32 — — . . xư (XỰ) xư . xư (XỪ)
Tan . tan (XỀ) xế phạn tan (LIU)

17 — — ! . . (—) . . Tiếng (NGÂN)
. Đưa âm (—) thanh. đã (BẶT)
18 — — . ôm đàn (—) còn nghi hoặc . (—)
Lòng. ngơ (NGẨN) khó rõ mới (MANH)
19 — — . . . (—) . . Hay (LẢ)
. Ta đến (—) vận. chẳng (MAI)
20 — — Nên. đạo (TẶC) ẩn quanh đây (—)
. chờ dịp (—) sẽ. ra (TAY)
21 — — Hay. là (ĐÂY) có bực tiền (NHÂN)
. trộm lóng (—) nghe.. điệu (ĐÀN)
22 — — Kêu. quân (NGÀI) lịnh dạy . (—)
Kiếm. tìm (CHO) tận nỗi căn (DO)
23 — — . . . (—) . . Thưa (NGÀI)
. Tội vốn (—) thật. tiều (PHU)
24 — — nào phải đạo (TẶC) chi đâu . (—)
về . ngang (ĐÂY) lóng nghe tiếng (ĐỜN)

(Lớp IV)

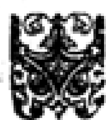
25 — — . . . (—) . . Dừng (CHƠN)
. ẩn bóng (—) sau . cội (TÙNG)
26 — — . trộm nghe (—) cho phỉ dạ . (—)
Xin . thứ (THA) cho . phận (HÈN)
27 — — . . . (—) . . Dưới (TRĂNG)
. Thấp. (—) thoáng. bóng (NGƯỜI)
28 Bá Nha nhìn (XEM) mới thốt lời . (—)
Tiếng . Điệu (CẦM) sao người cũng biết (NGHE)
29 — — . . Cười (VANG) gã tiều mới thưa (QUA)
Nếu . đại (NHÂN) chấp nê thế (SỰ)
30 — — Từ xưa đấng tài (BA) trong thiên hạ : (—)
Há . ' không (NGƯỜI) áo vải xuất (THÂN)
31 — — . . Bá (NHA) nghe qua liền gạn (HỎI)
. nếu người (—) biết thưởng thức điệu (CẦM)
32 — — . Khá tua (—) . phân cạn (—)
Bản . đờn (GÌ) ngươi mới vừa (NGHE)



Nhạc si SÁU QUÍ

Nguyễn thế Quí (tự SÁU QUÍ) (em ruột của Nhạc Si TƯ HUYỆN) sanh năm 1917, tại làng Phước Lâm (Cần Giuộc) chợ lớn, qua đời năm 1943, hưởng dương 27 tuổi, chuyên về Thập lục huyền cầm (dờn tranh) một nhạc si trẻ tuổi hửu tài, hiếm có trong làng cổ nhạc vậy.

CỔ NHẠC
TẦM NGUYÊN



PHỤ LỤC CHẤN

(Bài thứ hai trong 6 bản bắc trường)
(34 câu nhịp tư (nhịp đôi)

(BỐN LỚP)

Lớp I Từ câu số 1 đến câu số 8
Lớp II ,, ,, ,, 9 ,, ,, ,, 16
Lớp III ,, ,, ,, 17 ,, ,, ,, 24
Lớp IV ,, ,, ,, 25 ,, ,, ,, 34

Bài số 2. PHÚ LỤC CHẤN.

(34 câu nhịp tư)

Lớp I

1 — — . . . (—) . . Tồn (U)
u . ủ (U) u . liu (PHAN)
2 — — . Phàn liu (—) u liu phạn . (—)
u . lỉu (PHÀNG) xán phàng liu (U)
3 — — . . . (—) . . Tồn (U)
u . ủ (U) u . liu (U)
4 — — .Tồn . tan (TỊCH) Tồn u . (—)
Xế . xán (U) liu u xán (LIU)
5 — — . . Tồn (LIU) u liu tồn liu (CỘNG)
. ú liu (—) cống . liu (XÈ)
6 — — Tồn . tan (TỊCH) Tồn xê . (—)
Cộng . cộng (XÈ) cộng . tồn (LIU)
7 — — . . . (—) . . tồn (CỒNG)
. liu liu (—) . cồng . liu (U)
8 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn u . (—)
xế . xán (U) liu u xán (LIU)

(Lớp nhì)

9 — — . . . (—) . . xừ (CỐNG)
. xứ . (—) cống xừ (LIU)
10 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn liu . (—)
u . ú LIU tồn cống liu (XÊ)
11 — — . . . (—) . . xế (XANG)
. xế xang (—) xè . liu (XỰ)
12 — — xang . liu (XỪ) xg xê . ( )
xàn liu (—) cống . xê (XANG)

Bài số 2 PHỦ LỤC CHẤN (Bá Nha Tử Kỳ)

Đồng khí tương cầu C.H.S

Lớp I

1 — — . . . (—) . . . . (XIN)
. Thưa Ngài (—) cho tôi phân (TƯỜNG)
2 — — . Bài đờn (—) vừa phát dạo . (—)
ấy là bài Đức (THÀNH) than tiếc thầy (NHAN)
3 — — . . . (—) . . Khả (TÍCH)
. nhan hồi (—) mạng . tảo (VƯƠNG)
4 — — Tư . tưởng (MẾN) như sương . (—)
Lưu đắc danh (HIỀN) vạn . cổ (ĐƯƠNG)
5 — — . . . . (—) . . thanh (BẠCH)
. ngàn thuở (—) để . danh (THƠM)
6 — — . Bầu nước (—) với giỏ cơm . (—)
. . thương (THAY) mái tóc bạc như (VÔI)
7 — — . . . (—) . . . Hềm (VÌ)
. Ngài đờn (—) chưa . hết (BẢN)
8 — — . tơ đàn (—) vội đứt ngang . (—)
Lỡ dở (—) càn tiếc than . . (—)

(Lớp II)

9 — — . . . (—) . . Lời (THỐT)
. vừa . (—) mới . nghe (QUA)
10 — — Khiến . lòng (DẠ) của Bá Nha . (—)
Đương ưa (—) thích gả tiều (SINH)
11 — — . . . (—) . . Rất (MAY)
, trong . (—) chốn . Lâm (TUYỀN)
12 — — mà . gặp (Khách) tài ba . (—)
. ấy mới (—) đáng . tri (ÂM)

13 — — . . . (—) . . xế (XANG)
. xê xg (—) xê . líu (XỰ)
14 — — xg . líu (XỪ) xg cống . (—)
Líu hò là XỰ) xg cống liu (XÊ)
15 — — . . tồn (XÊ) xê xg hò liu (CỐNG)
. xàn liu (—) cống . . Xê (XANG)
16 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn xang . (—)
Líu . hò (XỰ) xg xê . (—)

BÀI CA

13 — — . . . (—) . . . (XIN)
: vì tôi (—) chớ nên nghi (NGẠI)
14 — — . xuống thuyền (—) cho gặp gỡ . (—)
Hầu . ghi (NHỚ) buổi . hôm (NAY)
15 — — . . . (—) người . niên (THIẾU)
. Há dám (—) đâu . hửng (HỜ)
16 — — giữa đêm sương (LẶNG) trăng mờ . (—)
. chủ khách (—) mới gặp nhau . (—)



(Lớp Ba)

17	— —	.	.	.	(—)	.	.	Xừ	(CỐNG)
		.	xừ	.	(—)	cống	.	xừ	(LIU)
18	— —	Tồn	.	tan	(TỊCH)	tồn	liu	.	(—)
		U	.	ú	(LIU)	tồn	cống	liu	(XÊ)
19	— —	.	.	.	(—)	.	.	Xế	(XANG)
		Xế	.	xê	(XANG)	xê	.	liu	(XỰ)
20	— —	Xg	.	liu	(XỪ)	xg	xê	.	(—)
		.	xàn	liu	(—)	cống	.	xê	(XANG)
21	— —	.	.	.	(—)	.	.	Xê	(XANG)
		Xế	.	xê	(XANG)	xê	.	liu	(XỰ)
22	— —	xg	.	liu	(XỪ)	xg	cống	.	(—)
		Liu	hò	là	(XỰ)	xg	cống	liu	(XÊ)
23	— —	.	.	Tồn	(XÊ)	xê xg	hò	liu	(CỐNG)
		.	xàn	liu	(—)	cống	.	xê	(XANG)
24	— —	Tồn	.	tan	(TỊCH)	tồn	xg	.	(—)
		Liu	.	liu	(XỪ)	xg	xê	.	(—)

(Lớp chót)

25	— —	.	.	.	(—)	.	.	Tồn	(LIU)
		.	xán	xán	(—)	liu	.	xán	(U)
26	— —	Tồn	.	tan	(TỊCH)	tồn	u	.	(—)
		xán	.	xán	(Ù)	xan	.	tồn	(XÊ)
27	— —	.	.	.	(—)	.	.	Xg	(XÊ)
		Xang	xề	.	(—)	xê	.	xg	(XÊ)
28	— —	Tồn	.	tan	(TỊCH)	tồn	xê	.	(—)
		.	xê	xề	(—)	xế	.	xê	(XANG)
29	— —	.	.	tồn	(XANG)	xề	xê	xg	(LÌU)
		.	xê	xg	(—)	liu	.	xự	(XANG)

Lớp III

17 — —	.	.	.	(—)	.	.	Lòng	(MUỐN)
	.	Thử	tài	(—)	gả	.	tiều	(PHU)
18 — —	Bá	Nha	nối	(LẠI)	đường	tơ	.	(—)
	Nhìn	.	tiều	(SINH)	bảo	qua	mấy	(LỜI)
19 — —	.	.	.	(—)	.	.	Muốn	(CHO)
	.	Đây	đó	(—)	đặng	.	hiểu	(LÒNG)
20 — —	Cùng	.	nhau	(KHỎI)	ngại	nghi	.	(—)
	.	Tôi	xin	(—)	đàn	lại	một	(BÀI)
21 — —	.	.	.	(—)	.	.	Tiều	(SINH)
	.	Cúi	.	(—)	xin	.	vâng	(DẠY)
22 — —	Tôi	.	sẵn	(LÒNG)	hầu	thính	.	(—)
	Dầu	.	sơ	(SÓT)	xin	lượng	thứ	(THA)
23 — —	Thượng	.	đại	(PHU)	ôm	đàn	liền	(KHẢI)
	.	mấy	khúc	(—)	nhạc	.	bổng	(TRẦM)
24 — —	Tiều	phu	vang	(TIẾNG)	khen	rằng	.	(—)
	Mĩ tài	đại nhơn	chí	(TẠI)	cao	sơn	.	(—)

(Lớp IV)

25 — —	.	.	.	(—)	.	.	Nhóng	(DẢY)
	.	đồi	.	(—)	ngón	.	tơ	(ĐÀN)
26 — —	như	.	huyền	(ẢO)	mơ	màng	.	(—)
	Càng	.	tỏ	(Rõ)	tình	.	phong	(LƯU)
27 — —	.	.	.	(—)	.	.	Hay	(HAY)
	.	khen	thay	(—)	chí	.	đại	(NHẪN)
28 — —	Tại	.	lưu	(THỦY)	trường	giang	.	(—)
	.	mênh	mang	(—)	thích	cảnh	nước	(TRỜI)
29 — —	.	.	.	(—)	.	.	Vội	(VÀNG)
	.	Đứng	dậy	(—)	bắt	.	lấy	(TAY)

30 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn xg . (—)
xế . xê (XANG) tồn u xán (LIU)
31 — — . . . (—) . . Tồn (CỐNG)
. liu liu (—) cống . liu (XÊ)
32 — — xg . liu (XỪ) xg xê . (—)
cộng .. cộng (XỀ) cộng . tồn (LIU)
33 — — . . Tồn (LIU) u liu tồn liu (CỘNG)
. liu liu (—) cồng . liu (U)
34 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn u . (—)
Liu . liu (U) xán liu . (—)

BÀI CA

30 — — Nhờ . thử (DẠ) hôm nay . (—)
Lão . rất (MAY) gặp bạn anh (TÀI)
31 — — . . . (—) . . Cùng (NHẬU)
: Cạn chén (—) tỏ . tánh (DANH)
32 — — Chung . Tử (KỶ) thật tiểu sinh (—)
. chuyện trò (—) sum hiệp trót (CANH)
33 — — . . Tiếc (GÌ) gặp nhau quá (MUỘN)
Gẫm . trong (ĐỜI) mấy mặt tri (ÂM)
34 — — Đề . kết (BẠN) đồng tâm . (—)
Vui thưởng cảnh gió (MÁT) trăng thanh . (—)

(tiếp qua Bình bán chấn)

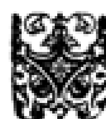


Nhạc sĩ HAI-BIỀU

Huỳnh-văn-Biều (tự HAI-BIỀU) sanh năm 1912, tại làng Mỹ-Lệ Cần-Đước (Cholon) chuyên về Thập lục huyền cầm (đờn tranh).

Hiện là Giáo-sư trường âm nhạc viện Quốc-Gia Việt-Nam, và giúp việc trong nhiều ban Cổ nhạc ở Đài Phát Thanh - Saigon.

CỔ NHẠC
TẦM NGUYÊN



BÌNH BÁN CHẤN

(44 câu nhịp tư (nhịp đôi)

(BỐN LỚP)

Lớp I	**Từ**	**câu**	**số**	**1**	**đến**	**câu**	**số 10**
Lớp II	,,	,,	,,	**11**	,,	,,	,, **22**
Lớp III	,,	,,	,,	**23**	,,	,,	,, **32**
Lớp IV	,,	,,	,,	**33**	,,	,,	,, **44**

Bài số 3. BÌNH BÁN CHẤN (44 câu nhịp tư)

(Lớp I)

1 — — . . . (—) . . xế (XANG)
. xang xề (.) xế . xg (LỈU)
2 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn liu . (—)
xán . xán (LIU) tồn liu xán (U)
3 — — . . . (—) . . Tồn (U)
. ủ u (—) u . liu (CỘNG)
4 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn cộng . (—)
Liu . liu (U) liu xán tồn (LỈU)
5 — — . . . (—) . . xàn (LỈU)
. liu xàn (—) liu . xán (U)
6 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn u . (—)
xán . xán (U) ủ u liu (CỘNG)
7 — — (Cộng . Cộng (CỒNG) . . xê (XÀN)
xế . xê (XÀN) xề . cộng (LIU)
8 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn cộng . (—)
Liu . liu (U) liu xán tồn (LỈU)
9 — — . . . (—) . . xế (XANG)
. . xang xề (—) xế . xang (LỈU)
10 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn liu . (—)
xế . xán (TỒN) . liu . (—)

(Lớp nhì)

11 — — . . . (—) . . xế (XANG)
. xg tan (—) xế . xang (LỈU)
12 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn liu . (—)
xán . xán (U) ủ u liu (CỘNG)
13 — — (Cộng . Cộng (CỒNG) . . Tồn (U)
. xế xán (—) u . liu (CỘNG)
14 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn cộng . (—)
xế . xê (XANG) xê . liu (CỘNG)
15 — — (Cộng . Cộng (CỒNG) . . Tồn (U)
. xế xán (—) u . liu (CỘNG)

Bài số 3. BÌNH BÁN CHẤN Nguyệt nga họa tượng Vân Tiên

(Lớp nhứt)

1 — — . . . (—) . . Tai (NGHE)
. Trống . (—) điểm . bên (LẦU)
2 — — Còn . vơ (VẦN) một mối sầu . (—)
. nặng một (—) bầu . tâm (SỰ)
3 — — . . . (—) . . . (NGAO)
. ngán thay (—) phận . má (HỒNG)
4 — — nào . ai (THẤU) nỗi lòng . (—)
mối . tơ (RỐI) khéo vấn vương . (—)
5 — — . . . (—) . . Lê (ĐÌNH)
: . lặng lẽ (—) nhìn . gương (NGA)
6 — — chạnh . nhớ (KHÁCH) đường xa . (—)
cách . núi (SÔNG) bao . nhiêu (DẶM)
7 — — . . . (—) . . ai (LÀM)
: cho hiệp (—) rồi . lại (TAN)
8 — — . chữ ân (—) bày nên nợ . (—)
Đau xót (—) mãnh dung nhan . (—)
9 — — . . . (—) . . Trao (THI)
. nhớ . (—) lúc . giữa (ĐÀNG)
10 — — chàng thẹn với (CẤY) trâm vàng . (—)
Riêng nặng (—) khối tình mang . (—)

(Lớp nhì)

11 — — . . . (—) . . nghĩ (THÔI)
. luống . (—) tủi . cho (MÌNH)
12 — — Tai . họa (ĐÂU) thình lình . (—)
chén . chung (TÌNH) bao . thưở (CẠN)
13 — — . . . (—) . . vì (KHÔNG)
. gặp sẳng (—) tay . anh (HÙNG)
14 — — . cứu khỏi (—) chốn nguy cùng . (—)
mảnh . thân (DANH) cam . vùi (DẬP)
15 — — . . . (—) , . trông (VỜI)
. muôn dâu (—) lần . một (MÀU)

BÌNH BÁN CHẤN (44 câu nhịp tư)

Lớp nhì (tiếp theo)

16 — —	Tồn	.	tan	(TỊCH)	tồn	cộng	.	(–)
	Liu	.	liu	(CỒNG)	liu	.	xán	(U)
17 — —	.	.	.	(–)	.	.	Tồn	(U)
	.	u	ủ	(–)	u	.	liu	(U)
18 — —	Tồn	.	tan	(TỊCH)	tồn	u	.	(U)
	Xế	.	xán	(U)	ủ	u	liu	(CỘNG)
19 — —	(Công	.	công	(CỒNG)	.	.	Tồn	(CỒNG)
	.	liu	liu	(–)	cồng	.	liu	(U)
20 — —	Tồn	.	tan	(TỊCH)	tồn	u	.	(–)
	xán	.	xán	(TỒN)	.	u	.	(–)
21 — —	.	.	.	(–)	.	.	Tồn	(U)
	.	ủ	u	(–)	u	.	xán	(LIU)
22 — —	Tồn	.	tan	(TỊCH)	tồn	liu	.	(–)
	.	xế	xán	(TỒN)	.	liu	.	(–)

(Lớp ba)

23 — —	.	.	.	(–)	.	.	Tồn	(LIU)
	.	Liu	liu	(–)	liu	.	liu	(CỘNG)
24 — —	Xang	.	liu	(XỪ)	xang	cống	.	(–)
	Liu	hò	là	(XỰ)	xang	cống	liu	(XỀ)
25 — —	.	.	.	(–)	.	.	Tồn	(XỀ)
	.	xề	tồn	(–)	xề	.	cộng	(LIU)
26 — —	U	.	liu	(PHẠN)	xán	liu	.	(–)
	U	.	ú	(LIU)	tồn	cống	liu	(XỀ)
27 — —	.	.	.	(–)	.	.	Tồn	(XẾ)
	.	xế	xang	(–)	cống	.	liu	(XẾ)
28 — —	Xang	.	liu	(XỪ)	xang	xê	.	(–)
	Công	.	liu	(XỀ)	xang	.	liu	(XỰ)
29 — —	(Xư	.	xư	(XỪ)	.	.	xế	(XANG)
	.	xg	xề	(–)	xang	.	liu	(XỰ)
30 — —	.	xang	xê	(–)	xang	xự	.	(–)
	Là	.	là	(HÒ)	xê	.	liu	(CỒNG)

(Nguyệt Nga họa tượng Vân Tiên (tiếp theo)
(Lớp II (tiếp theo)

16 — — Có biết ngày (NÀO) nghe đặng . (—)
Khúc . tơ (ĐÀN) lưu thủy cao (SAN)
17 — — . . . (—) . . Ông (TƠ)
. ghét . (—) bỏ . chi (NHAU)
18 — — Khiến . tình (CẢNH) đớn đau . (—)
Biết . cùng (AI) trao lời hơn (THIỆT)
19 — — . . . (—) . . Cô (PHÒNG)
. thao thức (—) trót . canh (THÂU)
20 — — Như . chức (NỮ) đợi chàng ngưu . (—)
Nhìn . tim (LỤNG) dấu hao . (—)
21 — — . . . (—) . . Biết (ĐÂU)
. thế . (—) cuộc . đời (DỜI)
22 — — . dâu bể (—) cơ trời . (—)
. giọt thảm (—) dầm chơn . (—)

(Lớp III)

23 — — . . . (—) . . Tơ (DUYÊN)
. phủ . (—) có . cao (DÀY)
24 — — Dầu . non (MÒN) biển cạn . (—)
Giải . đồng (VẸN) cho . đến (XƯƠNG)
25 — — . . . (—) . . Vọng (BÀN)
. Nguyện . (—) với . thần (LINH)
26 — — Chứng . cho (LÒNG) sắc đinh . (—)
Đốt . nén (HƯƠNG) dâng lên tấc (THÀNH)
27 — — . . . (—) . . Âm (THẦM)
. nhớ dạng (—) khách . tương (NHÂN)
28 — — Mượn . nét (BÚT) thanh tân , (—)
Điểm , dung (NHAN) nên , bức (TƯỢNG)
29 — — , , , (—) . , Chàng (ƠI)
, có , (—) thấu , cho (CHĂNG)
30 — — , thiếp thệ (—) với lòng , (—)
, thủy chung (—) tròn , nghĩa (BẠN)

31 — — Cộng . công «CÒNG» . . xế «XANG»
xế . xê «XANG» xề . cộng « LIU »
32 — — Tồn . tan «TỊCH» tồn cộng . « — »
Liu . liu « U » liu xán tồn « LIU »

(Lớp tư)

33 — — . . . « — » . . Là « HÒ »
Là . là « HÒ » là xự . «XANG»
34 — — . xang xê « — » xg liu xự . « — »
xàn liu « — » cống . xê «XANG»
35 — — . . , « — » , , xế «XANG»
, xang xề « — » xế , xg « HÒ »
36 — — Tồn xang xề « XÊ » xang hò , « — »
Liu phàng xg « HÒ » liu xự tồn «XANG»
37 — — , , Tồn «XANG» xê xg hò xg « XÊ »
, Tồn c'g liu « — » xê , xế «XANG»
38 — — . xg xê « — » xg liu xự , « — »
Liu hò là « XỰ » xg cống liu « XÊ »
39 — — , , , « — » , . Tồn « LIU »
, xán xán « — » u , liu « XÀN »
40 — — , xàn liu « — » liu xàn , « — »
xàn , liu «CỘNG» coug cộng xê « XÀN »
41 — — , , , « — » , , liu « XỰ »
, xan liu « — » xừ , xang « XÊ »
42 — — Tồn , tan «TỊCH» tồn xê , « — »
Cống , cống « XÊ » xang . liu « XỰ »
43 — — . (xư . « XỪ » . . Là « HÒ »
Là . là « HÒ » là xự . «XANG»
44 — — . xg xê « — » xg liu xự . « — »
. xàn liu « — » cống ; xê «XANG»

Tiếp theo XUÂN TÌNH

Đây là sắp theo thông thường, nếu theo thứ tự cung, thì khi dứt Bình Bán qua Cổ Bản Trường.

31 — — . . . (—) . . Tượng (NẦY)
, Hỡi , (—) chàng , vấn (LANG)
32 — — Thiếp , giữ (CHO) đến cùng , (—)
, sống thác (—) cũng , có (NHAU)

(Lớp IV)

33 — — , , , (—) , , Ngàn (TRÙNG)
, cánh hồng (—) ở , phương (NAO)
34 — — , Để , chơi (VƠI) chiếc nhạn , (—)
, , mòn mỏi (—) nỗi nhớ (THƯƠNG)
35 — — , , , (—) , trăm (NĂM)
, ai , (—) có , bằng (HỜ)
36 — — Thiếp , quyết (TRỌN) một thờ , (—)
Để , đến (HỒI) hoạn nạn có (NHAU)
37 — — , , , (—) , , , (SAU)
, Dầu đến (—) cuộc , tan (THƯƠNG)
38 — — , Rả cánh (—) đóa hoa xuân , (—)
, Vàng đá (—) liệu , với (THÂN)
39 — — , , , (—) , , Tàn (CANH)
, lai láng (—) khối , cảm (HOÀI)
40 — — , giờ khắc (—) còn dài , (—)
, nhặt thúc (—) tiếng , đỗ (QUYÊN)
41 — — , , , (—) , , Khêu (ĐÈN)
, để nhắm (—) bức , tượng (NHÂN)
42 — — Càng , xúc (ĐỘNG) bâng khuâng , (—)
Nét , tư (LƯƠNG) chín khúc ruột tơ (VÒ)
43 — — , , , (—) , , Ngàn (LỜI)
, than thở (—) với , gió (SƯƠNG)
24 — — , xin đem (—) tấm cang trường , (—)
, cho thấu (—) tận , cố (NHÂN)

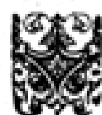
tiếp qua Xuân tình Chấn C.H.S.



Nhạc sĩ MƯỜI CỦA

Võ-văn-Của (tục danh MƯỜI CỦA) một danh nguyệt cầm miền Nam, sanh năm 1910 tại tỉnh Cần-Thơ, nhiều năm tận tụy với nghề, hiện là nhạc trưởng giảng nhạc cổ điển Đoàn Thi Ca Vũ Nhạc Kịch - KIM-CHƯỞNG THANH-HƯƠNG Saigon.

CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN



XUÂN TÌNH CHẤN

(48 câu nhịp tư (nhịp đôi)

(BỐN LỚP)

Lớp I	Từ	câu	số	1	đến	câu	số	14
Lớp II	,,	,,	,,	15	,,	,,	,,	30
Lớp III	,,	,,	,,	31	,,	,,	,,	40
Lớp IV	,,	,,	,,	41	,,	,,	,,	48

Bài số 4. **XUÂN TÌNH CHẤN** (48 câu nhịp tư)

1 — — , , , « — » , , Liu (CỐNG)
, líu líu « — » cống , liu (XỪ)
2 — — xang , líu « XỪ » xang xê , (—)
, xàn líu « — » công , xê (XANG)
3 — — , , Tồn «XANG» liu , liu (XỰ)
. xự xự « — » xự , liu (HÒ)
4 — — tồn , tan «TỊCH» tồn hò . (—)
liu phăng xang « HÒ » liu xự tồn (XANG)
5 — — , , tồn «XANG» xg hò liu (XỰ)
, Xư xự « — » xư , XANG (HÒ)
6 — — Tồn , tan « TỊCH » tồn hò , (—)
Liu phàng xang « HÒ » líu xự tồn (XANG)
7 — — , , tồn «XANG» xg tồn liu (CỐNG)
, líu liu « — » cống , líu (XỪ)
8 — — xang . liu « XỪ » xg xê , (—)
, xàn líu « — » cống , xê (XANG)
9 — — , , tồn «XANG» xg hò líu (XỰ)
, xư xự « — » xự , xg (HÒ)
10 — — Tồn xg xề « XÊ » xg hò , (—)
Liu phàng xg « HÒ » liu xự tồn (XANG)
11 — — , , tồn «XANG» liu , liu (XỰ)
, xang liu « — » xự , hò (XỰ)
12 — — , , Hò « XỰ » xg xự hò (CỐNG)
xế , xế «XANG» tồn xang , (—)
13 — — , , xg « XÊ » xề xê xang (XỀ)
tan , tan « XỀ » xế phạn tan (LIU)
14 — — , xang xế « — » liu xề , (—)
tan , tan « XỀ » xứ cộng tan (LIU)

Lớp nhì

15 — — , , , « — » , , tồn (LIU)
, , lĩu , « — » liu , liu (CỘNG)
16 — — xang , liu « XỪ » xg cống , (—)
xế , xê «XANG» xê , liu (CỘNG)

Bài số 4. XUÂN TÌNH CHẤN

(Kiểu vàng trọng hiên)C. H.S.

(Lớp nhứt)

1 — — . , , (—) , , vừng (ÁC)
Đã kiếp (—) ngậm gương non (ĐÀI)
2 — — kiều , chẳng (TIỆN) ngồi dạy , (—)
liền , đứng (LÊN) kiếu giả bạn (VÀNG)
3 — — , gót sen (—) nàng , bước (NHẸ)
, vội vã (—) tách chốn trướng (HUỲNH)
4 — — Tin mai vừa (BIẾT) hai thâm tình , (—)
Giữa , tiệc · (HUỲNH) chưa hồi gia (TRANG)
5 — — , , mừng (THÔI) nầy cơn tái (HIỆP)
, Rèm the (—) vội rũ cửa (NGOÀI)
6 — — Xâm xâm chốn (CŨ) trở hài , (—)
Lối , vườn (ĐÀO) băng minh canh (KHUYA)
7 — — , , , (—) , , nhặt (THƯA)
, nguyệt chiếu (—) trải khắp mấy đầu (CÀNH)
8 — — Cảnh trời gió (MÁT) trăng thanh , (—)
ngọn đèn xa (TRÔNG) hiu hắt thơ (PHÒNG)
9 — — , , kim (SANH) thiu thiu bên (TRIỆN)
, tỉnh mê (—) dưới ngọn đèn (MỜ)
10 — — Bâng khuâng hồn (BƯỚM) dật dờ , (—)
Tợ , non (THẦN) đỉnh giáp ngoạn (DU)
11 — — Tiếng sen sẽ (ĐỘNG) giấc hoè. tỉnh (DẬY)
nhìn nàng tận (MẶT) còn ngờ trong (MỘNG)
12 — — Dè đâu người (NGỌC) nặng tình Kim (TRỌNG)
đêm trường khoản (VẤN) vì hoa theo lối tìm (HÒA)
13 — — . thì ra (—) rỏ mặt bày (GIỜ)
biết đâu nửa chẳng (LÀ) như giấc chim (BAO)
14 — — vội mừng làm (LỄ) rước vào , (—)
đài sen nối (SÁP) song đào thêm (HƯƠNG)

(Lớp nhì)

15 — — , , , (—) , , HOA (TIÊN)
, đồng thảo (—) mặt trương minh (THỆ)
16 — — vật đổi sao (DỜI) chẳng nệ . (—)
Đoạn , tóc (MÂY) thật lòng chung (THỦY)

(Lớp nhì (tiếp theo)

17 — — , công , (CỒNG) . , Tồn (LIU)
, liu , (—) liu , liu (CỘNG)
18 — — Tồn , tan (TỊCH) tồn cộng , (—)
Liu hò là (XỰ) xg cống liu (XÊ)
19 — — , , , (—) . , Tồn (XÊ)
, xang tồn (—) cống , liu (XÊ)
20 — — Tồn , tan (TỊCH) tồn xê , (—)
Cống , liu (XÊ) là xang liu (XỰ)
21 — — , xư , (XỪ) , , liu (XỰ)
, xang liu (—) xự , xang (XÊ)
22 — — Tồn , tan (TỊCH) tồn xê , (—)
Liu , lỉu (.LIU) liu cống liu (XÊ)
23 — — , , , (—) , , Tồn (XỀ)
, xề tồn (—) xề , cộng (LIU)
24 — — Tồn , tan (TỊCH) tồn liu , (—)
liu , lỉu (TỒN) , liu , (—)
25 — — , , , (—) , , Là (HÒ)
Là , là (HÒ) là xự , (XANG)
26 — — , xg xê (—) xg liu xự , (—)
, xản liu (—) cống , xê (XANG)
27 — — . . , , (—) . , Liu (XỰ)
. xang liu (—) xự . xang (XÊ)
28 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn xê . (—)
cống . cống (XÊ) là xg liu (XỰ)
29 — — . xự . (XỪ) . . la (XỀ)
La . la (XỀ) xế phạn la (HO)
30 — — . xang xế (—) la xề . (—)
La . la (XỀ) xế phạn la (HO)

(Lớp ba)

31 — — . . : (—) . . Tồn (LIU)
. xế xản (—) u . liu (XẢN)
32 — — . xản liu (—) liu xản . (—)
Liu . liu (XẢN) liu . xản (CỘNG)

(Lớp nhì) tiếp theo

17 - - . . . (—) vẹn giữ lời đinh (NINH)
dưới ánh sáng (SOI) song song hai (MẶT)
18 - - chứng vừng trăng giữa (TRỜI) vằng vặc . (—)
trăm năm nguyền (TẠC) chữ đồng đến (XƯƠNG)
19 - - . . . (—) . . khuyên (MỜI)
chén . tử (HÀ) cùng sánh giọng Quỳnh (TƯƠNG)
20 - - thơ phòng sực (NỨC) mùi hương . (—)
nơi . bình (GƯƠNG) mỹ nhân bóng (LỒNG)
21 - - . . . (—) tâm sự đánh (BẠO)
. xin khẻ bảo (—) nầy gió mát trăng (TRONG)
22 - - mối . tơ (LÒNG) vẫn mong . (—)
luống . ngại (NGÙNG) khó tính sao (XONG)
23 - - . . . (—) nghĩ vì chốn Lam (KIỀU)
chưa dừng bước (—) mong hiến nạp chày (SƯƠNG)
24 - - vẫn còn lỡ (DỞ) uyên-ương . (—)
sợ lần khôn hóa (RA) sàm sở chăng . (—)
25 - - . . . (—) . . Kiều (RẰNG)
Hồng điệp xích thằng (LỜI) cũng nghĩa tương (TRI)
26 - - có sao đâu (CHÀNG) nề vị . (—)
câu . chánh (ĐẲNG) chớ . ngại (CHI)
27 - - . . . (—) . . Lãnh (HỘI)
Đăng ý cao . (—) đẹp dạ nầy xiết (BAO)
28 - - lời . hoa (NGUYỆT) đừng trao . (—)
tiếng . thị (PHI) hay . chế (NHẠO)
29 - - . . . (—) Được . vậy (CÒN)
tiếc . nỗi (GÌ) chẳng toại chí kẻ nữ (NHI)
30 - - dừng đem dồi (BẠC) lần với chi . (—)
. Rồi . (—) thế sự khinh (KHI)

(Lớp ba)

31 - . - . . . (—) . . nghiêm (TRANG)
mà chí lý (THAY) câu ngọc lời (VÀNG)
32 - - đánh tan ẩn (Ý) sỗ sàng . (—)
khiến . cho (CHÀNG) càng thêm qui (TRỌNG)

(Lớp Ba) tiếp theo và hết.

33 — — , cộng , (CỒNG) , , tồn (LIU)
, xế xán (—) u . liu (CỘNG)
34 — — Tồn , tan (TỊCH) tồn cộng , (—)
, xàn liu (—) cống , xê (XANG)
35 — — , , , (—) , , Liu (XỰ)
, xang liu (—) xự ·, hò (XỰ)
36 — — , , hò (XỰ) xang xự hò (CỐNG)
xế . xê (XANG) tồn xang . (—)
37 — — . . liu (HÒ) . . hò (CỐNG)
. hò . (—) cống . xê (XANG)
38 — — . xang hò ( ) hò cống . (—)
. xàn liu (—) cống . xê (XANG)
39 — — . . liu (CỐNG) là xừ xang (CỐNG)
. . xê (XANG) liu xừ xang (XÊ)
40 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn xê . (—)
Cộng , cộng (XỀ) cộng . tồn (LIU)

(Lớp tư là lớp chót)

41 — — . . . (—) . . Tồn (LIU)
. xế xán (—) u . liu (XÀN)
42 — — . xàn liu (—) liu xàn . (—)
Liu . liu (XÀN) liu . xàn (CỘNG)
43 — — . (cộng . (CỒNG) . . tồn (LIU)
. xế xán (—) u . liu (CỘNG)
44 — — Tồn . tan (TỊCH) tồn cộng . (—)
. xàn liu (—) cống . xê (XANG)
45 — — . . tồn (XANG) . . liu (XỰ)
. xang liu (—) xự . hò (XỰ)
46 — — . . hò (XỰ) xang xự hò (CỐNG)
Xế . xế (XANG) tồn xang . (—)
47 — — Xang . xang (XỆ) xề xê liu (XỀ)
Liu . liu (XỀ) xế phạn liu (HO)
48 — — . xang xê (—) liu . xề . (—)
Tan . tan (XỀ) xứ cộng tan (LIU)

Hết 4 bản Bắc, Trường.
(Loại Bản Bắc Trường quyền nhì sẽ tiếp theo)

(Lớp ba) tiếp theo·

33 . . . mơ - mộng (—) thưởng thức thanh (ÂM)
Kim . bất (QUA) việc đờn tuyệt (DIỆU)
34 . . . bảo rằng (—) kiểu sành điệu . (—)
Thiên tư xuất (CHÚNG) tài sánh Du-Bá-(NHA)
35 . . Mới . trân (TRỌNG) tay dâng cầm (NGUYỆT)
Buộc lòng bạn (NGỌC) ý vâng đáp (TẠ)
36 . . Năm cung to (NHỎ) khảy toàn bản (LẠ)
Phụng-cầu tư (MÃ) quảng lăng chiêu (QUÂN)
37 . . . . khiến (NGƯỜI) . . ngồi (ĐÓ)
. lòng luống (—) ngơ ngẩn xót (XA)
38 . . Vơ . vẩn (SẦU) khó tả . (—)
Ruột vò chín (KHÚC) đôi mày thiết (THA)
39 . . . . tựa (GỐI) dường . bối (RỐI)
. chẳng ăn (—) đầu ngả đôi (CƠN)
40 . . Liền . bày (TỎ) thiệt hơn . (—)
Nên mới có (LỜI) chỉ trích người (ƠN)

(Lớp tư (là lớp chót)

41 . . . . . (—) . . Lựa (CHI)
. những khúc (—) quá đỗi não (NỒNG)
42 . . Tiêu-tao nhưng (LẮM) đau lòng . (—)
Ảnh hưởng cho (ĐỜI) đầy . tủi (HẬN)
43 . . . lận - đận (—) rồi . truân - (CHUYÊN)
Cố . . dứt (KHUYÊN) đừng . tập (LUYỆN)
44 . . Liền . tạ (CHÀNG) nơi câu chuyện . (—)
Ý cao xin (LÃNH) nguyền ghi dạ mai (SAU)
45 . . . sét - suy (—) cho . cùng (CẠN)
Tề vui tan (HIỆP) đều do tiền (ĐỊNH)
46 . . Dễ đâu cải (ĐẶNG) hóa công thiên (MỆNH)
Phù - sinh trần (KIẾP) lắm đầy bụi (NHƠ)
47 . . . kiều nương (—) đã lắm tài (TÌNH)
Vì số đoạn (TRƯỜNG) phải lụy với (THÂN)
48 . . Dầu cho trong (GIÁ) trắng ngần . (—)
Phong trần cũng (LẮM) phong trần như (AI)

NG - V - TH.

Hết 4 bản Bắc Trường

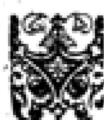


Nhạc si SÁU ĐẶNG

Nguyễn văn Được (tự Sáu Đặng) sanh năm 1915. Tại tỉnh Bạc Liêu nhiều năm sống với nghề trên sân khấu lớn miền Nam hiện giúp việc trong đoàn T.C.V.N KIM CHƯỞNG THANH HƯƠNG. Saigon.

CỔ NHẠC

TẦM NGUYÊN



TỨ ĐẠI OÁN

(38 câu nhịp tám)

Bài thứ nhứt trong sáu bản oán

(NĂM LỚP)

Lớp I	Từ	câu	số	1	đến	câu	số 7
Lớp II	,,	,,	,,	8	,,	,,	,, 15
Lớp III	,,	,,	,,	16	,,	,,	,, 23
Lớp IV	,,	,,	,,	24	,,	,,	,, 30
Lớp V	,,	,,	,,	31	,,	,,	,, 38

Bài số 5. TỨ ĐẠI (OÁN) (38 câu nhịp tám)

(Lớp nhứt)

1 . . . . , . . . (—) 1 . . . . , , . . , . (—) 2
. , ... (—) 3 . . . . , , . . , tồn (líu) 4
. , Liu liu . . . , (—) 5 . Liu , , . xế . xán (líu) 6
. . Liu xề , líu tồn xán (xế) 7 hò . xế xê . tồn liu oan (xê) 8
2 . xê xề , , xề , oan (líu) 1 , líu xề , . líu tồn xán (xế) 2
. hò xế xê , tồn líu oan (xàn) 3 , xế xê , , xg . xế (xê) 4
. xế xê , . xệ . tồn (líu) 5 , líu líu , , líu , oan (xề) 6
. xề xề , , xề . tồn (xề) 7 líu . oan xề . líu xàn xề (líu) 8
3 . , , , , Líu xàn xề (líu) 1 , líu xề , , líu tồn xán (xế) 2
Hò . xế xê , tồn líu oan (xàn) 3 , xế xê , , xg , xế (xê) 4
. xế xê . , xê , tồn (líu) 5 , líu líu , , líu , oan (xề) 6
. xề xề , , xề . tồn (xề) 7 . líu oan xề , líu xàn xề (líu) 8
4 . , . , . Líu xàn xề (líu) 1 . líu xề , . líu tồn xán (xế) 2
Hò , xế xê . tồn líu oan (líu) 3 , líu oan xề . líu xàn xề (líu) 4
. . . . , : Hò tồn (líu) 5 . líu líu , , líu , líu (líu) 6
. . . Líu . líu líu líu (líu) 7 , líu oán , , xê , líu (xự) 8
5 . , , , , Tồn xế xế (xản) 1 , , . xg . . , , (—) 2
. . . , . . . Tồn (hò) 3 , hò hò . , tồn , xản (xê) 4
. xê xề , , xê , tồn (líu) 5 , Líu líu , , líu , oán (xê) 6
. xê xế . , . xê . tồn (xg) 7 xg , xế xê . xế tồn xế (xự) 8
6 . , Hò , , xự , tồn (xg) 1 , xg xản , . xg , tồn (xê) 2
. Líu oán . , xê , tồn (hò) 3 Líu , oan xề , líu xàn xề (líu) 4
. . , . . Hò . tồn (xự) 5 , xự xự . , tồn . xg (xề) 6
. xê xề . , xê , tồn (líu) 7 . líu líu . , líu , xế (xg) 8
7 . xg xg . . xg . tồn (xê) 1 . líu oán , , xê . tồn (hò) 2
Líu . oan xề , líu xàn xề (líu) 3 líu , oan xề . líu xàn xề (xang) 4
. . . . . , . , , (—) 5 . , ... (—) 9
. , ... , . . . (—) 7 . , ... xế xê (xg) 8

Lớp nhì (là lớp xang dài 1)

8 . xg xg , , xg . tồn (xg) 1 , . , xg , , xề (—) 2
. Tồn . . . xế , xế (xg) 3 xế . xg xự , tồn . xế (xg) 4
. xg xản . , xg , tồn (xê) 5 , líu oán . , xê , tồn (hò) 6
. Líu oan xề , líu xàn xề (líu) 7 líu , oan xề , líu xàn xề (xg) 8

Bài số 5. TỨ ĐẠI (OÁN) (Soi gương giòng sông há)

(Lớp nhứt)

1	. . . , , , . . , ,	(—)	1	, , , , , , .	(—)	2
	, . . , , . . . , ,	(—)	3	. đây hoàng .	(HỒN)	4
	. , . . , , , , , ,	(—)	5	. bao phủ tóc ,	(TANG)	6
	giồng sông như hấp	(HỐI)	7	chở đưa hai mảnh linh	(HỒN)	8
2	vang vầy tiếng quân ,	(REO)	1	. từ , xa vọng	(ĐẾN)	2
	như tiếng thác gào .	(NGÀN)	3	. . . . , . ,	(—)	4
	ôi đó chính là . ,	(NGÀY)	5	đền nợ nước thù	(NHÀ)	6
	của nhị , vị anh .	(HÙNG)	7	, trưng , nử .	(VƯƠNG)	8
3	chị , , cùng , ,	(EM)	1	nhìn con sông ,	(HÁT)	2
	cất . tiếng , than .	(RẰNG)	3	. . , , , .	(—)	4
	nay , . đá đến .	(HỒI)	5	lực . , tận binh .	(TÀN)	6
	thì hai , tấm thân .	(NẦY)	7	đành một . thác cho	(AN)	8
4	nhớ , . ngày , ,	(QUA)	1	khi được , tin cấp	(BÁO)	2
	thi phu , tướng đầu	(RƠI)	3	. . .	(—)	4
	vì , , ngang , .	(NHIÊN)	5	thóa mạ . gả họ	(TÔ)	6
	. . . ,	(—)	7	tên thái thú bạo	(TÀN)	8
5	. . , , .	(—)	1	, . , ,	(—)	2
	. . . , . khí .	(HỜN)	3	như dâng ngập tâm	(CANG)	4
	chị càng . , . ,	(EM)	5	. dồng , tuốt	(GƯƠM)	6
	quyết đánh đuổi xăm	(LĂNG)	7	để bảo tồn nền lạc	(VIỆT)	8
6	, trên lưng .	(VOI)	1	oai dủng .	(—)	2
	ngọn . , cờ .	(VÀNG)	3	. . . .	(—)	4
	đả , làm .	(CHO)	5	quân , nam , ,	(HÁN)	6
	trải , . qua bao	(TRẬN)	7	khiếp vía hồn	(KINH)	8
7	đem . , phấn . .	(SON)	1	tô điểm san ,	(HÀ)	2
	thanh sử đả chói	(LÒA)	3	gương hùng phụ nử phương	(NAM)	4
	. , ,	(—)	5	. . , ...	(—)	6
	. . ,	(—)	7	, , . , . nay phải . .	(CAM)	8

Lớp nhì (là lớp xang dài I)

8	Phải đành . cam ,	(—)	1	tuyệt mạng . .	(—)	2
	mặc cho nước cuốn hoa	(TRÔI)	3	. . . . .	(—)	4
	hai . . . tấm .	(THÂN)	5	khăn yếm má	(HỒNG)	6
	sẻ phải dập ,	(VÙI)	7	giửa giòng sông	(HÁT)	8

(Lớp xang dài I là lớp nhì) tiếp theo)

9 . xg xản . , xg . tồn (XÊ) 1 . líu oán . , xê . tồn (HÒ) 2
Liu . oan xề , liu xàn xê (LIU) 3 . liu oan xề , liu xàn xề (XG) 4
. xg xản . , xg . tồn (XÊ) 5 . líu oán . , xê . tồn (HÒ) 6
Liu . oan xề , liu xàn xề (LIU) 7 liu . oan xề , liu xàn xề (XG) 8
10 Xế . xg xự , tồn . xế (XG) 1 . . . . , . . xế (XÊ) 2
. xê xế . , xê . xế (XÊ) 3 . xê xế . , xê . tồn (LIU) 4
. liu liu . , líu . oán (LIU) 5 , liu liu . , líu . líu (LIU) 6
. líu oán xê , . xê . (—) 7 . líu oán . , xê . tồn (HÒ) 8
11« . liu liu . , liu . oan (XỀ) 1 . xề oan . liu . tồn (LIU» 2
. . . , , . . , (—) 3 , . . . , . . tồn (XÊ) 4
. xê xề . , xê , tồn (LIU) 5 , liu liu , . liu . (—) 6
. líu oán xê , . xê , (—) 7 . líu oán . , xê , tồn (HÒ) 8
12 . hò . , , xự , tồn (XG) 1 , xg xản . , xg . tồn (XÊ) 2
. líu oán . , xê . tồn (HÒ) 3 (, liu oan xề , liu xàn xê (LIU) 4
. . , . . . liu tồn (XỀ) 5 . líu oán , , xê . tồn (HÒ) 6
. liu oan xề , liu xàn xề (LIU) 7 liu . oan xề , liu xàn xề (XG) 8
13 (xế . xg xự , tồn . xế (XG) 1 . . . . . , . xế xê (XG) 2
. , xg xê . xề xê xg (XỰ) 3 , xư xự , , tồn . xg (XÊ) 4
. xê xề , , xê . tồn (LIU) 5 , liu liu . , líu . oán (XỀ) 6
. xê xề . , xê . tồn (XG) 7 . xg xế xê . xế xê xg (XỰ) 8
14 . xư xự . , xự , tồn (XG) 1 . xg xản , . xg , tồn (XỀ) 2
. líu oán . , xê , tồn (HÒ) 3 liu . oan xề , liu xàn xề (LIU) 4
. . , . . . hò tồn (XỰ) 5 , xư xự . . tồn . xg (XỀ) 6
. xê xề . , xê , tồn (LIU) 7 , líu oán . . xê , xế (XG) 8
15 . xg xản . , xg . tồn (XỀ) 1 , líu oán , , xê , tồn (HÒ) 2
. liu oan xề , liu xàn xề (LIU) 3 liu , oan xề , liu xàn xề (XG) 4
. . , , , , , , (—) 5 , , , . , , , (—) 6
. . , . , , , , (—) 7 , , , , xế xê , (XG) 8

(Lớp III (là lớp xang dài nhì)

16 . xg xản , xg , tồn (XG) 1 , , , xg , , xề , (—) 2
. tồn , , , xế , xế (XG) 3 , xế , xg xự , tồn , xế (XG) 4
. xg xản , , xg , tồn (XỀ) 5 , líu oán , , xê , tồn (HÒ) 6
. liu oan xề , liu xàn xề (LIU) 7 liu , oan xề , liu xàn xề (XG) 8

Bài số 5. TỨ ĐẠI (oán) Soi gương giòng sông hát

Lớp nhì là lớp xang dài nhứt (tiếp theo)

9 . , , , ấy chẳng , (QUA) , , sức . của con , (NGƯỜI)
. , khó vượt , qua , (—) , , mạng , trời , thử (THÁCH)
. : bao , năm vùng , (VẪY) , , oanh , liệt một , (THỜI)
. , giờ , phải , bó (TAY) , , cùng , , định (MỆNH)
10 . , , , , , , (—) , ôi , , , em , (ÔI)
. , , ôi , hởi , (EM) , , , , , trưng , (NHỊ)
. , trong , , , giữa , (LÚC) , , , , , nguy , (NAN)
. , chị em , ta , (—) gặp phải , bước đường . (CÙNG)
11 . , , , , , , , (—) . , , , , , . , (—)
. , , , , , , , (—) , , , . . . thì . (THÔI)
. , , ta , , há (NỞ) . , đi tham , sanh , (—)
. , , trong , kiếp , (—) . sống , . thẹn , (THUỒNG)
12 . quyết . , , chẳng . (ĐỂ) cho , , lọt vào , (TAY)
. của , , , kẻ . (THÙ) , , ... ,(—)
. , vậy , chị , em (TA) , , , chỉ , , , (CÒN)
. , . , , nịch , (TRẦM) , xuống , . giòng Hát (CIANG)
13 , , , , , , , , (—) , , . , . chị , (ÔI)
. , kiếp , sống chúng , (TA) , đã oanh , liệt , dọc (NGANG)
, lấy , máu dịch , (QUÂN) , tấm , . luởi gươm . (THIÊNG)
. . chị trước . em . (SAU) . ngồi trên . lưng bạch . (TƯỢNG)
14 . . . uy . danh . (—) . vang . . động bốn . (PHƯƠNG)
· Quân Hán . bạt via hồn (KINH) . . . . . . , , (—)
. , , , , , đến , (NAY) , đương đầu , cùng , mã (VIỆN)
. vì sức , người , có (HẠNG) , gặp phải , cảnh , bại (BINH)
15 . đành mượn , giòng sông (HÁT) , , , ta , , liều , (MÌNH)
. , cho , , ngàn , (NĂM) còn rạng , tiếng gái mê (LINH)
. , , , , . , (—) , , , , , . , . , (—)
. , , , , , , (—) , . . . , nghe lời , (EM)

Lớp III (là lớp xang dài nhì.)

16 . em , , , phân . (QUA) , , khiến chị . đây . (—)
. cầm . . kích biết . (BAO) . , , . . . , (—)
. nhớ , . . lại . (THUỞ) . em . . chị tung . (HOÀNH)
. tả . . đột hửu . (XONG) . , nơi , . bãi . (CHIẾN)

TỨ ĐẠI (OÁN) 38 câu nhịp tám (tiếp theo)

(Lớp xan dài nhì (tiếp theo)

17 xg xản xg tồn (XÊ) 1 . líu oán , xê . tồn « HÒ »2
liu lỉu . liu oan (XỀ) 3 xề , oan liu, liu . tồn « XG»4
xg xản , xg . tồn (XÊ) 5 , líu oán , , xê , tồn «HÒ»6
,liu oan xề , liu xàn xề (LIU) 7 liu . oan xề, liu xàn xề «XG»8
18 xế . xg xự , tồn xế xế (XG) 1 , , , . . . , . xế « — »2
. xê xế . xê , xế (XÊ) 3 , xê xế , , xê . tồn«LIU»4
, liu lỉu , liu . oan (LIU) 5 . liu lỉu , . líu , lỉu «LIU»6
, , lin oán, , xê , (—) 7 , líu oán, , xê . tồn «HÒ »8
19 , liu lỉu , liu , oan (XỀ) 1(xề , oan liu, liu , tồn «LIU»2
, . , , , , , (—)3 . , . , , , , tồn « XÊ »4
, xê xề . . xê , tồn (LIU) 5 , . liu lỉu, . liu . « — »6
. . liu oan . . xê , (—) 7 , líu oán , , xê , tồn « HÒ »8
20 , hò , , , xự ; tồn (XG) 1 , xg xản , , xg , tồn «XÊ »2
, líu oán , , xê , tồn (HÒ) 3 , liu oan xề, liu xàn xề «LIU»4
, , , . , . liu tồn (XÊ) 5 . líu oán , , xê . tồn «HÒ»6
, liu oan xê , liu xàn xề (LIU) 7 , liu oan xề, liu xàn xề «XG»8
21 , xế xg xự , tồn xế xg (XG) 1 . , , , , , xế xế «XG»2
, , xg xề, xề xê xg (XỰ) 3 , xự xự , , tồn , xg «XÊ»4
, xê xề , , xê , tồn (LIU) 5 , liu lỉu , , liu . oán «XÊ»6
. xế xê , , xê , tồn (XG) 7 xg . xế xê, xế xê xg «XỰ»8
22 , xư xự . , xự . tồn (XG) 1 . xg xản , , xg , tồn «XÊ »2
, líu oán , , xê , tồn (HÒ) 3(, liu oan xề, liu xàn xề «LIU»4
. , , , . , hò tồn (XỰ) 5 . xư xự . , tồn . xg «XÊ»6
, xê xề , , xê , tồn (LIU) 7 , liu oán , , xê , xê «XG»8
23 , xg xản , , xg . tồn (XÊ) 1 , líu oán , , xê , tồn «HÒ»2
. liu oan xề, liu xàn xề (LIU)3 . liu oan xề , . liu xàn xề «XG»4
, , , , . . . , , (—) 5 , , . , , . , . « — »6
. , . ; , , . . (—) 7 . , , , . . xế xế «XG»8

(Lớp tư (là lớp xan vản)

24 , xg xản . . xg , tồn (XG) 1 . . . xg . . xề . « — »2
, tồn , , , xế , xế (XG) 3 (, xế xg xự, tồn , xế «XG»4
. xg xản , . xg . tồn (XÊ) 5 , líu oán . . xê . tồn «HÒ»6
. , liu oan xề, liu xàn xề (LIU)7 li u , oan xề, líu xàn xề «XG»8

TỨ ĐẠI (OÁN) Soi gương giòng sông Hát (tiếp theo)

Lớp xang dài nhì (tiếp theo)

17 , Ta . , đổi (LẠI) 1 , giọng oanh . (VÀNG) 2
. để thay vì (—) 3 , cho . tiếng , (LỊNH) 4
. cùng nhau điều (KHIỀN) 5 , mấy vạn binh (HÙNG) 6
. , nghe danh (—) 7 địch quân đều khiếp (ĐẢM) 8
18 , , . , (—) 1 , lúc khởi , (BINH) 2
, nơi mè (LINH) 3 bừng cao đuốc (THỆ) 4
, chị em ta (—) 5 . đả hợp . (NHAU) 6
. qua tiếng sắt (ĐINH) 7 , lập một lời (NGUYỀN) 8
19 , , . . (—) 1 , . , (—) 2
. , . , (—) 3 , , tử (SANH) 4
, dầu cho sanh (TỬ) 5 . . , (—) 6
, ta dần xem (—) 7 nhẹ tợ lông (HỒNG) 8
20 , bốn cánh , (TAY) 1 tuy uyển , (CHUYỀN) 2
. nhưng oai (HÙNG) 3 . . , (—) 4
nợ nước chị quyết (ĐỀN) 5 để báo thù (CHỒNG) 6
, còn em thì (—) 7 đem sức tài an (DÂN) 8
21 , . . , (—) 1 . giết , . tô (ĐỊNH) 2
, mối , . hận (THÙ) 3 . . đã . rửa (XONG) 4
, . nhưng , (ĐỐI) 5 , , với . nước (NON) 6
. chúng ta , (—) 7 vẫn chưa tròn bổn (PHẬN) 8
22 . lại gặp , (CƠN) 1 , . nguy hiểm (—) 2
, sức mỏi binh (TÀN) 3 , ... (—) 4
, phía sau (THÌ) 5 quân địch đuổi (THEO) 6
còn trước mặt chúng (TA) 7 thì sông rộng đón (NGĂN) 8
23 . thế là , (—) 1 , hai mảnh hồng (—) 2
. liều tử . , (TIẾT) 3 cho trọn danh (THƠM) 4
. , , . (—) 5 . , . . (—) 6
. . . , (—) 7 . ôi hát . (GIANG) 8

(Lớp tư là lớp xang vắn)

24 . . . , (—) 1 trên giòng sông hát (—) 2
. còn rạng , (GƯƠNG) 3 . . . . (—) 4
. nhị vị . (—) 5 nử , anh , (HÙNG) 6
. đã trải qua (—) 7 bao . . thế (KỶ) 8

Lớp xan vắn (tiếp theo)

25 . xg xản . , xg . tồn (XÊ) 1 , líu oán , , xè . tồn (HÒ) 2
. liu lỉu . , líu . oan (XỀ) 3 , xề oan . , liu , tồn (LIU) 4
. . Liu tồn , , xg . (—) 5 . . , , xg , , xề , (—) 6
. . xế . , xg xự . (—) 7 . xự xự , , tồn . xg (XÊ) 8
26 . xê xề . , xê . tồn (LIU) 1 , liu lỉu , , liu , xán (XỰ) 2
. xừ xự , , tồn , xg (XÈ) 3(. xê xề . , tồn , xg (XÊ) 4
. xê xề . , xê . tồn (LIU) 5 , liu lỉu . , líu , liu (OAN) 6
. liu lỉu , , líu . liu (OAN) 7 , liu lỉu . , líu . oán , XỀ) 8
27 (. xề xề . , xề . tồn (LIU) 1 , liu lỉu , . liu . oan (XỀ) 2
, , , , . , . . , (—) 3 , , , . , . , tồn (XÊ) 4
. xê xề , , xê . tồn (LIU) 5 , , liu lỉu , . liu . (—) 6
. . líu oán , . xê . (—) 7 . liu oán . , xê . tồn (HÒ) 8
28 . xg xản . , xg , tồn (XG) 1 . . . . xg . . xề . (—) 2
. tồn . . . xế . xê (XAG) 3(. xế xg xự . tồn xế xế (XG) 4
. xg xản , . xg , tồn (XÈ) 5 , liu oán . . xê . tồn (HÒ) 6
. liu oan xề , liu xàn xề (LIU) 7 liu oan xề . liu xán xề (XG) 8
29 . xg xản . . xg . tồn (XÊ) 1 . líu oán . , xê . tồn (HÒ) 2
. liu lỉu , . líu , oan (XỀ) 3 . xề oan . . liu . tồn (LIU) 4
. . liu tồn . , xg . (—) 5 , . . xg , . xề . (—) 6
. , xế . , xg xự . (—) 7 , xư xự , , tồn , xg (XÊ) 8
30 . xê xế , . xê . tồn (LIU) 1 , liu lỉu . . liu . xán (XỰ) 2
. xư xự . . tồn . xg (XÊ) (3 . xế xế . , tồn , xg (XÊ) 4
. xê xề , , xê , tồn (LIU) 5 , liu lỉu , , liu , liu (OAN) 6
. liu lỉu , , liu , liu (OAN) 7 , liu lỉu , , liư , oan (XỀ) 8

Lớp năm là (lớp HỒI THỦ)

31 (, xề xề , , xề , tồn (LIU) 1 , liu lỉu , , liu , oan (XỀ) 2
. , , , , , , , , (—) 3 , , , , , , , tồn (LIU) 4
. , , liu , , liu , (—) 5 , liu , , , xế . xán (LIU) 6
. , liu xề , liu tồn xán (XẾ) 7 . hò xế xê , xề liu oan (XỀ) 8
32 . xề xề . , xề . oan (LIU) 1 . liu oan xề . liu tồn xán (XẾ) 2
liu . xế xê . tồn liu oan (XẢN) 3, xế xê . . xg . xế (XÊ) 4
. . , , . hò tồn (LIU) 5. liu lỉu . , liu . oan (XỀ) 6
. xề xề . . xề . tồn (XG) 7 , xg xg xê , xề , xg (XỰ) 8

TỨ ĐẠI OÁN (Soi gương giồng sông hát (t theo)
Lớp xang vắn (tiếp theo)

25 . nước . ' . chảy (XUÔI) 1 . . sóng . . reo . (HÙNG) 2
. lòng . . gương nử . (KIỆT) 3 . . giống . , rồng . (TIÊN) 4
. mà . . . ngàn . (SAU) 5 , , , dân , tộc , (—) 6
. , nơi miếu , vỏ . (—) 7 , vần phượng , thờ hương , (—) 8
26 . dêm , , nay mờ , (SƯƠNG) 1 , nơi hát , giang ẫm , (ĐẠM) 2
. một con , thuyền ngư , (ÔNG) 3 , , , , , , , , (—) 4
. leo lét ngọn đèn , (KHUYA) 5 , lơ , , lửng trên , (SÔNG) 6
. theo tiếng , hát , xa (XĂM) 7 , như nhớ tiếc bực anh , (HÙNG) 8
27 . , , , , , , , (—) 1 , , , , , , , (—) 2
. , , , , , , , (—) 3 , , , , , , văng , (VẲNG) 4
. ngàn , , giống sầu , (THƯƠNG) 5 , , , , , , , (—) 6
. như vấn vương theo mây , (NƯỚC) 7 , trăm , , bồng tự , (LƯƠNG) 8
28 . qua tiếng , khóc lời , (THAN) 1 , , cửa ngư , phủ , (—) 2
. qua , , lòng cảm , (XÚC) 3 , , , , , , , (—) 4
. khi nghĩ , lại người , (XƯA) 5 , đã , , , một , (THỜI) 6
. vẻ , , vang nử , (HÙNG) 7 , lừng , , danh giá , (PHẤN) 8
29 . tay , , , ngư , (ÔNG) 1 , đẩy , , đưa mái (CHÈO) 2
. khuấy , , nước trên , (GIÒNG) 3 , như , , cố gợi , (TÌM) 4
. lại , , , một , (THIÊN) 5 , , , ký , ức , (—) 6
. giồng , , , sông . (HÁT) 7 , dã , , lấp , , (CHÔN) 8
30 . theo , , bóng , trời (ĐÊM) 1 , tư , , bề vấn , (LẠNH) 2
. giọng hát , hò nhặt , (KHOAN) 3 , , , , , , , (—) 4
. thương , , tiếc trưng , (VƯƠNG) 5 , vì , , nước hiến , (THÂN) 6
. hai , , mảnh hồn , (THIÊNG) 7 , như ấp ủ mặt sông , (BUỒN) 8

(Lớp V là lớp hồi thủ)

31 . , , , , , , , (—) 1 , , , , , , , (—) 2
. , , , , , , , (—) 3 , , , , , thời , (GIAN) 4
. , , , , , , , (—) 5 , dầu cho , có trải , (QUA) 6
. bao nhiêu , điều biến , (CỐ) 7 , hưng thạnh , với vong , (TỒN) 8
32 . nào , , đề mờ , (TAN) 1 , tấm gương , người nử , (KIỆT) 2
. Trưng Trắc , Trưng Nhị hai (BÀ) 3 , , , , , , , (—) 4
. Huyện , , , mê , (LINH) 5 , tạc , , đề miếu , (THỜ) 6
. Hai , , đấng quần , (THOA) 7 , đã hy , sinh tánh , (MẠNG) 8

Lớp năm (tiếp và hết)

33 . . . . « — » 1 . xế xế . « XG » 2
. xê xế xê xg « XỰ » 3 xư xự tồn xản « XẾ » 4
. xê xế xê tồn « LIU » 5 liu liu liu oán « XÊ » 6
. xê xế xê liu « XG » 7 xg xế xê xê xg « XỰ » 8
34 . xê xế xê tồn « XG » 1 xg . xản . xg tồn « XÊ » 2
. liu oán xê tồn « HÒ » 3 liu oan xề liu xản xề « LIU » 4
. . . . . . hò tồn « XỰ » 5 xư xự . tồn . xg « XỀ » 6
, xê xề xê tồn « LIU » 7 liu liu . oán , xế « XG » 8
35 , xg xản xg tồn « XỀ » 1 liu oán , xê , tồn « HÒ » 2
liu oan xề liu xản xề « LIU » 3 liu oan xề liu xản xề « XG » 4
, , , , , , ; . « — » 5 , , , , , , , , « — » 6
, , - . . , . , , « — » 7 , , , , , , xế xê « XG » 8

(Lớp xang dứt)

36 . xg xản . . xg . tồn « XG » 1 . . . .xg. . . xề « — » 2
. tồn . . . xế · xế «XG » 3(, xế xg xự , tồn xế xế « XG »4
. xg xản . . xg . tồn « XÊ» 5 liu oán , , xê , xg « XỰ » 6
. xự xự . . tồn , xản «XẾ» 7 . liu oan . . xê . tồn«HÒ » 8
37 . (liu liu . . liu . oán «XỀ» 1 . xề oan liu . . liu tồn « LIU » 2
. . . . « — » 3 , , . . , , , , tồn « LIU » 4
. . . liu , . liu . « — » 5 , liu , , , xế , xản «LIU » 6
. liu oan xề , tồn xản «XẾ» , 7 xê , xê xê , tồn liu oan «XẢN»8
38 . xg xản . , xg . tồn «XG» 1 , , , , , , , , xề , « — » 2
. tồn . . , xê . xế «XẢN» 3(, xế xg xự , tồn xế , « XG » 4
. . . . , . . tồn « LIU » 5 , liu liu , , liu , oan « XỀ » 6
. xề xề . , xề . oan « LIU » 7(. liu oan xề , oan liu tồn «LIU» 8

CHÚ GIẢI : Bản Tứ Đại nhịp tám, mỗi câu tám nhịp, chia ra bốn hàng, mỗi hàng 2 nhịp, 4 hàng 8 nhịp đủ 1 câu, mỗi nhịp chia làm 8 khoản, mỗi khản là một chữ đờn, khoản nào không có chử đờn phải ngưng lại trong thời gian, hoặc 1 chử hoặc 2 chữ, cho đến mấy chử phải ngưng là thời gian chờ nhịp mội hàng 2 nhịp cò dấn phết đó là lái con, để ni thêm cho đều trường canh, và cũng lấy cái phết đó mà làm nồng cốt cho dễ đọc bản đờn.

Khi dứt hàng trên đọc xuống hàng dưới liên tiếp, khi nào thấy không bỏ khoản thì đọc luôn, như 1 khoản ngưng lại thời gian một chử đờn . v v

TỨ ĐẠI (OÁN) Soi gương giòng sông hát (tiếp và hết)

Lớp hồi thủ (tiếp theo)

33 , , , , , , , , (—) , , , , , , kiếm , (CUNG)
, , thay , cho gương , (LƯỢC) , lá , , gan nữ , (NHI)
, như nhị , vị trưng , (VƯƠNG) , dề , , có mấy , (AI)
, dầu cho , bực mày , (RÂU) , cũng , , Không sánh , (ĐẶNG)

34 , từ , , , ngàn , (XƯA) , cho , , đến ngàn , (UAS)
, thanh sử , vẫn rạng , (NGỜI) , , , , , , , , (—)
, em , , , cùng , (CHỊ) , phất , , cờ khởi , (NGHĨA)
, gìn , , , non , (SÔNG) , cứu , , , muôn , (DÂN)
35 , đến , , lúc lâm , (NGUY) , em chị , tự trầm , (MÌNH)
, chẳng đề , lọt vào , (TAY) của kẻ , thù , xâm , (LĂNG)
, , , , , , , , (—) , , , , , , , , (—)
, , , , , , , (—) , , , , , đây hát , (GIANG)

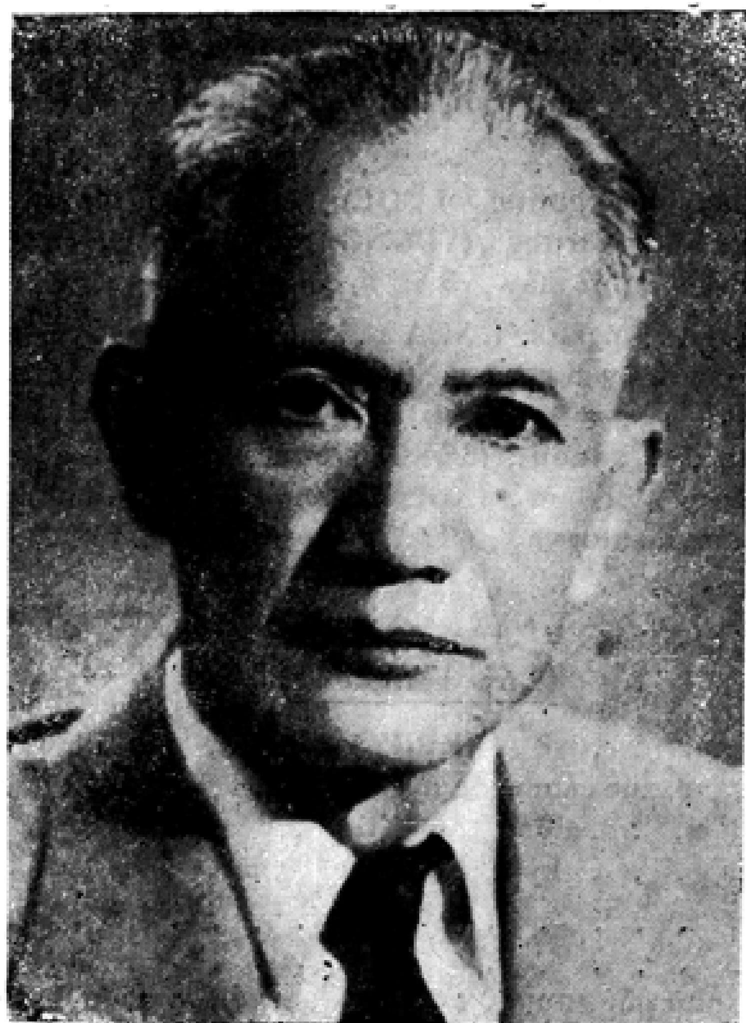
(Lớp xang dứt)

36 . Đêm, , , về . (KHUYA) , , , lạnh . lẽo , (—)
. Lòng càng, xúc cảm ngồn (Ngang) , , , , , , , (—)
. Ngắm, , . giòng , (SÔNG) , đề . , hồi tưởng , (LẠI)
. Ngày , , , kỷ , (NIỆM) . của , , . hai . (BÀ)

37 . , , , , , , , (—) , , , , , , , . (—)
. , , , , , , , (—) , , , , , , . nhìn , (SÔNG)
. , như nấu, nung , (—) , huyết, , quản anh, (THƯ)
, Nhắc cho . đoàn hậu , (TIẾN) , noi gương, tiền bối anh (Hùng)

38 . Con , , cháu Rồng , (TIÊN) , , , dầu , phải , (—)
. Sanh vào, hàng khăn . (YẾM) . . . . (—)
. Cần phải , cả sức , (TÀI) . . hầu tài , bồi . (—)
. Ơn chủng, tộc quê , (HƯƠNG) . . . . . ., . . (—)

MINH - NGUYÊN



Nhạc sĩ SÁU-VỮNG

Phạm-văn-Vững (tục danh SÁU-VỮNG) sanh năm 1905 tại Sadec, một nhạc công kỳ cựu, kinh nghiệm nhiều năm với nghề, hiện là Trưởng Ban, BAN NHẠC ĐỒNG NAI ở Đài Phát Thanh Saigon.

CỔ NHẠC
TẦM NGUYÊN



VĂN THIÊN TƯỜNG

(42 câu nhịp tám)

(BA LỚP)

Lớp I	**Từ câu số**	**1**	**đến câu số**		**15**
Lớp II	**,, ,, ,,**	**16**	**,, ,, ,,**		**30**
Lớp III	**,, ,, ,,**	**31**	**,, ,, ,,**		**42**

Bài số 6. **VĂN THIÊN TƯỜNG** (42 câu nhịp tám)

(Lớp nhứt)

1 . . . . , ... (—) 1 . . . . . , . Tồn . (HÒ) 2
. . xế . . xg . xư (XÀN) 3 . . xàn . , xàn . xề (XG) 4
. . xg . , xg . tồn (XÊ) 5 . líu oán xê , xề xê xan (XỰ) 6
. . xư xự , tồn . xế (XẢN) 7 . xế xg xự , tồn . xế (XG) 8
2 . . . . , ... (—) 1 . . . . . , . . . (—) 2
. . . . . , ... (—) 3 . . . . . , . xế xế (XG) 4
. xg xg . , xg . tồn (XÊ) 5 . líu oán xê , xề xê xự (XG) 6
. xg xg . , xg . tồn (XÊ) 7 . líu oán xê , xề xê xg (XỰ) 8
3 . , . . , , xế xê (XG) 1 , xg xản . , xg , tồn (XÊ) 2
. líu oán . , xê , xự (XG) 3 xư xàn xư xế , tồn xế xự (XG) 4
. , , . , , xế xê (XG) 5 , xg xản , , xg . tồn (XÊ) 6
. líu oán . , xê , tồn (HÒ) 7 , (xư xàn , xư xế tồn (HÒ) 8
4 . , , . , , , , (—) 1 , , , , , . . , , (—) 2
. , . . , , , , (=) 3 , , , , . . Tồn , (HÒ) 4
. , xế . , xg , xư (XÀN) 5 , . , xàn , xệ . , (—) 6
. xàn xề liu , , , , (—) 7 , xàn xề liu , tồn xế xế (XG) 8
5 . xg xg , , xg . tồn (XÊ) 1 , , xg xề , . xê , (—) 2
. tồn , , , xê , xế (XẢN) 3 , xế xan xự , tồn xế , (XG) 4
. xg xg . , xề , tồn (LIU) 5 , liu líu liu , tồn xế xán (Líu) 6
Líu, oan xề , tồn xế xán (LIU) 7 liu , líu liu , oán xê líu (XỰ) 8
6 . xg xản . , xg , tồn (XÊ) 1 , , xê xề , . xê , (—) 2
, tồn , . . , xê , xế (XẢN) 3 . xế xan xự , tồn xế xế (XG) 4
. xg xản . , xg , tồn (XÊ) 5 , líu oán xê , xê , xư (Xàn) 6
. xàn xàn , , xàn , xề (XẢN) 7 xế , xg xự , tồn xế , (XG) 8
7 . , , , , , , , (—) 1 , , , , , , , , . (—) 2
. . , , , , , . , (—) 3 , , . . , , Líu liu (Oan) 4
. oan oan , , oan , tồn (LIU) 5 , , liu liu , . liu . (—) 6
. liu oan xề , . , , (—) 7 liu , oan xề , tồn líu liu (Oan) 8
8 . oan oan , , liu , tồn (LIU) 1 , , liu liu , liu . . (—) 2
, , tồn liu , liu líu liu (OAN) 3 , liu oan xề , tồn xề oan (LIU) 4
. liu liu . , tồn liu oan (XỀ) 5 , xề xề . , tồn xế xán (LIU) 6
liu ., oan xề , liu tồn xế (XẢN) 7 xan . xế liu , tồn liu oan (XỰ) 8

Bài số 6 VĂN - THIÊN - TƯỜNG (Hạng võ biệt ngu cơ) C.H.S.

(LỚP NHỨT)

1 . . . . (1) . . Trời (chiều) 2
. . . (3) Dầm . màn (sương) 4
Gió . thu (ĐƯA) 5 . hắc hiu (—) 6 -S-L
Thổi ngọn vi (LAU) 7 . . . (—) 8 -S-L
2 . . . (1) . . . (2)
. . . (3) Khắp . non (Sộng) 4
. . . (5) . . nhìn (Quanh) 6 -S-L
. ngổn ngang (7) đống xương vô (Định) 8 -S-L
3 Ngoài . trăm (MUÔN) 1 . Hớn binh (—) 2
Tứ hướng phủ (VÂY) 3 . . . (—) 4
Ta . thế (YẾU) 5 . liệu sức (—) 6 -S-L
Khó nỗi vẫy (VÙNG) 7 . . . (—) 8 -S-L
4 . . . (—) 1 . . . (—) 2
. . . (—) 3 . . nào (Dè) 4
. . . (—) 5 . thời . (—) 6 -S-L
. vận nhà (—) 7 đương hồi khuynh (Nguy) 8
5 . . . cho (NÊN) 1 . tướng . (—) 2
Quả . binh (SUY) 3 . . . (—) 4
. . . (GIỬA) 5 . . dạn (Tên) 6 -S-L
. một ta (7) khó toan thượng (Trình) 8 -S-L
6 . . nhìn (Quanh) 1 . nào đâu (—) 2
Bát thiên tử (ĐỆ) 3 . . . (—) 4
. . . (VẬN) 5 . . Sở (Đành) 6 -S-L
Tan tành từ (ĐẤY) 7 . . . (—) 8 -S-L

(LỚP DỰNG)

7 . . . (—) 1 . . . (—) 2
. . . (—) 3 . . khuây (khoa) 4
. . gượng (vui) 5 . . . (—) 6-S-L
. tiệc quỳnh (—) 7 . nơi . trướng (trung) 8
8 . . . hởi (duyên) 1 . ôi . (—) 2
Sao . dở (dang) 3 . . . (—) 4
. nghĩa . (5) tình . ái (ân) 6.S-L
. còn . (—) 7 có . ngần (này) 8.S.L

Văn Thiên Tường (42 câu nhịp 8)

Lớp nhứt (tiếp theo)

9 . Xư xự . . , tồn . xản (XẾ) 1 . . . xê xề , . . xê . (—) 2
. tồn . . . , xê . xế (XẢN) 3 . (xê xg xự , tồn . xế (XG) 4
. . . . , . . xế xê (XG) 5 . xg xg . . , xg . tồn (XÊ) 6
. . líu oán , . . xê . (—) 7 . líu oán . , xê . tồn (HÒ) 8
10 . oan oan . , líu . tồn (LIU) 1 . . líu líu ; . líu . (—) 2
. . tồn líu , líu líu líu (OAN) 3 . líu oan xề , tồn xề oan (LIU) 4
. . Liu líu , tồn líu oan (XỀ) 5 . . xề xề , tồn xế xán (LIU) 6
Liu. oan xề , líu tồn xế (XẢN) 7 xế . xán líu , tồn líu oan (XỰ) 8
11 . xư xự . . , tồn . xản (XẾ) 1 . . xê xề , . xê . (—) 2
. Tồn . . , xê . xế (XẢN) 3 (xế . xg xự . tồn . xế (XG) 4
. . . . , xế . xế (XG) 5 xg . xản xan , xư xg tồn (XỀ) 6
. . líu oán , . . xê . (—) 7 . líu oán . , xê . tồn (HÒ) 8
12 . . . . . , xế . xế (XG) 1 . xg . . , xư xg tồn (XÊ) 2
. Líu oán . , xê . tồn (HÒ) 3 (. . xư xản . xư xế tồn (HÒ) 4
. . . . , . . tồn (XÊ) 5 . xê xề . , xê . tồn (LIU) 6
. Líu oan. , xề . tồn (LIU) 7 (líu . líu líu líu líu líu (LIU) 8

(Lớp xế xản)

13 . . . . . , . . . (—) 1 . . . . . , . . . (—) 2
. . . . , xê . xế (XẢN) 3 xê . xg xự , tồn . xế (XG) 4
. xg xản . , xg . tồn (XẾ) 5 . líu oán . , xê . xư (XÀN) 6
. xàn xàn . , xàn . xư (XẢN) 7 . xê xg xự , tồn xế . (XG) 8
14 . . . . , ... (—) 1 . . . . . , . . . (—) 2
. . . . , ... (—) 3 . . . . . , . . . tồn (XÊ) 4
. xê xề . , xê . tồn (LIU) 5 . . líu líu , . líu . (—) 6
. Líu oán , xề . xê (—) 7 . líu oán . , xê . tồn (HÒ) 8
15 . . . . , . xế xế (XG) 1 . xg xư . , xg . tồn (XÊ) 2
. líu oán . , xê . xự (XG) 3 xư hò , xư xế xư (XG) 4
. xg xản . , xg . tồn (XỀ) 5 . líu oán . . xê . xư (XÀN) 6
. xàn xàn . , xàn . xư (XẢN) 7 xế . xg xự , tồn xế xế (XG) 8

(Lớp nhì)

16 . . . . . , . . . (—) 1 . . . . . , . Tồn . (HÒ) 2
. xế . . , xg . xư (XẢN) 3 . xàn xàn . , xàn . xề (XG) 4
. xg xg . , xg . tồn (XỀ) 5 líu . oán xê , xề xê xg (XỰ) 6
. xư xự . , tồn . xê (XẢN) 7 xế . xg xự , tồn xế xế (XG) 8

Bài số 6. VĂN-THIÊN-TƯỜNG (Hạng vỏ biệt ngu cơ (t.theo)

Lớp dựng (tiếp theo)

9 . . . chẳng (qua) 1 . vi . (—) 2
nơi . số (mạng) 3 . . . (—) 4
. . đành (cam) 5 . . . (—) 6.S-L
. đôi ngả (—) 7 phải chịu phận (kỷ) 8-S-L
10 , , , em (còn) 1 , chút , (—) 2
sắc , thiên (hương) 3 , , , (—) 4
, ôm , (—) 5 cầm , thuyền (ai) 6-S-L
em có (—) 7 thế , biến (quyền) 8.S.L
11 , , , cho (qua) 9 , cơn , (—) 2
, vận , (bỉ) 3 , , , (—) 4
, , còn (ta) 5 , lướt xong (—) 6 S-L
, một , (—) 7 mất , một (còn) 8-S L
12 , , thế (binh) 1 , dầu , (—) 2
đương lúc hao (mòn) 3 , , , (—) 4
, , , (sức) 5 , , lực (Nầy) 6 S-L
ai để làm (Chi) 7 , , , (—) 8.S-L

(Lớp xế xảng)

13 , , , , (—) 1 , , , (—) 2
, Ngẩn chin (—) 3 , , ruột (Đau) 4
, , , (Cạn) 5 , , chén (Sầu) 6 S-L
, nhìn , (Nhau) 7 , , , (—) 8-S-L
14 , , , , (—) 1 , , , (—) 2
, , , (—) 3 , , ấm (Lạnh) 4
, , nào (Khi) 5 , , , (—) 6.S.L
, , một (—) 7 bước , không (Rời) 8-SL
15 , , , vinh (Hoa) 1 , chưa phỉ (—) 2
chí , bốn (Phương) 3 , , , (—) 4
, , , (Vĩnh) 5 , , biệt (Nầy) 6.S-L
Thấu chăng thiên (Thu) 7 , , , (—) 8-S.L

(Lớp nhì)

16 . , , , (—) 1 , , Dòng (Sầu) 2
, , , (Tràn) 3 , , từ (Cơn) 4
, Thiếp , (—) 5 nghĩ , đau (Thương) 6-S.L
cho đấng quân (Vương) 7 . . , (—) 8 S.L

Bài số 6. **VĂN THIÊN TƯỜNG** 42 câu nhịp tám (t t.)

Lớp nhì (tiếp theo)

17 . . . . , ... (—) 1 . . . . , ... (—) 2
. . . . , ... (—) 3 . . . . , . xế xê (xg) 4
xg xg . , xg . tồn (xê) 5 . líu oán xê , xề xê xư (xg) 6 S-L
xg xg . , xg . tồn (xê) 7 líu . oán xê , xề xê xg (xư) 8 S.L
18 . . . , xế . xế (xg) 1 . xg xản . . xg . tồn (xê) 2
Líu oán . , xê . xự (xg) 3 (xư xàn xư xế , tồn xế xư (xg) 4
. . . , xế . xế (xg) 5 . xg xản . , xg . tồn (xê) 6 S.L
Líu oán . , xê . tồn (hò) 7 (xư . xàn . , xư xế tồn (hò) 8 S.L
19 . . . . , ... (—) 1 . . . . , ... (—) 2
. . . . , ... (—) 3 . . . . , . tồn . (hò) 4
xế . . , xg . xư (xàn) 5 . . . xàn , . xệ . (—) 6 S-L
xàn . xề líu , . . . (—) 7 xàn . xề líu , tồn xế xê (xg) 8 S-L
20 xg xản . , xg . tồn (xê) 1 . . xê xế , . xê . (—) 2
Tồn . . , xê . xế (xản) 3 (xế . xg xự , tồn xế . (xg) 4
xg xg . , xề . tồn (líu) 5 líu . líu tồn , xế . xán (líu) 6 S-L
Líu . oan xề , tồn xế xán (líu) 7 líu . líu líu , oán xê líu (xự) 8 S-L
21 xg xản . , xg . tồn (xê) 1 . . xê xề , . xê . (—) 2
Tồn . . , xê . xế (xản) 3 (xế . xg xự , tồn xế (xg) 4
xg xản . , xg . tồn (xê) 5 líu . oán xê , xề xê xư (xàn) 6 S.L
xàn xàn . , xàn . xề (xán) 7 (xế . xg xự , tồn xế . (xg) 8 S-L

(Lớp dựng)

22 . . . . , ... (—) 1 . . . . , ... (—) 2
. . . . , ... (—) 3 . . . . , . Líu líu (oan) 4
oan oan . , oan . tồn (líu) 5 . . líu líu , . líu . (—) 6 S.L
Líu oan xề . , xế . . (—) 7 líu . oan xề tồn líu líu (oan) 8 S.L
23 oan oan . oan . tồn (líu) 1 . . líu líu , líu . (—) 2
. Tồn líu líu líu líu (oan) 3 (líu . oan xề tồn xề oan (líu) 4
Líu líu . tồn líu oan (xề) 5 . xề xề . tồn xế xán (líu) 6 S-L
Líu . oan xề líu tồn xế (xản) 7 xán . xế líu tồn líu oan (xàn) 8 S.L
24 xư xự . tồn . xản (xế) 1 . . xê xề . xê . (—) 2
Tồn . . xê . xế (xản) 3 (xế . xg xự tồn xế . (xg) 4
. . . xế xế (xg) 5 . xg xg . xư xg tồn (xế) 6 S-L
Líu oán xề . xê . (—) 7 . líu oán . xê . tồn (hò) 8 S.L

Bài số 6 VĂN - THIÊN - TƯỜNG Hạng vỏ biệt ngu cơ (t.theo)

Lớp nhì (tiếp theo)

17	.	.	.	(—) 1	.	.	.	(—) 2	
	.	.	.	(—) 3	một	.	thanh	(gươm) 4	
	.	.	.	(—) 5	.	.	Từ	(xa) 6	S-L
	.	Tứ	.	(—) 7	phương	.	kinh	(động) 8	S-L
18	sức	.	xô	(non) 1	.	cử	đảnh	(—) 2	
	chư	quốc thải	kiên	(oai) 3	.	.	.	(—) 4	
	công	lao	hạng	(mã) 5	lập	.	Tây	(sở) 6	S-L
	Diệt	.	bạo	(Tần) 7	.	.	.	(—) 8	S-L
19	.	.	.	(—) 1	.	.	.	(—) 2	
	.	.	.	(—) 3	.	.	Phận	(bèo) 4	
	.	.	Từ	(ngày) 5	.	.	.	(—) 6	S-L
	.	Được	dựa	(—) 7	nhờ	nơi	thiên	(nhan) 8	S-L
20	.	.	Khác	(chi) 1	như	.	trong	(tuyết) 2	
	gặp	.	đưa	(than) 3	.	.	.	(—) 4	
	.	.	.	(nghĩa) 5	.	ái	.	(ân) 6	S-L
	.	Sớt	.	(—) 7	chia	.	mặn	(nồng) 8	S-L
21	.	.	Dầu	(phải) 1	.	đến	cơn	(—) 2	
	vào	sanh	ra	(tử) 3	.	.	.	(—) 4	
	nát	.	thân	(nầy) 5	vì	.	quân	(vương) 6	S-L
	Em	.	cũng	(cam) 7	.	.	.	(—) 8	S-L

(Lớp dựng)

22	.	.	.	(—) 1	.	.	.	(—) 2	
	.	.	.	(—) 3	.	ái	.	(nương) 4	
	.	.	mưa	(tuông) 5	.	.	.	(—) 6	S-L
	giọt	sầu	.	(—) 7	cho rủn	chí	kiếm	(cung) 8	S-L
23	.	.	Trông	(nhau) 1	.	thôi	dạ	(—) 2	
	luốn	.	xốn	(xang) 3	.	.	.	(—) 4	
	.	vẹn	gìn	(—) 5	mảnh	.	sắc	(hương) 6	S-L
	.	chớ	.	(—) 7	để	.	hao	(mòn) 8	S-L
24	Tạm	.	sanh	(ly) 1	.	vì	.	(—) 2	
	cơn	.	biến	(đổi) 3	.	.	.	(—) 4	
	cắt	.	tâm	(cang) 5	.	.	.	(—) 6	S-L
	.	trời	sao	(—) 7	đoạn	gánh	chung	(tình) 8	S-L

VĂN THIÊN TƯỜNG LỚP NHÌ (tiếp theo)

25 . oan oan . oan . tồn (Liu) 1 . . liu lìu . liu . (—) 2
. . Tồn liu lìu líu liu (Oan) 3 (liu . oan xề tồn xề oan (Liu) 4
. . Liu liu tồn liu oan (Xề) 5 . xề xề tồn xế xán (Liu) 6 S.L
Liu . oan xề liu tồn xế (Xản) 7 xán . xế liu tồn liu oan (Xự) 8 S.L
26 . xự xự . tồn . xản (Xê) 1 . . xê xề . xê . (—) 2
. Tồn . . xê . xế (Xản) 3 (. xế xg xự tồn xế . (Xg) 4
. . . . . xế xê (Xg) 5 xg . xản xg xư xg tồn (Xê) 6 S.L
. Líu oán xề . xê . (—) 7 líu . oán xê xg . tồn (Hò) 8 S-L
27 . . . . . xế xê (Xg) 1 . xg xg . xư xg tồn (Xê) 2
. líu oán . xê . tồn (Hò) 3 (xư . xàn . xư xế tồn (Hò) 4
. . . . . . Tồn (Xê) 5 . xê xề . xê . tồn (Liu) 6 S-L
. Liu oan . xề . tồn (Liu) 7 liu . liu líu liu líu líu (Liu) 8 S.L

(Lớp xế xản)

28 . . . . (—) 1 . . . . (—) 2
. . . . . xê xế (Xản) 3 xê . xg xự tồn xế xế (Xg) 4
. xg xg . xg . tồn (Xê) 5 . líu oán . xê . xư (Xàn) 6 S-L
. xàn xàn . xàn . xề (Xản) 7 . (xế xg xự tồn xê (Xg) 8 S-L
29 . . . . (—) 1 . . . . (—) 2
. . . . (—) 3 . . . . . . Tồn (Xê) 4
. xê xề . xề . tồn (Liu) 5 . . liu lìu . liu . (—) 6 S-L
. líu oán xê . xê . (—) 7 . líu oán . xê . tồn (Hò) 8 S.L
30 . . . . . xế xế (Xg) 1 . xg xư . xg . tồn (Xê) 2
. líu oán . xê . xư (Xg) 3 (. xư xàn xư xế xư (Xg) 4
. xg . . xg . tồn (Xê) 5 . líu oán . xê . xư (Xàn) 6 S.L
. xàn xàn . xàn . xề (Xản) 7 (xế . xg xự tồn xế . (Xg) 8 S-L

(Lớp ba)

31 . . . . (—) 1 . . . . (—) 2
. . . . (—) 3 . . . . . líu liu (Oan) 4
. oan oan . oan . oan (Liu) 5 . . liu lìu . liu . (—) 6 S-L
. liu oan xề . xề . (—) 7 . liu oan . xề . liu (Xàn) 8 S-L
32 . . . . . . xế xán (Liu) 1 . . liu . liu xán . (—) 2
. xề líu . líu . liu (Oan) 3 (xề . tồn liu lìu líu liu (Oan) 4
. oan oan . oan . oan (Liu) 5 . . liu lìu liu liu . (—) 6 S.L
. liu oan xề . xề . . (—) 7 . liu oan xề . liu (Xàn) 8 S L
33 . . . . xế . xán (Liu) 1 . . liu . liu xán . (—) 2
. xề xề . líu . liu (Oan) 3 (. liu oan xề tồn líu liu (Oan) 4
. oan oan . oan . oan (Liu) 5 . . liu lìu . liu . (—) 6 S-L
. liu oan xề . xề . (—) 7 liu oan . xề tồn líu liu (Oan) 8 S.L

V. T. TƯỜNG LỚP DỰNG (t.theo) Hạng võ biệt ngu cơ (t t)

25 . . Thâm (CANH) 1 gượng nâng , (—) 2
chén . đưa (NHAU) 3 . . . ( ) 4
. Duyên . (—) 5 nồng , lửa (HƯƠNG) 6 S-L
. còn chứng (—) 7 mảnh trăng (THỀ) 8 S-L
26 Dầu . xa (NHAU) 1 . thiên . (—) 2
Sơn . vạn (HẢI) 3 . . . (—) 4
Vững . mái (BINH) 5 . . . (—) 6 S-L
. còn cậy (—) 7 sức . anh (Hùng) 8 S-L
27 Bi hoan ly (HIỆP) 1 nào phải đâu (—) 2
Thế tận . (CÙNG) 3 . . . (—) 4
chén . mừng (NHAU) 5 . còn mong (—) 6 S-L
lúc . có (NHAU) 7 . . . (—) 8 S-L

(Lớp xế xàng)

28 . . . (—) 1 . . . (—) 2
. xin chậm (—) 3 bước . lên (An) 4
. . . (NGHE) 5 . . . đôi (Lời) 6 S-L
. em . (THAN) 7 . . . (—) 8 S-L
29 . . . (—) 1 . . . (—) 2
. . . (—) 3 . . Từ (Xa) 4
Bước . vinh (HOA) 5 . . . (—) 6 S-L
. cùng nhau (—) 7 đồng tịch đồng (Sàng) 8 S-L
30 . . vinh (HƯ) 1 đổi thay . (—) 2
mấy cuộc thương (TAN) 3 . . . (—) 4
. . . (NỞ) 5 . . đề (Sầu) 6 S-L
từ đây cho thiếp (Mang) 7 . . . (—) 8 S-L

(Lớp ba)

31 . . . (—) 1 . . . (—) 2
. . . (—) 3 . . Hôm (Nay) 4
. . chẳng (MAY) 5 . . . (—) 6 S-L
. gặp . (—) 7 hồi . vận (Cùng) 8 S-L
32 . . . (THẤT) 1 . thủ . (—) 2
. máy . (BINH) 3 . . . (—) 4
. . . (NÊN) 5 . Khó . (—) 6 S-L
. Bề . (—) 7 . Tranh . (Hùng) 8 S L
33 . . . (VÌ) 1 . tướng . (—) 2
Quả . binh (SUY) 3 . . . (—) 4
. . Quân (Vương) 5 . . . (—) 6 S-L
. Đành . (—) 7 đề bước ra (Đi) 8 S-L

Văn Thiên Tường (42 câu nhịp 8)
Lớp III (tiếp theo)

34 . . . . Tồn (liu) 1 . . Liu líu liu . (—) 2
. . Tồn liu líu líu liu (oan) 3 (liu . oan xề tồn líu liu (oan) 4
. . . . Tồn (liu) 5 . . liu líu . liu . (—) 6 S-L
. Liu oan xề . xề . (—) 7 liu . oan xề tồn líu liu (oan) 8 S-L
35 . oan oan . oan . tồn (liu) 1 . . liu líu . liu . (—) 2
. . Tồn liu líu líu liu (oan) 3 (liu . oan xề tồn xề oan (liu) 4
. . Liu liu tồn liu oan (xề) 5 . xề xề . tồn xế xán (liu) 6 S-L
Liu. oan xề tồn . . xế (xản) 7 xản . xế liu tồn liu oan (xự) 8 S-L
36 . xư xự . tồn . xản (xê) 1 . . xê xề . xê . (—) 2
. Tồn . . xê . xế (xản) 3 (xế . xg xự tồn xế . (xg) 4
. . . . . . xế xế (xg) 5 . xg xản . xư xg tồn (xê) 6 S-L
. Líu oán xề . xê . (—) 7 . líu oán . xê . tồn (hò) 8 S-L
37 . oan oan . oan . tồn (liu) 1 . . liu líu . liu . (—) 2
. . Tồn liu líu líu liu (oan) 3 (liu . oan xề tồn xề oan (liu) 4
. . Liu liu tồn liu oan (xề) 5. . xề xề . tồn xế xán (liu) 6 S-L
Liu. oan xề liu tồn xế (xản) 7 xán . xế liu tồn liu oan (xự) 8 S-L
38 . xư xự . tồn . xản (xê) 1 . . xê xề . xê . (—) 2
. Tồn . . xê . xế (xản) 3 (xê . xg xự tồn xế (xg) 4
. . . . . xế xê (xg) 5 . xg xg . xư xg tồn (xê) 6 S-L
. Líu oán xề . xê . (—) 7 . líu oán . xê . tồn (hò) 8 S-L
39 . . . . . xế xế (xg) 1 . xg xg . xư xg tồn (xê) 2
. líu oán . xê . tồn (hò) 3 (. . xư xàn xư xế xg (hò) 4
. . . . Tồn (xê) 5 . xê xề . xê . tồn (liu) 6 S-L
. liu oan . xề . tồn (liu) 7 (liu . liu líu liu líu líu (liu) 8 S-L

(Lớp xế xản)

40 . . . . (—) 1 . . . . (—) 2
. . . . . xê xế (xản) 3 xế . xg xự tồn xế xê (xg) 4
. xg xàn . xg . tồn (xê) 5 . líu oán . xê . xư (xàn) 6 S-L
. xàn xàn . xàn . xề (xản) 7 (. xê xg xư tồn xế xê (xg) 7 S-L
41 . . . . (—) 1 . . . . (—) 2
. . . . (—) 3 . . . . Tồn (xê) 4
. xê xề . xê . tồn (liu) 5 . . liu líu . liu . (—) 6 S-L
. líu oán xê . xê . (—) 7 . líu oán . xê . tồn (hò) 8 S-L
42 . . . . . xế xê (xg) 1 . xg xg . xg . tồn (xê) 2
. líu oán . xê . xư (xg) 3 (. . xư hò xư xế xư (xg) 4
. xg xg . xg . tồn (xê) 5 . líu oán . xê xg xư (xàn) 6 S-L
. xàn xàn . xàn . . xư (xản) 7 . xế xg xự tồn xế xê (xg) 8 S-L

Hết bản nhạc Văn Thiên Tường.

VĂN-THIÊN-TƯỜNG Hạng vỏ biệt ngu cơ (t.theo) LỚP BA (t.t)

34	.	.	.	(Sao)	1	.	dứt	.	(—)	2
	Tình	.	sanh	(Ly)	3	.	.	.	(—)	4
	.	.	Dầu	(Em)	5	.	là	.	(—)	6 S-L
	.	Phận	.	(—)	7	gái	.	nữ	(Nhi)	8 S-L
35	.	.	cũng	(Cam)	1	.	theo	.	(—)	2
	cho	.	có	(Nhau)	3	.	.	.	(—)	4
	.	Lướt	.	(—)	5	đường	.	đạn	(Tên)	6 S-L
	.	Đến	.	(—)	7	phải	.	thế	(Nào)	8 S-L
36	.	.	.	(Tấm)	1	.	Thân	.	(—)	2
	chi	.	sá	(Kể)	3	.	.	.	(—)	4
	.	.	.	(Trông)	5	.	thấy	nhau	(—)	6 S-L
	.	cho	.	(—)	7	thỏa	.	tấm	(Lòng)	8 S-L
37	.	.	nếu	(Chàng)	1	.	đành	.	(—)	2
	nhứt	quyết	ra	(Đi)	3	.	.	.	(—)	4
	.	sống	thừa	(—)	5	nầy	.	để	(Chi)	6 S-L
	.	cho	bận	(—)	7	chi	.	anh	(Hùng)	8 S-L
38	.	.	thước	(Gươm)	1	.	đây	.	(—)	2
	Em	.	liệu	(Xử)	3	.	.	.	(—)	4
	.	.	Đáp	(Ân)	5	.	nhau	.	(—)	6 S-L
	.	cho	.	(—)	7	tạn	.	mặt	(Chàng)	8 S-L
39	Xin	.	quân	(Vương)	1	.	nhìn	thiếp	(—)	2
	cho	.	tận	(Tường)	3	.	.	.	(—)	4
	.	.	.	(Thôi)	5	.	.	đành	(Cam)	6 S-L
	vĩnh	quyết	từ	(Đây)	7	.	.	.	(—)	8 S-L

(Lớp xế xảng)

40	.	.	.	(—)	1	.	.	.	(—)	2
	.	ngọc	.	(—)	3	nát	.	châu	(Rơi)	4
	.	ôi	.	(—)	5	hoa	.	giữa	(Dòng)	6 S-L
	sao	.	đành	(Trôi)	7	.	.	.	(—)	8 S-L
41	.	.	.	(—)	1	.	.	.	(—)	2
	.	.	.	(—)	3	.	.	Khóc	(Bạn)	4 S-L
	.	.	.	(Đứt)	5	.	.	.	(—)	6 S-L
	.	nối	.	(—)	7	giọt	.	sầu	(Tràn)	8 S-L
42	.	.	nhìn	(Nhau)	1	.	chưa	dứt	(—)	2
	Cạn	.	câu	(Than)	3	.	.	.	(—)	4
	.	Đoạn	.	(—)	5	.	.	chung	(Tình)	6 S-L
	Trời ôi		có	(Hay)	7	.	.	.	(—)	8 S-L

Hết bản ca Văn Thiên Tường C. H. S.



(Nhạc sĩ : TRẦN VĂN VINH)

TRẦN VĂN VINH (tục danh Tám-Vinh) sanh năm 1918, tại xã Tân-Phước (Sadec) Nam Phần Việt Nam, nhiều năm giúp việc cho các đoàn hát cải lương Nam Phần, Hiện giúp cho đoàn Thi Ca Vũ Nhạc Lam-Sơn — Saigon.

CHÚ GIẢI CỦA VĂN THIÊN TƯỜNG

(Lớp nhứt) Trang số 72

Theo phương pháp phân chia câu đờn và nhịp điệu bản Văn Thiên Tường, cũng như sáu Bản Oán mỗi câu 8 nhịp, chia làm 4 hàng, mỗi hàng 2 nhịp, 4 hàng 8 nhịp, láy thứ 6 và thứ 8 là nhịp song lang trong mỗi hàng ở khoản 2 nhịp có dấu phết, đó là cái ni nhỏ của nửa nhịp tám, nếu muốn đờn mở thêm hơn bản nầy, thì lấy cái ni nhỏ ấy cho đều nhịp.

PHỤ CHÚ (Lớp I và lớp dựng Trang số 73)

Bản ca Văn Thiên Tường nhịp tám, là: mỗi câu 8 nhịp phân làm bốn hàng, mỗi hàng 2 láy, láy thứ 6 là song lang đầu, láy thứ 8 là song lang dứt câu. (tiếp tục như thế mãi cho đến hết bản).

PHỤ CHÚ Lớp I, lớp xế xán và lớp II Trang 74

Lớp nhì trùng lớp nhứt, khi hòa nhạc bản Văn Thiên Tường, nhiều khi, đờn chỉ có lớp đầu và lớp chót mà thôi.

PHỤ CHÚ (lớp II và Lớp dựng Trang 76)

Những dòng chữ đậm có gạch ngang phía dưới là câu chầu, không có lời ca.



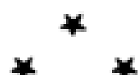
Nhạc sĩ SÁU NHỎ

Ông Liêng ngọc Trát (tự là SÁU NHỎ) sanh năm 1917 tại Sadec, sử dụng cây Nguyệt Cầm đã từng giúp đoàn T. C. V. N. K. Năm Châu và nhiều sân khấu cải lương.

CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN

TRƯỜNG TƯƠNG TƯ

(28 câu nhịp tư (nhịp đôi)



QUYỂN II SẼ CÓ BẢN TRƯỜNG TƯƠNG TƯ NHỊP TÁM.

(BA LỚP)

Lớp I	:	**Từ**	**câu**	**số**	**1**	**đến**	**câu**	**số 12**
Lớp II	:	,,	,,	,,	**13**	,,	,,	,, **24**
Lớp III	:	,,	,,	,,	**25**	,,	,,	,, **28**



TRƯỜNG TƯƠNG TƯ (28 câu nhịp tư)

(Lớp nhứt)

1	.	.	.	(ˌ)		.	xế	xè	(xang)	2
	xang	.	xê xế	(xảng)	3	xế	.	xảng là	(Hò)	4
2	xế	.	xê là	(Hò)	1	Hò	.	hó ho	(Phan)	2
	Phan	.	Phan	(Ho)	3	hỏ	.	ho Phan	(Ho)	4
3	.	.	•	(—)	1	.	.	xang	(xề)	2
	xế	.	xê . xế	(xảng)	3	xự	xế xự	là	(xang)	4
4	xảng	.	xg . xề	(liu)	1	liu	.	cống . xê	(xang)	2
	xự	xế	xê là	(Hò)	3	xề	là xang	.	(—)	4
5	.	.	.	(—)	1	.	.	Liu	(cộng)	2
	Cộng	liu	xàn xề	(liu)	3	liu	xề xế	xán	(liu)	4
6	Liu	.	liu	(cộng)	1	cồng	. cộng	xê	(xàng)	2
	xự	xế	xê là	(Hò)	3	xề	là xàng	.	(—)	4
7	.	.	.	(—)	1	.	xế	xán	(liu)	2
	Liu	.	xán lịu	(xề)	3	xề	.	xề xự	(liu)	4
8	.	.	.	(—)	1	.	xế	xán	(liu)	2
	Liu	.	xán liu	(xề)	3	xề	.	xề xự	(liu)	4
9	.	Liu	xán	(—)	1	xán	xàn	,	(—)	2
	u	ủ	u liu	(phan)	3	là xề	xề -	phan	(lin)	4
10	.	Liu	oán	(—)	1	xán	liu	.	(—)	2
	u	ủ	u liu	(phan)	3	là	xề -	xề phan	(liu)	4
11	.	liu	xán	(—)	1	xán	xàn	.	(—)	2
	xê	xề	xàn xề	(liu)	3	liu	cống cồng	xê	(xàn)	4
12	xư	xự xế	xề là	(Hò)	1	xề	là xang	.	(—)	2
	xế	.	xế	(xang)	3	xế	là hò	xề phảng	(Hò)	4

(Lớp nhì)

13	.	.	.	(—)	1	.	xế	xê	(xang)	2
	xang	.	xế xế	(xản)	3	xế	xê -	xản - là	(Hò)	4
14	xê	.	xế là	(Hò)	1	hò	.	. hó ho	(Phan)	2
	Phan	.	phan phan	(ho)	3	hỏ	.	ho phan	(Ho)	4
25	.	.	.	(—)	1	.	.	xang	(xế)	2
	xề	.	xê xế	(xản)	3	xự	xế	xự là	(xang)	4

PHỤ CHÚ : mỗi câu 4 láy, mỗi hàng 2 láy, trong số (1 - 2 - 3 - 4 -) 1 và 2 là nhịp con, nhịp số 3 và số 4 là song lang.

Bài số 7 TRƯỜNG TƯƠNG TƯ *(Nguyệt-nga than Vân-Tiên)*

(Lớp nhứt) *(PHI-ANH)*

1	. . .	(—)	. giữa đêm	(khuya)
	Lòng em thổn	(thức)	lệ mãi tuông	(tràng)
2	Đau . đớn	(thay)	chim quyên lia	(đàn)
	Tình đời sầu lia	(Tan)	. . .	(—)
3	. . .	(—)	. . Thân	(trẻ)
	nổi trôi trong thảm	(cảnh)	khổ tâm suốt tàn	(canh)
4	Trời cao trớ	(trêu)	đau thương mãi vương	(mang)
	Đạo hiếu không gìn	(tròn)	phận làm con .	(—)
5	. . .	(—)	Hoa nhụy lạt	(phai)
	. mông gì	(—)	trời . sáng	(soi)
6	Dầu hao tiêm	(lụng)	gió thổi tái - tê	(lòng)
	Xe lơi mối tơ	(hồng)	càng sầu trông .	(—)
7	. . .	(—)	Hỏi . Hóa	(công
	. Sao nỡ	(—)	chia lìa phụng	(loan)
8	. . .	(—)	. nhớ những	(khi)
	Từ giả lên	(đàng)	lòng càng nhớ	(thương)
9	. ở giữa	(—)	núi rừng .	(—)
	Chàng về nơi	(nao)	đường về chàng ra	(sao)
10	. Đôi nẻo	(—)	cách xa .	(—)
	Đâu rỏ âm	(hao)	sự tình của	(em)
11	. nét xuân thấm	(—)	đã úa tàn .	(—)
	Gieo bão bùng đời	(em)	lận đận duyên	(tình)
14	Cách nhau muôn	(trùng)	vì đâu .	(—)
	Số kiếp hồng	(nhan)	điêu đứng suốt	(đời)

(Lớp nhì)

13	. . .	(—)	Thuở . binh	(đao)
	Bao . thảm	(cảnh)	xương máu tràng	(đầy)
14	nước . non	(nhà)	lâm cảnh điêu	(linh)
	gia đình ly	(tan)	. . .	(—)
15	. . .	(—)	. . chinh	(chiến)
	Bao . Thống	(khổ)	vì lủ giặc dã	(man)

(Tiếp qua trương)

TRƯỜNG TƯƠNG TƯ (28 câu nhịp tư) t. theo

(Lớp nhì (tiếp theo)

16	xg	.	xg xề	(liu)	liu	cộng cộng	xê	(xàn)
	xự	xế	xê là	(Ho)	xề là	xang	.	(—)
17	xê	xề	xế xê	(xang)	xg	xế - xê	xự	(Liu)
	Lỉu	Lỉu .	liu xán	(xàn)	xàn .	xề .	xự	(liu)
18	xang	.	xán	(xàn)	xàn	.	liu - liu	(xệ)
	xê	.	xang	(xự)	xừ	liu	.	(—)
19	.	.	.	(—)	.	xế	xán	(liu)
	Liu	lỉu	liu phạn	(liu)	liu	.	liu xán	(xàn)
20	.	.	.	(—)	.	xế	xán	(liu)
	liu	lỉu	liu phạn	(liu)	liu	.	liu xán	(xàn)
21	.	xang	xề	(—)	xế	xản	.	(—)
	u	ủ	u liu	(phan)	là	xề	xề phan	(liu)
22	Liu	liu	xế xán	(liu)	liu	liu	liu phan	(xệ)
	Phan	.	phan	(xệ)	là	xề	phan	(liu)
23	.	Liu	xán	(—)	xán	liu	.	(—)
	Liu	lỉu	liu	(cộng)	cổng	công	xê	(xàn)
24	xự	xế xê	là	(hò)	xề	là xang	.	(—)
	xê	.	xế xê	(xang)	xế là	hò	xề phảng	(Hò)

(Lớp ba)

25	.	.	Hò	(Ho)	ho	.	phan phan	(ho)
	Hỏ	.	ho phan	(xề)	xề	xề xề	phan	(Ho)
26	Ho	.	hỏ ho	(phan)	phan	.	phan phan	(Ho)
	Ho	hỏ	ho phan	(xề)	là .	xề xề	phan	(Ho)
27	.	Liu	xán	(—)	xán	liu	.	(—)
	u	ủ	u liu	(phan)	la	xề xề	phan	(liu)
28	.	Liu	xán	(—)	xán	liu	.	(—)
	xê	xề	xàn xề	(liu)	liu	cổng	công xê	(xàn)



TRƯỜNG TƯƠNG TƯ *(Nguyệt-nga than Vân - Tiên) tiếp theo*

(Lớp nhì (tiếp theo)

16 Chúng háo sắc hường (nhan) em phải-chịu cống (Hồ)
mông được giao (Hòa) cứu toàn dân . (—)
17 . . Truân (chuyên) duyên phận nử (nhi)
Tuổi xuân phải (chìm) trong mối sầu (thương)
18 Phận . má (Hồng) quê người xứ (lạ)
nhớ . đến (bạn) tình chung . (—)
19 . . . (—) . . Tưởng (Đâu)
Hiệp nhau chung (lo) hạnh phúc ái (tình)
20 . . . (—) Buổi . xuân (xanh)
Không phải thấm nhạc (duyên) đến lúc bạc (đầu)
21 . Sang xẻ (—) nỗi thảm . (—)
Đau khổ buồn (vui) sum vầy trong yêu (đương)
22 Cơ tạo trở (trêu) đôi ta ly (biệt)
. mông gì (—) tìm lại duyên (xưa)
23 . non nước (—) cách ngăn . (—)
Bao giờ gặp nhau (đặng) kẻ góc bể người chơn (trời)
24 Nguyện ước tan (tành) từ nay . (—)
nương bóng từ (Bi) đến lúc già (đời)

(Lớp III)

25 Đêm . vắng (nghe) tiếng vạc kêu (sương)
. âu sầu (—) bầu trời thê (lương)
26 giọng dế nỉ (non) bao . dư (âm)
chi xiết oán (hờn) đêm về âm (u)
27 . Hiu hắt (—) gió thu . (—)
Lạnh . buốt (xương) mang về canh (thâu)
28 . Tê tái (—) bởi ai . (—)
. sầu mong (—) đau đớn vết thương (lòng)



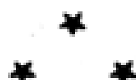


Nhạc sĩ TƯ - ĐĂNG

Ngô văn Đăng, kêu Tư Đăng, sanh năm 1917 tại Tân - Bình (Long-xuyên) hơn 30 năm sống với nghề, hiện đang giúp việc cho đoàn Kim-Chung, (Tiếng chuông vàng Bắc-Việt) lưu diễn quanh năm tại Rạp Trung Ương Hí Viện. Saigon

CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN

(Quyển I)



PHẦN THỨ HAI



– Loại bản vắn sân khấu canh tân



MỤC - LỤC

(PHẦN THỨ HAI)

CỔ NHẠC TẦM NGUYÊN



Chú giải

Phần thứ hai gồm 20 bản vắn, từ số 1 đến số 4 bốn bản nầy gọi là **Tứ Bửu, Minh Hoàng thưởng Nguyệt và Ngự giá Đăng Lâu** thường thông dụng trên sân khấu cải lương, 2 bản sau thì ít có.

Đây gọi là **Tứ Bửu**, do nhóm nhạc sư Miền Đông sáng chế, đúng theo lối cổ truyền, dung hòa năm cung.

Từ bài số 5 đến bài số 20, 16 bản sau đều là những bản mới sáng tác sau nầy chừng hơn 20 năm đã được thông dụng khắp sân khấu Ca Kịch - Miền Nam, nhưng chưa được công nhận chánh thức vào hàng ngủ cổ nhạc được, tạm gọi «**CỔ NHẠC CANH TÂN hay nhạc TỰ DO. v.v.**

Bài số 1 **MINH HOÀNG THƯỞNG NGUYỆT** (18 câu nhịp đôi)

TỨ BỬU (Giọng bắc)

1	.	.	Là	(XỰ)	xang	.	xang	(HÒ)
	Là	.	là	(HÒ)	xê	.	líu	(XỰ)
2	.	.	Tồn	(LIU)	xán	u	liu	(CỘNG)
	.	xang	xê	(—)	líu	cống	xê	(XANG)
3	.	.	.	(XANG)	xang	hò	.	(XỰ)
	.	xang	tồn	(—)	hò	tồn	xang	(XỰ)
4	.	.	Là	(HÒ)	hò	.	xang	(XỰ)
	.	xg	xg	(—)	cống	.	xê	(XANG)
5	.	xế	xế	(XÁN)	xán	.	ú	(LIU)
	u	.	liu	(CỘNG)	tồn	liu	.	(—)
6	.	.	Tồn	(LIU)	lỉu	liu	liu	(CỘNG)
	liu	.	là	(XÈ)	liu	cộng	.	(—)
7	.	.	Là	(LIU)	lỉu	liu	liu	(CỘNG)
	.	Liu	Liu	(—)	xề	.	cộng	(LIU)
8	.	Tồn	tản	(—)	u	.	xán	(LIU)
	Là	.	là	(HÒ)	là	xự	.	(XG)
9	.	.	Tồn	(XÊ)	cống	.	xê	(XANG)
	.	.	Tồn	(—)	xê	.	líu	(CỐNG)
10	.	.	Tồn	(U)	liu	xán	.	(LIU)
	.	Tồn	tản	(—)	cống	.	líu	(XÊ)
11	.	.	Hò	(—)	hò	xê	.	(—)
	.	Hò	hò	(—)	xê	.	liu	(XỰ)
12	.	.	xang	(—)	là	hò	.	(—)
	xừ	.	xg	(XÊ)	líu	cống	xê	(XANG)
13	.	.	Tồn	(LIU)	xán	u	liu	(CỘNG)
	.	xg	xê	(—)	líu	cống	xê	(XANG)
14	.	.	Tồn	(XÊ)	cống	xê	xang	(XỰ)
	.	xang	xang	(—)	hò	.	xự	(XANG)
15	.	là	xự	(—)	xang	hò	.	(—)
		xê	xê	(—)	cống	.	líu	(XÊ)
16	Tồn	.	Tan	(TỊCH)	tồn	xê	.	(—)
	.	xang	xê	(—)	líu	cống	xê	(XANG)
17	.	.	liu	(XỰ)	xang	xê	liu	(HÒ)
	.	xê	xê	(—)	cống	.	liu	(XÊ)
18	.	Tồn	cống	(—)	líu	xê	.	(—)
	Cồng	.	liu	(U)	.	xán	.	(LIU)

Tiếp qua bản — Ngự Giá Đăng Lâu

Bài số 1 MINH HOÀNG THƯỞNG NGUYỆT

(Đường minh hoàng du Nguyệt điện) (Tứ bửu).

1 . . . (Đường) . minh . (Hoàng)
. Dả . (—) du . nguyệt (Điện)
2 Khúc . nghê (Thường) mới . xuất (Hiện)
. Sau khi (—) từ giả cung (Trăng)
3 . xưa có (—) lời truyền kể (Rằng)
. nhân một (—) giấc chiêm bao (Nỏ)
4 . khi chợt (—) tỉnh . điểm (Mộng)
vua . xuống (Lịnh) đòi các vị (Quan)
5 . ở . (—) tại . triều (Trung)
vào . luận (Việc) trước sau . (—)
6 . La Công (—) khâm tuân mạng (Lịnh)
. mới trình (Bày) hơn thiệt . (—)
7 ý . nhà (Vua) toan lên cung (Nguyệt)
. Để xem (—) tường mặt Hằng (Nga)
8 vốn . là (Kẻ) tu tiên . (—)
. mà vua (—) có . tiền (Duyên)
9 . nài nỉ (—) giúp . một (Phen)
. chàng ta (—) mới . hóa (Phép)
10 Dùng . gậy (Trúc) để . nương (Thân)
. giục thẳng (—) lên . không (Trung)
11 . . thần (—) tình thay . (—)
. vài giây (—) sau . cây (Gậy)
12 . Hóa ra (Cây) cầu vòng . (—)
Rồi . chở (Đưa) vua viếng thiềm (Cung)
13 . Hằng Nga (—) bày . yến (Tiệc)
. cho tiên (—) nữ . múa (Ca)
14 . Suốt ba (—) đêm . ngày (Liền)
mới . từ (Giả) hồi đáo trần (Gian)
15 . Kỷ niệm (—) êm đềm . (—)
. nhà vua (—) mới . phán (Ra (
16 Truyền cho quan (Lảo) Họ Lê . (—)
. chế theo (—) điệu . múa (Ca)
17 . Bày ra (—) cho khắp cung (Tần)
và . Thể (NỬ) mặc . xiêm (NGHÊ)
18 Rồi . múa (HÁT) chầu vua . (—)
như . cung (HẰNG) tiên nử hát (CA)

Bài số 2 Ngự Giá Đăng Láu (14 câu nhịp đôi)
Tứ Bửu (giọng bắc)

1	.	.	Tồn	(Liu)	xán	u	liu	(cộng)
	.	xê	xang	(—)	xê	.	liu	(cộng)
2	.	.	liu	(—)	liu	cộng	.	(—)
	xế	.	xế	(xàn)	xê	.	liu	(cộng)
3	.	.	Tồn	(liu)	xán	u	liu	(cộng)
	.	ú	liu	(—)	cống	.	xang	(xê)
4	.	.	xự	(—)	xang	cống	.	(—)
	.	hò	.	(—)	xê	.	liu	(cống)
5	.	.	xự	(—)	xang	hò	.	(—)
	.	xang	.	(—)	cống	.	xang	(xê)
6	.	.	xự	(—)	xang	hò	.	(—)
	.	xang	.	(—)	xê	.	liu	(cống)
7	.	xừ	.	(cống)	xừ	cống	.	(—)
	.	xừ	.	(cống)	xừ	cống	.	(—)
8	.	.	Tồn	(Liu)	xán	u	liu	(Cộng)
	.	xê	xang	(—)	xê	.	liu	(Cống)
9	.	.	xự	(—)	xang	hò	.	(—)
	.	xang	.	(—)	cống	.	liu	(Xê)
10	.	.	xự	(—)	xang	hò	.	(—)
	.	xang	.	(—)	xê	.	liu	(Cống)
11	.	xan	.	(Xang)	xê	.	xang	(Xự)
	.	Tồn	.	(Cống)	xê	xg	tồn	(Xang)
12	.	.	.	(Hò)	.	xang	.	(Xự)
	.	xê	xang	(—)	hò	.	xang	(Xự)
13	.	.	xự	(—)	xang	hò	.	(—)
	.	xang	xang	(—)	cống	.	xang	(Xê)
14	.	.	.	(—)	.	.	.	(—)
	Tồn	.	cống	(Liu)	xang	xê	cống	(Xê)



Bài số 2 Ngự Giá Đăng Lâu (Tửu nhạc đăng lầu)

Tứ Bửu

1	.	.	. Lẳng	.	.	.	lặng
	.	Không	. (—)	ai	.	bậu	(bạn)
2	.	.	Bát (—)	.	ngát	.	(—)
	.	canh	. (—)	chầy	.	chưa	(sáng)
3	.	.	Túng (—)	.	phải	.	(—)
	.	Dụng	tửu (—)	phá	.	thành	(sầu)
4	.	thoạt	. (—)	.	tỉnh	.	(—)
	.	thoạt	. (—)	say	.	ngao	(ngán)
5	.	mau	. (—)	đem	cầm	.	(—)
	.	Khảy	. (—)	.	cho	.	(Khuây)
6	.	thiệt	. (—)	.	nợ	.	(—)
	.	Phong	. (—)	lưu	.	mới	(hẳng)
7	.	Làm	. (lẳng)	làm	lẳng	.	(—)
	.	Làm	. (lẳng)	làm	lẳng	.	(—)
8	.	Khảy	. (—)	.	thử	.	(—)
	.	Khúc	. (—)	đàn	.	chế	(bãn)
9	.	Lặng	. (—)	.	trời	.	(—)
	.	Trăng	. (—)	tỏ	.	đêm	(thu)
10	.	Rượu	. (—)	xách	.	lên	(lầu)
	.	vui	. (—)	thú	.	xem	(thấy)
11	.	Trên	. (—)	sân	.	ba	(chậu)
	.	nầy	. (—)	cúc	.	đơm	(bông)
12	.	nhìn	. (—)	Rỏ	.	bống	(hồng)
	.	Buồn	. (—)	Hậu	nghệ	.	(—)
13	.	Thiệt	. (—)	ta	sầu	.	(—)
	.	kim	ổ (—)	nhớ	.	mênh	(mang)
14	.	.	. (—)	.	.	.	(—)
	.	sao	tỏ (—)	chiếu	.	trên	(không)

Tiếp qua Phò Mã Giao Duyên

Bài số 3 PHÒ MÃ GIAO DUYÊN (12 câu nhịp đôi)
(Tứ bửu)

1	.	.	Là	(XỰ)	cống	xê	xang	(HÒ)
	líu	.	líu	(CONG)	xừ	cống	xê	(XANG)
2	.	.	xế	(XANG)	là	xang	xê	(CỐNG)
	.	.	líu	(LỈU)	líu	cống	líu	(XÊ)
3	.	Cống	xê	(—)	xang	hò	là	(XỰ)
	.	.	.	(—)	là	xang	xê	(CỐNG)
4	xê	.	xang	(XÊ)	líu	xừ	xang	(XÊ)
	xê	xg	xg	(HÒ)	cống	xê	xang	(HÒ)
5	Là	.	là	(HÒ)	là	.	là	(XỰ)
	.	.	líu	(HÒ)	xang	.	xang	(XỰ)
6	.	.	Là	(HÒ)	là	xự	xang	(XÊ)
	.	.	líu	(XỰ)	cống	xê	xang	(HÒ)
7	tan	.	tan	(XỀ)	xề	.	tan	(PHẠN)
	.	.	phan	(—)	xề	hò	phan	(HÒ)
8	.	.	.	(—)	.	.	.	(—)
	.	.	xế	(XANG)	xang	.	xế	(CỐNG)
9	.	.	Là	(XỰ)	xang	.	xg	(HÒ)
	.	xê	cống	(—)	xê	.	xg	(HÒ)
10	.	.	Cộng	(—)	líu	.	tồn	(LIU)
	.	.	.	(—)	.	.	.	(—)
11	.	.	.	(XANG)	xg	xự	xg	(HÒ)
	.	Cống	xê	(—)	xg	hò	xự	(XANG)
12	.	.	xế	(XANG)	là	xg	xê	(CỐNG)
	.	Cống	xê	(—)	xg	xự	xế	(XANG)

Tiếp qua = Ái Tử Kê

Bài số 3. **Phò Mã Giao Duyên** (Đêm vu quy)

Tứ Bửu

1	.		.	(HIỆP)	.	giai	.	(KỲ)
	.	Yến	.	(—)	nhỉ	.	vu	(QUY)
2	.	.	.	(SONG)	.	tin	.	(LẬP)
	.	Phuông	.	(—)	phuông	.	song	(THỀ)
3	.	Tam	sanh	(—)	ta	là Thạch		(THƯỢNG)
	.	.	.	(—)	Đồng	.	tâm	(ĐẾ)
4	.	vô	cùng	(SƠN)	hãi	thệ	hành	(VÂN)
	.	.	.	(UỒNG)	.	Đoạn	.	(TRƯỜNG)
5	.	Ngủ	quan	(—)	ta	là	nhàn	(LAI)
	.	.	.	(ĐÀO)	.	huê	.	(MẢNG)
6	.	.	.	(HỀM)	.	gia	.	(TRANG)
	.	.	.	(TOẠI)	.	vu	.	(TRƯỜNG)
7	.	.	Bạch	(ĐẦU)	Bạch	đầu	tương	(TỤU)
	.	.	Huờn	(—)	tiền	vương	tiền	(VƯƠNG)
8	.	.	.	(—)	.	.	.	(—)
	.	.	.	(HÀ)	.	thỏa	.	(THÍCH)
9	.	.	.	(TỊNH)	.	ân	.	(HOÀI)
	.	.	nhi	(—)	tích	.	vu	(HOÀI)
10	.	.	Độ	(—)	tương	tư	tương	(TƯ)
	.	.	.	(—)	;	.	.	(—)
11	.	.	.	(LA)	.	liệt	.	(TÌNH)
	.	Đông	.	(—)	Song	.	tòng	(PHI)
12	.	Tiền	.	(—)	lai	.	hương	(THẤT)
	.	Đào	huê	(—)	đồ	đạt	yến	(CHI)

Tiếp qua = Ái Tử Kê.

Bài thứ 4. ÁI TỬ KÊ (19 câu nhịp đôi) (Tứ bửu)

1	.	.	.	(—)	.	.	Tồn	(liu)
	.	lỉu	.	(—)	liu	.	liu	(cộng)
2	Tồn	.	tan	(Tịch)	tồn	cộng	.	(—)
	Liu	.	liu	(Cống)	liu	xừ	xg	(xê)
3	.	xg	xê	(—)	xg	hò		(—)
	xê	.	xg	(Hò)	là	xự	.	(xg)
4	.	xg	xự	(—)	xg	hò	.	(—)
	xê	.	xg	(Hò)	là	hò	xự	(xg)
5	.	.	Là	(Liu)	liu		liu	(xán)
	xán	.	xán	(xề)	.	phan	.	(liu)
6	.	.	xán	(—)	xán	liu	.	(—)
	Liu	.	liu	(Xán)	xán	liu	.	(—)
7	Tồn	.	tan	(Tịch)	tồn	.	liu	(xán)
	.	liu	xàn	(Xệ)	.	xàn	.	(Ú)
8	xán	.	xán	(Xề)	.	phan	.	(lìu)
	.	xán	xán	(—)	liu	.	xán	(xàn)
9	.	.	.	(—)	.	.	Tồn	(liu)
	.	lỉu	.	(—)	liu	.	liu	(cộng)
10	Tồn	.	tan	(Tịch)	tồn	cộng	.	(—)
	liu	.	liu	(Cống)	liu	xừ	xang	(xê)
11	.	xang	xê	(—)	xang	hò	.	(—)
	xê	.	xg	(Hò)	là	xự	.	(xang)

(Lớp nhì)

12	.	xg	xự	(—)	xg	hò	.	(—)
	.	xê	xg	(Hò)	là	xự	.	(xg)
13	.	.	Là	(Liu)	liu	.	liu	(xán)
	xán	.	xán	(Xề)	.	phan	.	(liu)
14	.	xán	.	(—)	xán	liu	.	(—)
	liu	.	liu	(Xán)	.	xán	.	(liu)
15	Tồn	.	tan	(Tịch)	tồn	.	liu	(tích)
	liu	.	xàn	(Xệ)	.	xàn	.	(Ú)
16	xán	.	xán	(Xề)	.	phan	.	(liu)
	.	xán	xán	(—)	liu	.	xán	(xàn)
17	.	.	.	(—)	.	.	Tồn	(liu)
	.	lỉu	.	(—)	liu	.	liu	(cộng)
18	Tồn	.	tan	(Tịch)	tồn	cộng	.	(—)
	liu	.	liu	(Cống)	liu	xừ	xg	(xê)
19	.	xang	xê	(—)	xg	hò	.	(—)
	.	xê	xg	(Hò)	là	xự	.	(xg)

Bài số 4 **ÁI TỬ KỆ** (Yêu bầy gà con) (Tứ Bửu)

1	.	.	.	(—)	.	.	Là	(tay)
	.	Tay	.	(—)	tay	cầm	.	(—)
2	.	Nầy	tay	(—)	tay	cầm	.	(—)
	.	Tấm	.	(—)	mẵng	.	quăng	(ra)
3	.	Thương	.	(—)	thương bầy		.	(—)
	.	Thương	.	(—)	bầy	.	gà	(con)
4	.	Kia	.	(—)	Con	gà	.	(—)
	.	Gà	.	(—)	gà	con	.	(—)
5	.	.	.	(Ăn)	.	xó	.	(—)
	.	.	.	(Vườn)	.	.	.	(Dao)
6	.	Kêu	.	(—)	.	rền	.	( )
	.	Ta	ra	(Rích)	.	chích	.	(chíu)
7	.	Là	.	(Chíu)	.	chíu	.	(chích)
	Con	.	chồn	(Chụp)	.	chồn	.	(Ních)
8	Bớ	.	bớ	(Nầy)	.	nàng	.	(ôi)
	.	anh	.	(—)	thương	đà	.	(—)
9	.	.	.	(—)	.	.	.	(thương)
	.	.	Thương	(—)	thương	đà	.	(—)
10	.	Đã	thương	(—)	thương	đà	.	(—)
	.	thương	.	(—)	đà	.	quá	(thương)
11	.	.	Thương	(—)	thương	bầy	.	(—)
	.	thương	.	(—)	bầy	.	gà	(con)

(Lớp nhì)

12	.	Không	mẹ	(—)	não	nùng	.	(—)
	.	Thật	não	(—)	nùng	.	cúc	(côi)
13	.	Dường	như	(—)	dân	.	vong	(quốc)
	.	Bị	xích	(—)	xiềng	.	ngoại	(bang)
14	.	.	Á	(—)	á	ôi	.	(—)
	.	Ta	ra	(Rích)	.	chích	.	(chíu)
15	Gà	.	không	(Mẹ)	gà	.	chíu	(chích)
	Con	.	diều	(Gặp)	.	diều	.	(xớt)
16	Hỡi	.	hỡi	(Nầy)	.	gà	.	(con)
	.	.	Ta	(—)	đau	lòng	.	(—)
17	.	.	.	(—)	.	.	Ta	(đau)
	.	Đau	.	(—)	thương	.	tột	(độ)
18	Nhìn	.	bầy	(Gà)	mất	mẹ	.	(—)
	.	chíu	.	(—)	chích ,	.	chích	(chíu)
19	.	Ta	Thương	(—)	thương	bầy	.	(—)
	.	Thương	.	(—)	bầy	.	gà	(con)

Bài số 5. THUẦN - HOA (24 câu nhịp một)

1	.	.	xê	(Xê)	xg	cống	liu	(Xê)
2	.	xê	xê	(—)	xg	xê	liu	(Cống)
3	Cống	.	liu	(Xê)	xề	xê	xang	(Xừ)
4	xừ	.	xang	(Xê)	xê	xang	cống	(Xê)
5	Hò	.	xang	(Hò)	cống	xê	xang	(Hò)
6	.	.	Cồng	(Ú)	liu	u	xáng	(Liu)
7	.	.	Cồng	(Liu)	liu	u	xán	(Liu)
8	Hò	xừ	xang	(Xê)	liu	cống	xê	(Xang)
9	xg	.	xê	(Cống)	liu	xang	xê	(Cống)
10	Cồng	.	ú	(Liu)	cồng	ú	liu	(Cồng)
11	.	.	xê	(Xang)	xừ	cống	xê	(Xang)
12	Liu	.	ú	(Liu)	cồng	ú	liu	(Liư)
13	Liu	.	ú	(Liu)	cồng	ú	liu xề	(Xề)
14	.	.	Cồng	(Ú)	ú	liu	cồng	(Liu)
15	.	.	Tồn	(Liu)	tồn	ú	liu	(Cồng)
16	.	.	Hò	(Xg)	xê	cống	xê	(Xang)
17	.	.	Hò	(Xg)	xê	cống	xê	(Xang)
18	.	.	Hò	(Xg)	xê	cống	xê	(Xang)
19	.	.	Hò	(Xg)	xề	cống	xê	(Xang)
20	Cồng	.	ú	(Liu)	liu	cộng	ú	(Liu)
21	.	.	hò	(Hò)	xg	cống	xê	(Xang)
22	.	.	Hò	(Hò)	xg	cồng	xê	(Xang)
23	.	Cồng	ú	(Liu)	liu	cộng	xê	(Xàn)
24	.	cộng	ú	(Liu)	liu	cộng	xê	(Xàn)

Xin chú ý: Đây là bản nhịp một, thường đờn y như trên, theo các sân khấu cải lương hiện hữu.
Tác giả bản này sắp thành nhịp đôi, nhịp một 24 câu, nhịp đôi thì chỉ 12.



Bài số 5. THUẤN-HOA (Lê-Long và công chúa Chiêm-Thành)

(Giọng bắc biến thể)

1	.	.	nàng	(Níu)	như	một	đóa	(Hoa)
2	.	Tâm	.	(—)	đầu	.	hiệp	(Ý)
3	.	nên	.	(—)	thỏ	.	má	(Hồng)
4	nguồn	.	yêu	(Đương)	bể	ái	mênh	(Mang)
5	Dầu	.	non	(Mòn)	thĩ chung	anh	gìn	(Tròn)
6	.	Dạ	.	(—)	chẳng	.	đổi	(Thay)
7	.	Tình	chăn	(—)	Gối	.	há	(Phai)
8	Đèn	trời	láng	(Láng)	soi	sáng	tao	(Phùng)
9	Dần	dần	hương	(Bén)	sắc	cầm	êm	(Ấm)
10	Việt	.	với	(Chiêm)	tình	nghĩa	giao	(Hòa)
11	.	.	Tà	(Dương)	chim	bóng	nội	(Tây)
12	Chim	.	muôn	(Bay)	luyện	giữa	thinh	(Không)
13	Kêu	.	vang	(Lên)	hiệp	cánh	vầy	(Đàn)
14	.	niềm	.	(—)	nở	.	nhàn	(An)
15	.	.	mệnh	(Hoa)	cợt	bởn	chăng	(Là)
16	.	.	Lòng	(Em)	thề	chẳng	đổi	(Thay)
17	.	Tử	sanh	(—)	với	.	tơ	(Loan)
18	.	Vui	nàng	(—)	khắn	.	keo	(San)
19	.	Đời	anh	(—)	như	kiếp	diều	(Phi)
20	.	Nhạn	én	(Sương)	khuya	tận	vút	(Mây)
21	.	.	ngàn	(Trùng)	xa	thẳm	quê	(Hương)
22	.	.	Đường	(Trường)	tha	quốc	nương	(Thân)
23	Được	.	vương	(Huynh)	phê	hạ	ân	(Lành)
24	Đẹp	.	trúc	(Mai)	giai	ngẫu	thiên	(Thành)

Trích trong tuồng — Việt Kiều Trên Đất Khách.
của THANH-CAO

Bài số 6. **NHẠN - VỀ** (10 câu nhịp một)

1	Hò	.	hò	(Xang)	hò	.	hò	(xang)
2	Hò	.	hò	(Xang)	cộng	.	cồng	(liu)
3	Cộng	.	cồng	(Liu)	u	.	liu	(cồng)
4	Liu	u	cồng	(Liu)	liu	.	liu	(liu)
5	Liu	.	liu	(Liu)	liu	.	u	(xán)
6	Xán	u	liu	(Xàn)	xán	.	xàn	(xán)
7	Xàn	.	xàn	(Xàn)	xừ	.	xang	(xê)
8	Cống	.	xê	(Xang)	xê	cống	liu	(xê)
9	.	xê	.	(—)	cồng	.	liu	(u)
10	xế	.	xán	(U)	ủ	u	liu	(xề)

(Bài thứ II.)

1	Hò	.	hò	(Xang)	hò	.	hò	(xang)
2	Hò	.	hò	(Xang)	cộng	.	cồng	(liu)
3	Cộng	.	cồng	(Liu)	u	.	liu	(cồng)
4	Liu	u	cồng	(Liu)	liu	.	liu	(liu)
5	Liu	.	liu	(Liu)	liu	.	u	(xán)
6	Xán	u	liu	(Xàn)	xán	.	xàn	(xán)
7	Xàn	.	xàn	(Xàn)	xừ	.	xang	(xê)
8	Cống	.	xê	(Xg)	xê	cống	liu	(xê)
9	.	xê	.	(—)	cồng	.	liu	(u)
10	xế	.	xán	(U)	ủ	u	liu	(xề)

(Bài thứ III.)

1	Hò	.	hò	(Xang)	hò	.	hò	(xang)
2	Hò	.	hò	(Xang)	cộng	.	cồng	(liu)
3	Cộng	.	cồng	(Liu)	u	.	liu	(cồng)
4	Liu	u	cồng	(Liu)	liu	.	liu	(liu)
5	Liu	.	liu	(Liu)	liu	.	u	(xán)
6	Xán	u	liu	(Xàn)	xàn	.	xàn	(xàn)
7	Xàn	.	xàn	(Xan)	xừ	.	xang	(xê)
8	Cống	.	xê	(Xg)	xê	cống	liu	(xê)
9	.	xê	.	(—)	cồng	.	liu	(u)
10	Xế	.	xán	(U)	ủ	u	liu	(xề)

Xin chú ý: Dứt bản Nhạn-về thường có đờn luôn qua láp xề xàng xê, đây là ý của soạn giả.

Cố soạn giả: Ba Phát viết bản nhạc này tại Hòa-hưng năm 1940.

Bài số 6 **NHẠN - VỀ**

1	người	.	an	(Tâm)	mà	.	phận (qua)
2	Đúng	.	nghi	(nan)	mọi	.	điều (chi)
3	Sầu	kín	từ	(Lâu)	không	.	may (mà)
4	Có	sự	ngày	(Nay)	chuyện	.	trả (vay)
5	Cứ	.	đeo	(Đay)	ân	.	đến (oán)
6	Vần	.	xoay	(Vần)	do	.	thiên (hoàng)
7	Đã	.	định	(Phần)	giờ	.	lâm (chung)
8	nhớ	.	ơn	(Qua)	những	chuyện	xa (xưa)
9	.	.	.	(—)	.	Lòng	bàng (khuâng)
10	Tâm	trí	không	(Yên)	xót	xa	riêng (mình)

Bài thứ 2.

1	Còn	.	chi	(Đâu)	mà	.	mộng (nhau)
2	nhìn	.	tâm	(Giao)	dượm	.	giòng (châu)
3	Ly	cách	nghìn	(Thu)	ôi	.	ngỡ (ngàn)
4	Một	kiếp	lầm	(Than)	trần	trải	nắng (sương)
5	Phía	.	rừng	(hoang)	đang	.	phát (hỏa)
6	Là	.	nơi	(Nàng)	bị	.	giam (cầm)
7	Ấy	.	ngày	(Tàn)	lời	.	cạn (phận)
8	Khiến	.	tôi	(Đầy)	chua	xót	tâm (can)
9	.	.	.	(—)	vì	.	ai (xuôi)
10	nên	.	khiến	(Cho)	nát	ngọc	tan (vàng)

Bài thứ III

1	Ngày	.	hai	(Con)	đã	.	thành (thân)
2	Đủ	đầy	tri	(Khôn)	trời	.	còn (thương)
3	Người	.	hảo	(Tâm)	Thảm	.	mẹ (già)
4	Mù	oán	khổ	(Thân)	lưu	lạc	hà (phương)
5	Đến	.	ngày	(Nay)	con	.	trông (thấy)
6	Lòng	.	càng	(Sầu)	tình	.	càng (nồng)
7	lụy	ứa	đoanh	(Tròng)	mấy	.	năm (qua)
8	Mẹ	.	thất	(Lạc)	ở	tận	nơi (đâu)
9	.	.	.	(—)	mà	.	thân (mẹ)
10	ngày	nay	phải	(Chịu)	bóng	oán	mù (lòa)

Bài số 7. LẠC XUÂN HOA (30 câu nhịp một)

1	.	.	Cống	(Hò)	.	xang	.	(Xê)
2	xg	cống	líu	(Xê)	.	.	líu	(Líu)
3	liu	cồng	.	(Liu)	.	.	líu	(Cống)
4	Cống	.	xê	(Xang)	xê	xừ	.	(Xang)
5	.	.	.	(—)	.	.	cống	(Hò)
6	xg	.	xg	(Xê)	xg	cống	líu	(Xê)
7	.	.	Liu	(Liu)	liu	cồng	.	(Liu)
8	.	.	líu	(Cống)	cống	.	xê	(Xang)
9	xế	xừ	.	(Xang)	.	.	xg	(Xự)
10	xg	hò	.	(Xừ)	xg	.	xg	(Xê)
11	xg	cống	.	(Xê)	.	.	xê	(Cống)
12	xê	liu	.	(—)	liu	hò	.	(—)
13	xg	.	xg	(Xê)	.	.	xg	(Cống)
14	Cống	líu	.	(—)	líu	hò	.	(—)
15	Hò	.	xg	(Xê)	.	.	líu	(Liu)
16	liu	cồng	.	(Liu)	.	.	líu	(Cống)
17	Cống	..	xê	(Xang)	xế	xừ	.	(Xg)
18	Xg	.	xg	(Xự)	xg	cống	.	(Hò)

THẢN : *Hò hò xg xê xế cống líu líu xế xế . . .*
Cống cống líu líu hò hò xg xê cống líu xế. . .
Hò hò . . . hò xg xê cống líu xế. . .
Cống líu xê xê xg xự xế xê xg xg xự xg hò. . .

19	.	.	liu	(Liu)	liu	cồng	.	(Liu)
20	.	.	líu	(Cống)	cống	.	xê	(Xg)
21	xê	xừ	.	(Xg)	.	.	xg	(Xự)
22	xg	hò	.	(Xừ)	xg	.	xg	(Xê)
23	xg	cống	líu	(Xê)	.	.	xê	(Cống)
24	cống	liu	.	(—)	líu	hò	.	(—)
25	hò	xg	. .	(Xê)	.	.	xê	(Cống)
26	cống	líu	.	(—)	liu	hò	.	(—)
27	hò	xg	.	(Xê)	.	.	liu	(Liu)
28	liu	cồng	.	(Liu)	.	.	líu	(Cống)
29	Cống	.	xê	(Xg)	xế	xừ	.	(Xang)
30	Xg	.	xg	(Xự)	xg	cống	.	(Hò)

Bài số 7. LẠC XUÂN HOA (Chiêu Tống sang Tàu)
(Phi-Anh)

1	.	.	Kề	(Từ)	.	quân	.	(Thanh)
2	Đã	rút	.	(Binh)	.	.	thi	(Vua)
3	Cùng	bầy	.	(Tôi)	.	.	.	(Díu)
4	.	Dang	.	(Nhau)	.	Đảo	.	(Vong)
5	.	.	.	(—)	.	ngỡ	.	(Rằng)
6	.	mong	.	(Thanh)	sang	giúp	.	(Binh)
7	.	.	.	(Đem)	.	về	.	(Quê)
8	.	.	đánh	(Đuổi)	.	Tây	.	(Sơn)
9	.	Là	.	(Xong)	.	.	.	(—)
10	.	.	nào	(Ngờ)	.	An	.	(khương)
11	có	kế	.	(Siêu)	.	.	.	(Nói)
12	.	Khoác	.	(—)	.	rằng	.	(—)
13	.	Binh	.	(Nhung)	.	.	.	(Gióc)
14	.	Tóc	.	(—)	.	và	.	(—)
15	.	Thay	.	(Xiêm)	.	.	.	(Như)
16	.	Tàu	.	(Bang)	.	.	.	(Đến)
17	.	Khi	.	(Suy)	.	tưởng	.	(Ra)
18	.	Nay	.	(Bị)	.	đánh	.	(Lừa)

THÁN : Còn gì. . . mong Thanh giúp binh. . .
Xã-Tắc. . . Tiên vương đành cam ngửa nghiêng.
Lòng hờn. . . Quân Thanh quá rẻ khinh.
Sống chi thẹn thẹn, lại hổ han với đời. . .

19	.	.	ôi	(Thôi)	.	còn	.	(Chi)
20	.	.	.	(Sống)	.	lưu	.	(Vong)
21	Bên	nhà	.	(Thanh)	.	.	.	(Ngoài)
22	.	Là	.	(Trò)	.	điều	.	(Ngoa)
23	.	Lấy	.	(Nè)	.	.	.	(Hết).
24	.	Quả	.	(—)	.	Bằng	.	(—)
25	.	.	Đau	(Thương)	.	.	.	(Sống)
26	.	Thác	.	(—)	.	là	.	(—)
27	.	Phản	.	(Ly)	.	. .	này	(Vua)
28	.	Cùng	.	(Tôi)	.	.	.	(Kẻ)
29	.	Ân	.	(Thân)	.	từng	.	(Nơi)
30	.	Như	.	(Bị)	.	dọa	.	(Đày)

Bài số 8, TRÔI NỔI PHONG TRẦN (12 câu nhịp một)

(giọng Bắc biến thể)

S. H.

1	.	.	.	(Cống)	líu	xừ	xg	(cống)
2	Líu	xừ	xg	(Xê)	xg	xư	xg	(xê)
3	.	.	.	(Xê)	xg	cống	líu	(xê)
4	Cống	xê	xg	(Xừ)	xg	xê	xg	(xừ)
5	.	xừ	.	(Còng)	. .	xừ	.	(cống)
6	xừ	.	liu	(Cống)	liu	xừ	liu	(cống)
7	u	liu u	xán	(Liu)	ú	.	líu	(cống)
8	ú	.	liu	(Xê)	cống	xê	xg	(xừ)
9	.	cồng	.	(U)	.	cồng	.	(u)
10	cồng	.	liu	(U)	xán	cồng	liu	(u)
11	u	liu u	xán	(Liu)	ú	.	liu	(cống)
12	ú	.	líu	(Xừ)	xg	xê	cống	(xê)

Bài thứ 2.

1	.	.	.	(Cống)	líu	xừ	xang	(cống)
2	Líu	xừ	xang	(Xê)	xg	xừ	xang	(xê)
3	.	.	.	(Xê)	xg	cống	líu	(xê)
4	Cống	xê	xg	(Xừ)	xg	xê	xg	(xừ)
5	.	xừ	.	(Cống)	.	xừ	.	(cống)
6	xừ	.	líu	(Cống)	líu	xừ	líu	(cống)
7	u	liu u	xán	(Liu)	ú	.	líu	(cống)
8	ú	.	líu	(Xê)	cống	xê	xang	(xừ)
9	.	Cồng	.	(U)	.	cồng	.	(u)
10	Cồng	.	liu	(U)	xán	cồng	liu	(u)
11	U	liụ u	xán	(Liu)	ú	.	liu	(cống)
12	Ú	.	líu	(Xừ)	xg	xê	cống	(xê)

Bài số 8. TRÔI NỔI PHONG TRẦN

Cao Tiện LY và Kinh Kha.

1	.	.	.	(Gió)	đến	Đằng	Vương	(Cát)
2	Gặp	hồi	long	(Vân)	bỏ	hồi	ẩn	(thân)
3	.	.	Sương	(Tuyết)	phủ	chốn	lảnh	(Sơn)
4	Đã	bao	nhiêu	(Ngày)	một	mai	anh	(tài)
5	.	Hùng	.	(Chí)	.	vùi	.	(lấp)
6	Trần	gian	chẳng	(Thấy)	ai	người	tri	(kỷ)
7	Nay	đôi ta	biết .	(Nhau)	chi	. .	thích	(chí)
8	Tâm	.	thích	(Tâm)	mới thỏa trong dạ			(nầy)
9	.	Từ	.	(Đây)	.	hùng	.	(anh)
10	vì	.	giang-	(San)	quyết thề phơi trải			(gan)
11	Huơi thanh gươm vẻ			(Vang)	Sát	.	bạo	(chúa)
12	Cứu	.	dân	(Tinh)	nơi	nơi	vửng	(an)

(Bài thứ II.)

1	.	.	có	(Chết)	là	trang	anh	(dũng)
2	lẫy	lừng	non	(Sông)	râu	mài	hiên	(ngang)
3	.	.	.	(Nay)	ta	giết	bạo	(quân)
4	Cứu	muôn	dân	(Lành)	an	cư	thanh	(bình)
5	.	Lùi	.	(Bước)	.	hèn	.	(nhác)
6	Dầu	.	có	(Thác)	thỏa	lòng	nguyện	(ước)
7	Tung gươm linh chi			(Ta)	quyết	.	chiến	(đấu)
8	chẳng	.	núng	(Nao)	rỏ	tay	anh	(hùng)
9	.	vì	.	(Dân)	.	vì	.	(ân)
10	Phẩm	.	tu	(Mi)	sống	là	tự	(do)
11	Công	danh ta	sá	(Chi)	giết	.	kẻ	(ác)
12	cứu	.	nhân	(Loại)	muôn	dân	ấm	(êm)



Bài số 9. **LỆ RƠI THẤM ĐÁ** **(24 câu nhịp một)**
(giọng nam biến thể)

1	.	.	.	(Cồng)	.	cồng	xg	(xang)
2	xê	cống	liu	(Xê)	.	.	.	(—)
3	.	.	.	(Cồng)	.	cồng	xg	(xang)
4	xê	cống	liu	(Xang)	.	.	.	(—)
5	.	.	.	(Xang)	xang	.	xừ	(cống)
6	xế	.	xán	(Cồng)	cồng	.	cồng	(xán)
7	xán	.	xán	(Xư)	.	.	.	(—)
8	.	.	.	(Cồng)	cồng	.	xang	(xang)
9	xế	cống	liu	(Xê)	.	.	.	(—)
10	.	.	.	(Cồng)	cồng	.	xang	(xang)
11	xế	cống	liu	(Xang)	.	.	.	(—)
12	.	.	.	(Xang)	xg	.	xừ	(cống)
13	Cống	.	xế	(Xang)	xg	.	xg	(xừ)
14	Xừ	.	xừ	(Cống)	.	.	.	(—)
15	.	cồng	cồng	(Cộng)	cồng	xán	.	(—)
16	xán	xán	.	(—)	xán	.	u	(liu)
17	Cồng	liu	.	(—)	liu	cồng	.	(—)
18	Cồng	.	cồng	(Cồng)	cồng	xán	.	(—)
19	xán	xán	.	(—)	xán	.	ú	(liu)
20	Cồng	liu	.	(—)	liu	cồng	.	(—)
21	.	liu	.	(Liu)	liu	.	liu	(xàn)
22	.	xàn	xàn	(—)	liu	.	liu	(xán)
23	.	.	.	(—)	.	.	xán	(xán)
24	xán	.	u	(Liu)	ú	cồng	liu	(u)

S. H.

Bài số 9. LỆ RƠI THẤM ĐÁ

Nguyễn Huệ đánh quân Thanh.

1	.	.	.	(Từ)	.	ngày	quân	(Thanh)
2	Sang	đóng	Đế	(Đô)	.	.	.	(—)
3	.	.	.	(Hoành)	.	hành	nhân	(gian)
4	chi	xiết	oán	(Than)	.	.	.	(—)
5	.	.	.	(Quang)	.	Trung	Hoàng	(Đế)
6	.	Đem	binh	(Hùng)	trừ	Sầm	Nghi	(Đống)
7	Hứa	.	Thế	(Thanh)	.	.	.	(—)
8	.	.	.	(Nhờ)	.	lòng	hy	(sinh)
9	Sỹ	Nghị	rút	(Binh)	.	.	.	(—)
10	.	.	.	(Ngày)	.	tàn	quân	(ta)
11	Hoan	hỉ	hát	(Ca)	.	.	.	(—)
12	.	.	.	(Uy)	.	danh	lừng	(lẫy)
13	Đề	.	Sử	(Xanh)	.	muôn	.	(đời)
14	.	Sùng	.	(Kính)	.	.	.	(—)
15	Lòng	.	đầy	(Tràng)	niềm	tưởng	.	(—)
16	.	nhớ	.	(—)	chẳng	.	hồ	(danh)
17	Là	con	.	(—)	Tiên	rồng	.	(—)
18	Đồng	.	lòng	(Trừ)	phường	cướp	.	(—)
19	.	nước	.	(—)	Hỏi	.	những	(ai)
20	vì	đâu	.	(—)	chia	lìa	.	(—)
21	.	Sao	.	(Gây)	chi	tương	.	(tàn)
22	Cùng	.	đồng	(Tâm)	xua	đi	ích	(kỷ)
23	.	.	.	(—)	.	.	.	(Kẻo)
24	.	uống	.	(Công)	Tồ	Tiên vi	non	(Sông)

Phi Anh

Bài số 10 HỒ ĐIỆP SONG PHI (26 câu nhịp một)

(S. H.)

1	.	.	xán	(U)	liu	cộng	tồn	(liu)
2	(Cộng	.	tồn	(liu)	liu	cộng	tồn	(liu)
3	.	.	xừ	(Xang)	xê	cống	xừ	(Xang)
4	(Cống	.	xừ	(Xang)	xê	cống	xừ	(Xang)
5	.	cống	liu	(Xê)	xang	cống	liu	(Xê)
6	Cống	.	liu	(Xê)	xg	cốg	liu	(Xê) xê
7	.	.	liu	(Xê⌒xê		.	xự	(Xê) xê
8	.	.	liu	(Xê⌒xê		.	xự	(Xê) xê
9	.	.	Cống	(Xê)	xg	cốg	liu	(Xê)
10	.	cống	liu	(Xê)	xề	xê	xg	(Xự)
11	Là	xừ	xg	(Xê)	xê	xg	xự	(Hò)
12	(Cộng	.	tồn	(Liu)	u	cộng	tồn	(liu) liu
13	.	.	tồn	(Liu⌒liu		.	xán	(liu) liu
14	.	.	tồn	(Liu⌒liu		.	xán	(liu) liu
15	.	.	xán	(U)	liu	cộng	tồn	(Liu)
16	(Cộng	.	tồn	(Liu)	liu	cộng	tồn	(Liu)

(Lớp nhì)

17	.	.	xừ	(Xang)	xê	cống	xừ	(Xang)
18	Cống	.	xừ	(Xang)	xê	cống	xừ	(Xang)
19	.	cống	liu	(Xê)	xg	cống	liu	(Xê)
20	.	cống	liu	(Xê)	xg	cống	liu	(Xê)
21	.	.	liu	(Xê)⌒xê		.	xự	(Xê) xê
22	.	.	liu	(Xê)⌒xê		.	xự	(Xê) xê
23	.	.	Cống	(Xê)	xg	cống	liu	(Xê)
24	Cống	.	liu	(Xê)	xề	xê	xang	(Xự)
25	Là	Xự	xg	(Xê)	cốg	xg	xự	(Hò)
26	Cống	.	tồn	(Liu)	u	cộng	tồn	(Liu)

PHỤ CHÚ : Những dòng chữ đậm có gạch và đóng lại là câu chầu không có lời ca.
Những chữ đờn có dấu dính lại là khi đờn chữ trước ngay nhịp, tức nhiên tay tím là tay khảy, khảy xuống đồng thời khảy ngược tay tím lên thì có chữ phía sau. Ví dụ (xê) xê (liu) liu v.v.

Bài số 10 HỒ ĐIỆP SONG PHI (Võ Tánh thiêu mình)

1	.	.	Bấy	(Lâu) chi nguyện phò (Vua)
2	.	.	.	(—) uy lực hùng (Anh)
3	Thành	.	Qui	(Nhơn) vẫn . bền (Gan)
4	.	.	.	(—) Lo thủ ngày (Đêm)
5	Chí	.	khí	(Trai) lo báo quốc (Quân)
6	.	.	.	(—) Khi thế đã (suy)⌒loan
7	.	.	Kế	(Mưu)⌒ngăn . giặc (vây)⌒binh
8	.	.	Đã	(Suy) lượng . thức (khôg)⌒nên
9	.	.	quyết	(Tâm) không để khổ (Quân)
10	chết	.	chóc	(Dân) Võ Tánh ra (Binh)
11	Dùng	thành	thiêu	(Thân) cứu an dân (Tình)
12	.	.	.	(—) xương rụi thành (Tro) nơi
13	;	.	Lòng	(Dân)⌒bao . tiết (Thương)⌒cho
14	.	.	Tài	(Trai) trong . lửa (Thiên)⌒khi
15	.	.	Bức	(Tranh) một đời hùng (Anh)
16	.	.	.	(—) cam chịu liều (Thân)

(Lớp II)

17	.	.	thành	(Tan) thân cũng thành (Than)
18	.	.	.	(—) Đem tất lòng (Trung)
19	Giúp	.	Nguyễn	(Vương) nay chết thảm (Thương)
20	.	.	.	(—) Khi nhắc đến (Danh)
21	.	.	mấy	(Ai)⌒Khôg . xót (thương)⌒gương
22	.	.	Dủng	(Kia)⌒Khôg . thẹn (Danh)⌒xem
23	.	.	Tử	(Sanh) Như thề mải (Lòng)
24	Đáng	.	khắc	(Lên) tiếng lưu thiên (Hạ)
25	vì	lòng	trung	(Kiên) chúng dân phượng (Thờ)
26	.	.	.	(—) Soi rạng nghìn (Thu)



Bài số 11. THỦ PHONG NGUYỆT (7 câu nhịp một)

1	liu	.	liu	(Liu)	.	.	liu	(—)
2	cồng	ú	liu	(Cồng)	.	.	xàn	(—)
3	xề	cống	.	(—)	liu	.	xàn	(xề)
4	.	.	.	(—)	.	cồng		(ú)
5	.	.	.	(—)	.	cồng	.	(liu)
6	Liu	.	xán	(U)	liu	cồng	liu	(cồng)
7	xế	.	xê	(Xàn)	xê	xàn	.	(—)

II

1	Liu	.	liu	(Liu)	.	.	liu	(—)
2	Cồng	ú	liu	(Cồng)	.	.	xàn	(—)
3	xề	cống	.	(—)	liu	.	xàn	(xề)
4	.	.	.	(—)	.	cồng	.	(ú)
5	.	.	.	(—)	.	cồng	.	(liu)
6	Liu	.	xán	(U)	liu	cồng	liu	(cồng)
7	Xê	.	xê	(Xàn)	xê	xàn	.	(—)

III

1	Liu	.	liu	(liu)	.	.	liu	(—)
2	Cồng	ú	liu	(Cồng)	.	.	xàn	(—)
3	xề	cống	.	(—)	liu	.	xàn	(xề)
4	.	.	.	(—)	.	cồng	.	(ú)
5	.	.	.	(—)	.	cồng	.	(liu)
6	Liu	.	xán	(u)	liu	cồng	liu	(Cồng)
7	Xê	.	xê	(Xàn)	xê	xàn	.	(—)

IV

1	Liu	.	liu	(Liu)	.	.	liu	(—)
2	Cồng	ú	liu	(Cồng)	.	.	xàn	(—)
3	Xề	cống	.	(—)	liu	.	xàn	(xề)
4	.	.	.	(—)	.	cồng	.	(ú)
5	.	.	.	(—)	.	cồng	.	(liu)
6	Liu	.	xán	(u)	liu	cồng	liu	(Cồng)
7	Xê	.	xê	(Xàn)	..	xê	.	(Xàn)

PHỤ CHÚ : Đờn 4 bản Thủ phong nguyệt, khi dứt 3 bản đầu thì dứt ngoại, đến bản chót thì dứt nội : như kéo chữ đờn mở dang, qua vọng cổ kép ca. Mỗi câu hai nhịp.

Bài số 11. THỦ PHONG NGUYỆT (giọt máu chung tình)

I

1	Đôi	.	giai	(Nhân)	.	.	khi	(—)
2	Cùng	ngắm	trăng	(Ngàn)	.	.	người	(—)
3	Thục	nử	.	(—)	khách	.	tài	(hoa)
4	.	.	.	(—)	.	tình	.	(ý)
5	.	.	.	(—)	.	càng	.	(yêu)
6	ngây	.	ngất	(Say)	tâm	hồn	mơ	(màng)
7	.	Trao	.	(Lời)	đá	vàng	.	(—)

II

1	Trăng	.	đang	(Lên)	.	.	hương	(—)
2	Lòng	gió	thêm	(Nồng)	.	.	mùi	(—)
3	Bát	ngát	.	(—)	trước	.	ngàn	(hoa)
4	.	.	.	(—)	.	nào	.	(khác)
5	.	.	.	(—)	.	Đào	.	(nguyên)
6	Chi	.	xiết	(Bao)	êm	đềm	trong	(lòng)
7	Phải	.	đây	(Là)	non	bồng	.	(—)

III

1	Đây	.	huê	(Viên)	.	.	nơi	(—)
2	Từ	giã	đôi	(Đàng)	.	.	người	(—)
3	Chiến	tuyến	.	(—)	kẻ	.	phòng	(không)
4	.	.	.	(—)	.	Sầu	.	(nhớ)
5	.	.	.	(—)	.	Nào	.	(nguôi)
6	Bao	.	ước	(Mơ)	Sum	vầy	gia	(đình)
7	.	Thắm	.	(Nồng)	duyên	tình	.	(—)

IV

1	Ai	.	tô	(Chi)	.	.	bi	(—)
2	tình	sử	não	(Nùng)	.	.	người	(—)
3	anh	tuấn	.	(—)	gái	.	thuyền	(quyên)
4	.	.	.	(—)	.	vùi	.	(lấp)
5	.	.	.	(—)	.	Đời	.	(xuân)
6	nếu	.	tấm	(Gương)	trinh	thành	chung	(tình)
7	.	Cam	.	(Đành)	.	hủy	.	(mình)

P.A.

Bài số 12. PHONG NGUYỆT (vòng quân quyết tiến)

I

1	.	.	Nào	(—)	chúng	.	ta	(tiến)
2	.	.	vì	(—)	non	nước	nguy	(biến)
3	.	.	dám	(—)	đâu	màng	thân	(mình)
4	.	.	Quyết	(Tâm)	.	.	hiến	(thân)
5	Lời	.	nguyền	(Chung)	thề	.	vì	(dân)
6	mà	.	tùng	(Quân)	.	.	cùng	(—)
7	nhau	lắm	tâm	(Tường)	.	.	đồng	(—)
8	nung	nấu	máu	(Nóng)	.	.	Trước	(—)
9	Sau	nguyền	một	(Lòng)	.	tùng	.	(quân)
10	.	.	.	(Cù g)	.	.	lên	(đường)

II

1	.	.	Dầu	(—)	gặp	phải	nguy	(hiểm)
2	.	.	Tráng	(—)	sa	lúc	chinh	(chiến)
3	.	.	Cũng	(—)	đủ	dầy	can	(trường)
4	.	.	Tiến	(Thân)	.	.	đấu	(tranh)
5	Là	.	đời	(Trai)	thi	.	tài	(năng)
6	Minh	.	cần	(Đem)	.	.	Dùng	(—)
7	trong	lúc	hăng	(Hái)	.	.	Kề	(—)
8	vai	giúp	non	(Nước)	.	.	Quốc	(—)
9	gia	hằng	mong	(Chờ)	.	nương	.	(thân)
10	.	dưới	.	(Bóng)	.	quân	.	(kỳ)

III

1	.	.	chào	(—)	nho	sĩ	lạc	(lối)
2	.	.	giữa	(—)	khu	rừng	đen	(tối)
3	.	.	Em	(Lắng)	nghe	tường	tiếng	(chàng)
4	.	.	Thở	(Than)	.	.	tấm	(thân)
5	Trời	.	về	(Khuya)	rừng	.	âm	(u)
6	Đầy	.	hiểm	(Nguy)	.	.	thiếp	(nguyền)
7	ra	sức	giúp	(Đỡ)	.	.	người	(—)
8	trái	chân	lở	(Bước)	.	.	được	(ngụ)
9	nhờ	nơi	động	(Tiền)	.	xá	.	(thân)
10	.	.	.	Mới	.	vẹn	.	(tuyền)

Bản thứ III (trích trong tuồng: Bạch Viên Tôn Các của Tứ-Lang.

Bài số 12. PHONG NGUYỆT (10 câu nhịp một)

I

1	.	.	Hò	(—)	xg	cống	xê	(cống)
2	.	.	Cồng	(—)	liu	ủ	liu	(ủ)
3	.	.	ủ	(—)	liu	cồng	liu	(cồng)
4	.	.	liu	(Xê)	.	.	cồng	(xang)
5	Hò	.	hò	(Xg)	Hò	..	hò	(xang)
6	Hò	..	hò	(Xg)	.	.	Hò	(—)
7	xg	cống	xê	(Cống)	.	.	cồng	(—)
8	liu	ủ	liu	(Ú)	.	.	ủ	(—)
9	liu	cồng	liu	(Cồng)	.	liu	.	(liu)
10	.	.	.	(Xán)	.	.	.	(xàn)

II

1	.	.	Hò	(—)	xg	cống	xê	(cống)
2	.	.	Cồng	(—)	liu	ủ	liu	(ủ)
3	.	.	ủ	(—)	liu	cồng	liu	(cồng)
4	.	.	liu	(Xê)	.	.	cống	(xang)
5	Hò	.	hò	(Xg)	hò	.	hò	(xang)
6	Hò	.	hò	(Xg)	.	.	Hò	(—)
7	xg	cống	xê	(Cống)	.	.	cồng	(—)
8	liu	ủ	liu	(Ú)	.	.	ủ	(—)
9	liu	cồg	liu	(Cồng)	.	liu	.	(liu)
10	.	.	.	(Xán)	.	.	.	(xàn)

III

1	.	.	Hò	(—)	xg	cống	xê	(cống)
2	.	.	Cồng	(—)	liu	ủ	liu	(ủ)
3	.	.	ủ	(—)	liu	cồng	liu	(cồng)
4	.	.	liu	(Xê)	.	.	cống	(xang)
5	Hò	.	hò	(Xg)	hò	.	hò	(xg)
6	Hò	.	hò	(Xg)	.	.	Hò	(—)
7	xg	cống	xê	(Cống)	.	.	cồng	(—)
8	liu	ủ	liu	(Ú)	.	.	ủ	(—)
9	liu	cồng	liu	(Cồng)	.	liu	.	(liu)
10	.	.	.	(Xán)	.	.	.	(xàn)

Bài số 13 THU PHONG (15 câu nhịp một) (Sáu Lầu)

I

1	.	.	.	(—)	.	.	.	(xè)
2	.	Cống	.	(Hò)	là	.	là	(xự)
3	xang	hò	.	(—)	cống	.	liu	(xè)
4	Cống	xang	xè	(Cống)	là	xự	xg	(hò)
5	xự	xg	.	(—)	cộng	.	ú	(liu)
6	liu	cộng	liu	(Xè)	liu	.	xè	(cộng)
7	liu	xề	.	(—)	.	xề	.	(xề)
8	.	liu	.	(Liu)	liu	.	xề	(cộng)
9	liu	xề	.	(—)	.	xề	.	(xề)
10	.	ú	.	(Ú)	cộng	.	liu	(xề)
11	Cộng	liu	.	(—)	.	xề	.	(xán)
12	u	.	liu	(Xề)	cồng	.	liu	(u)
13	Cồng	liu	.	(—)	.	xề	.	(—)
14	.	ú	.	(—)	.	cộng	.	(—)
15	.	liu	.	(—)	.	xàn	.	(—)

II

1	.	.	.	(—)	.	.	.	(xè)
2	.	Cống	.	(Hò)	là	.	là	(xự)
3	xang	hò	.	(—)	cống	.	liu	(xè)
4	cống	xang	xè	(Cống)	là	xự	xg	(hò)
5	xự	xang	.	(—)	cộng	.	ú	(liu)
6	liu	cộng	liu	(Xè)	liu	.	xè	(cộng)
7	liu	xề	.	(—)	.	xề	.	(xề)
8	.	liu	.	(Liu)	liu	.	xề	(cộng)
9	liu	xề	.	(—)	.	xề	.	(xề)
10	.	ú	.	(U)	cộng	.	liu	(xề)
11	cộng	liu	.	(—)	.	xề	.	(xán)
12	u	.	liu	(Xề)	cộng	.	liu	(u)
13	cồng	liu	.	(—)	.	xề	.	(—)
14	.	ú	.	(—)	.	cong	.	(—)
15	.	liu	.	(—)	.	xàn	.	(—)

Phụ Chú : Khi dứt câu 15, có nơi đờn thêm những câu :

1	.	.	xè	(Cống)	.	hò	.	(là)
2	xừ	.	xg	(Xè)	cống	hò	.	(—)
3	Hò	.	là	(Xự)	xg	hò	.	(—)



Em bé THỦY LIỄU

Sanh năm 1948 tại (Cap) Vũng Tàu con của nhạc sĩ tân nhạc Phạm-văn-Cương hiện đang giúp việc cho Đoàn ca vũ nhạc Tiếng Chuông (Thu-Ba) tuổi còn non, mà em đã có 1 số vốn bài bản cổ điển N.P. khá vững chắc : Ca nhạc mới thì nhờ ông cha già siêng năng tập dượt bên cổ điển cũng có thầy dạy đúng căn nên chi vừa 10 tuổi đầu, mà em đã lầu thong : ba nam, sáu bắc, 70 bản vân sân khấu.

Bài số 13. THU PHONG (Nguyễn Huệ bình Thăng-Long)

Phi-Anh

I

1	.	.	.	(—)	.	.	.	(Binh)
2	.	Tướng	.	(Tàu)	đống	.	tại	(Thăng)
3	Long	Thành	.	(—)	Phá	.	nhân	(dân)
4	Cùng	trong	thôn	(Xóm)	bọn	.	tham	(tàn)
5	Tự	do	.	(—)	đoạt	.	của	(dân)
6	Thêm	bọn	tham	(Quyền)	.	Thừa	dịp	(—)
7	Tung	hoành	.	(—)	.	bề	.	(ngoài)
8	.	rêu	.	(Rao)	dưới	.	danh	(hiệu)
9	yêu	nòi	.	(—)	.	loài	.	(người)
10	.	cướp	.	(Bóc)	đám	dân	lành	(vì)
11	lợi	riêng	.	(—)	.	nào	.	(kể)
12	nỗi	.	cơ	(Bần)	chẳng	.	suy	(tưởng)
13	nhục	dân	.	(—)	.	là	.	(—)
14	.	cháu	.	(—)	.	lạc	.	(—)
15	.	con	.	(—)	.	Hồng	.	(—)

II

1	.	.	.	(—)	.	.	.	(Binh)
2	.	Sẳng	.	(Sáng)	.	Nguyễn	.	(Huệ)
3	lên	đàng	.	(—)	chi	.	xong	(pha)
4	Đường	xa	đâu	(Quảng)	diệt	.	tham	(tàn)
5	một	phen	.	(—)	bọn	.	tướng	(Thanh)
6	Tuy	vạn	binh	(Hùng)	.	nào	kịp	(—)
7	Nam	hải	.	(—)	.	liều	.	(mình)
8	cho	.	gươm	(Giáo)	Tôn	.	Sĩ	(Nghị)
9	kinh	hồn	.	(—)	.	tìm	.	(đường)
10	.	tầu	.	(Thoát)	riết	.	về	(Tàu)
11	Sợ	oai	.	(—)	.	Hoàng	.	(Đế)
12	của	.	nam	(Triều)	giữ	.	biên	(thùy)
13	một	phen	.	(—)	.	làm	.	(—)
14	.	khiếp	.	(—)	.	vía	.	(—)
15	.	quân	.	(Tham)	.	tàn	.	(—)

Bài số 14. **Sanh Tử Lẻ Thường (15 câu nhịp một)**

(Giọng bắc biến thể)

I

1	.	.	.	(Cống)	xê	cống	liu	(hò)
2	xg	xê	liu	(Cống)	.	.	liu	(cống)
3	.	.	liu	(Cống)	xg	xê	liu	(cống)
4	.	.	.	(Cống)	xê	cống	liu	(hò)
5	xê	cống	liu	(Xê)	.	.	liu	(xê)
6	.	.	liu	(Xê)	xg	cống	liu	(xê)
7	.	.	.	(Xê)	liu	cống	liu	(cống)
8	liu	xừ	xg	(Cống)	liu	cống	xê	(xang)
9	.	liu	cống	(—)	xê	xg	.	(—)
10	.	.	.	(Xê)	liu	cống	liu	(cống)
11	.	.	liu	(Cống)	.	.	liu	(xê)
12	xg	cống	liu	(Xê)	.	.	liu	(xê)
13	.	.	.	(Xê)	liu	cống	liu	(cống)
14	Liu	xừ	xg	(Cống)	liu	cống	xê	(xang)
15	.	liu	cống	(—)	.	xê	xg	(—)

II

1	.	.	.	(Cống)	xê	cống	liu	(hò)
2	xg	xê	liu	(Cống)	.	.	liu	(cống)
3	.	.	liu	(Cống)	xg	xê	liu	(cống)
4	.	.	.	(Cống)	xê	cống	liu	(hò)
5	xê	cống	liu	(Xê)	.	.	liu	(xê)
6	.	.	liu	(Xê)	xg	cống	liu	(xê)
7	.	.	.	(Xê)	liu	cống	liu	(cống)
8	liu	xừ	xg	(Cống)	liu	cống	xê	(xg)
9	.	liu	cống	(—)	.	xê	xg	(—)
10	.	.	.	(Xê)	liu	cống	liu	(cống)
11	.	.	liu	(Cống)	.	.	liu	(xê)
12	xg	cống	liu	(Xê)	.	.	liu	(xê)
13	.	.	.	(Xê)	liu	cống	liu	(cống)
14	Liu	xừ	xg	(Cống)	liu	cống	xê	(xg)
15	.	liu	cống	(—)	.	xê	xg	(—)

S. H.

Bài số 14. **Sanh Tử Lẽ Thường** (Khí tiết Kinh Kha)

I

1	.	.	.	(Kiếm)	lưởi	kiếm	khuấy	(đời)
2	Dọc	ngang	kiếm	(Khách)	.	.	hừng	(chi)
3	.	.	thích	(Chí)	ta	đấy	thích	(sống)
4	.	.	.	(Chống)	với	giống	khuấy	(loạn)
5	Ta	chẳng	tiếc	(Thân)	.	.	chi	(trai)
6	.	.	tiến	(Lên)	xong	lướt	bốn	(phương)
7	.	.	.	(Thân)	múa	kiếm	nên	(Tiến)
8	chớ	đừng	lui	(Bước)	xứng	dáng	nêu	(danh)
9	.	Hừng	chí	(—)	vẻ	vang	.	(—)
10	.	.	.	(Ai)	biết	sống	cứ	(sống)
11	.	.	tiến	(Bước)	.	.	.	(Thân)
12	xong	lướt	bốn	(Phương)	.	.	sách	(Bia)
13	.	.	.	(Mong)	quét	hết	lủ	(ác)
14	Thỏa	tình	anh	(Tuấn)	chẳng	nề	quản	(gian)
15	.	Hống	hách	(—)	nghinh	ngang	.	(—)

II

1	.	.	.	(Sống)	hay	thác	lẽ	(thường)
2	Sanh	ra	ở	(Thế)	.	.	chớ	(dễ)
3	.	.	Hồ	(Tiếng)	mang	danh	nam	(tử)
4	.	.	.	(Sống)	xây	đắp	nước	(nhà)
5	Dầu	nản	chí	(Ta)	.	.	dầu	(cho)
6	.	.	hiểm	(Nguy)	nào	nại	tấm	(thân)
7	.	.	.	(Tung)	kiếm	báo	giúp	(nước)
8	Tảo	trừ	tham	(Những)	cướp	bóc	lương	(dân)
9	.	ích	kỷ	(—)	.	tham	quan	(—)
10	.	.	.	(Nêu)	chí	khí	anh	(dũng)
11	.	.	xong	(Lướt)	.	.	chốn	(nguy)
12	nào	sá	quảng	(Chi)	.	.	Tuổi	(xanh)
14	.	.	.	(Ta)	đây	chỉ	thích	(sống)
14	Kiếm	bạc	đây	(Độ)	bốn	biển	hiên	(ngang)
15	.	Thỏa	chí	(—)	nam	nhi	.	(—)

P. A.

Bài số 15. TỨ BÁT CHÁNH (9 câu nhịp một)

I

1.	xg	.	xê	(Cống)	xê	xg	xừ	(xg)
2	.	.	xang	(Xang)	xê	cống	xg xê	(cống)
3	.	.	Liu	(Liu)	ú	liu	cộng	(xề)
4	.	.	xế	(Xang)	xừ	xg	xê	(cống)
5	xán	u	liu	(Cồng)	xề	cồng	liu	(u)
6	.	.	xế	(Xg)	xê	cống	xê	(xang)
7	.	.	xán	(U)	liu	cộng	ú	(liu)
8	xán	.	xán	(U)	liu	cộng	ú	(liu)
9	xang	.	xê	(Cống)	xê	xang	xừ	(xang)

II

1	xg	.	xê	(Cống)	xê	xg	xừ	(xg)
2	.	.	xang	(Xang)	xê	cống	xang xê	(cống)
3	.	.	Liu	(Liu)	ú	liu	cộng	(xề)
4	.	.	xế	(Xang)	xừ	xang	xê	(cống)
5	xán	u	liu	(Cồng)	xề	cồng	liu	(u)
6	.	.	xế	(Xang)	xê	cống	xê	(xang)
7	.	.	xán	(U)	liu	cộng	ú	(liu)
8	xán	.	xán	(U)	liu	cộng	ú	(liu)
9	xang	.	xế	(Cống)	xê	xg	xừ	(xang)

III

1	xg	.	xê	(Cống)	xê	xg	xừ	(xang)
2	.	.	xg	(Xang)	xê	cống	xg xê	(cống)
3	.	.	Liu	(Liu)	ú	liu	cộng	(xề)
4	.	.	xế	(Xang)	xừ	xg	xê	(cống)
5	xán	u	liu	(Cồng)	xề	cồng	liu	(u)
6	.	.	xế	(Xang)	xê	cống	xê	(xang)
7	.	.	xán	(U)	liu	cộng	ú	(liu)
8	xán	.	xán	(U)	liu	cộng	ú	(liu)
9	xang	.	xê	(Cống)	xê	xang	xừ	(xang)

Bài số 15. TỨ BÁT CHÁNH (nhớ ơn sanh dưởng)

I M. N.

1	ơn	.	sanh	(Dưởng)	nặng	cao	bằng	(non)
2	.	.	.	(Thân)	con	trẻ	tua ghi	(nhớ)
3	.	.	.	(Lo)	đáp	ơn	cao	(dài)
4	.	.	ấu	(Thơ)	dồi	trao	nghiêng	(bút)
5	Cố	tâm	chuyên	(Cần)	hầu	nhờ	thân	(sau)
6	Trước	.	là	(Ta)	đáp	lấy	công	(ơn)
7	.	.	mẹ	(Cha)	sanh	đẻ	dưởng	(nuôi)
8	Tạo	.	chúng	(Ta)	nên	vóc	nên	(vai)
9	Sao	.	góp	(Mặt)	hiền	vinh	thế	(gian)

II

1	Khi	.	khôn	(Lớn)	phải	tua	gìn	(câu)
2	.	.	Trao	(Tria)	lấy	câu	hiếu	(đề)
3	.	.	.	(Trên)	đắp	lạnh	quạt	(nồng)
4	.	.	Dưới	(Ta)	thuận	hòa	thủ	(túc)
5	Sớm	hôm	phụng	(Thờ)	gìn	tròn	phận	(con)
6	.	.	ngoài	(Câu)	thần	tỉnh	mộ	(khang)
7	.	.	gồm	(Trong)	hai	chữ	hiếu	(thân)
8	Phải	.	cố	(Lo)	thân	gái	như	(trai)
9	ơn	.	sanh	(Dưởng)	nặng	tợ	núi	(cao)

III

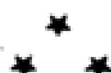
1	Ta	.	nên	(Giữ)	lấy	câu	từ	(tâm)
2	.	.	.	(Thân)	nam	tử	phải cần	(biết)
3	.	.	.	(Khi)	lớn	khôn	nên	(người)
4	.	.	Hiếu	(Trung)	gìn	sau	vẹn	(vẻ)
5	Khỏi	hổ	với	(Đời)	là	phận	tu	(mi)
6	:	.	cần	(Họ)	thờ	kính	song	(thân)
7	.	.	nhớ	(Câu)	sách	đã	chép	(ghi)
8	Phụ	.	mẫu	(Tồn)	bất	khả	viễn	(du)
9	ấy	.	mới	(Phải)	là	đạo	hiếu	(thân)

Bài số 16. **TỐNG PHONG** **(19 câu nhịp một)**

M. V.

I

1	.	.	.	(Liu)	.	cồng	ú	(liu)
2	.	.	u	(Liu)	u	xán	.	(u)
3	.	xừ	.	(Xang)	cống	xê	cống	(xàn)
4	.	.	xán	(U)	liu	cồng	.	(liu)
5	.	.	ú	(Liu)	ú	xàn	.	(xê)
6	.	.	Liu	(Cống)	xê	xang	xê	(cống)
7	Cống	.	liu	(Xê)	cống	xê	.	(—)
8	Liụ	.	liu	(Cống)	xê	xang	xê	(cống)
9	cống	.	liu	(Xàn)	xê	xàn	.	(—)
10	Liu	.	liu	(Cống)	xê	xang	xê	(cống)
11	Cống	.	liu	(Xừ)	xang	xừ	.	(—)
12	xừ	.	xang	(Xê)	cống	.	xê	(xang)
13	xê	cống	liu	(Xê)	.	xê	.	(—)
14	.	xề	.	(—)	.	u	.	(—)
15	.	xề	.	(—)	.	u	.	(—)
16	xề	.	xề	(U)	xề	u	.	(—)
17	Cồng	liu	.	(—)	ú	xàn	.	(—)
18	Liu	.	liu	(Cồng)	xề	cồng	liu	(u)
19	xán	.	ú	(Liu)	cồng	.	ú	(liu)



Bài số 16. TỐNG PHONG (Điên tình)

M. N.

I

1	.	. .	May	(Ra)	thành	.	kế	(mưu)
2	.	mối	.	(Ấn)	của	.	Bác	(Sĩ)
3	.	minh	.	(Đây)	mãi	mai	đáp	(đền)
4	.	Lý	.	(Huynh)	cũng	.	ăn	(năn)
5	.	Biết	.	(Đâu)	với	.	mối	(duyên)
6	.	Bách	.	(Niên)	.	giai	.	(ngẫu)
7	của	.	Bác	(Sĩ)	chúng	ta	.	(—)
8	. .	Lại	.	(Chẳng)	cùng	nhau	êm	(ấm)
9	Thuận	.	hòa	(Đến)	bạc	đầu	.	(—)
10	.	vui	.	(Vẻ)	thay	.	cho	(cảnh)
11	Đoàn	.	tụ	(Buổi)	mai	nầy	.	(—)
12	Đồng	.	chung	(Nhau)	tỉnh	giấc	mơ	(điên)
13	Đầm	ấm	mối	(Duyên)	.	.	.	(—)
14	.	tình	.	(—)	.	duyên	.	(—)
15	.	cuồng	.	(—)	.	điên	.	(—)
16	người	đời	thay	(Trắng)	đổi	đen	.	(—)
17	Rồi	khi	. .	(—)	đáo	đầu	.	(—)
18	mới	.	tỏ	(Tường)	điên	tỉnh	tỉnh	(điên)
19	vui	.	mừng	(Thay)	cho	.	mối	(duyên)



Bài số 17. LONG NGUYỆT (8 câu nhịp một)

I **M. V.**

1	.	.	Liu	(Liu)	liu	cồng	ú	(liu)
2	.	.	Liu	(Liu)	liu	cồng	ú	(liu)
3	Cống	.	xê	(Xàn)	liu	ú	cồng	(liu)
4	.	.	.	(Liu)	liu	.	liu	(liu)
5	.	.	ú	(Liu)	cồng	liu	u	(xán)
6	.	.	xán	(U)	ủ	u	liu	(xàn)
7	.	.	Liu	(U)	liu	u	xán	(liu)
8	.	.	.	(Liu)	liu	.	liu	(liu)

II

1	.	.	Liu	(Liu)	liu	cồng	ú	(liu)
2	.	.	Liu	(Liu)	liu	cồng	ú	(liu)
3	Cống	.	xê	(Xàn)	liu	ú	cồng	(liu)
4	.	.	.	(Liu)	liu		liu	(liu)
5	.	.	ú	(Liu)	cồng	liu	u	(xán)
6	.	.	xán	(U)	ủ	u	liu	(xàn)
7	.	.	Liu	(U)	liu	u	xán	(liu)
8	.	.	.	(Liu)	liu	.	liu	(liu)

III

1	.	.	Liu	(Liu)	liu	cồng	ú	(liu)
2	.	.	Liu	(Liu)	liu	cồng	ú	(liu)
3	Cống	.	xê	(Xàn)	liu	ú	cồng	(liu)
4	.	.	.	(Liu)	liu	.	liu	(liu)
5	.	.	ú	(Liu)	cồng	liu	u	(xán)
6	.	.	xán	(U)	ủ	u	liu	(xàn)
7	.	.	Liu	(U)	liu	u	xán	(liu)
8	.	.	.	(Liu)	liu	.	liu	(liu)

IV

1	.	.	Liu	(Liu)	liu	cồng	ú	(liu)
2	.	.	Liu	(Liu)	liu	cồng	ú	(liu)
3	Cống	.	xê	(Xàn)	liu	ú	cồng	(liu)
4	.	.	.	(Liu)	liu	.	liu	(liu)
5	.	.	ú	(Liu)	cồng	liu	u	(xán)
6	.	.	xán	(U)	ủ	u	liu	(xàn)
7	.	.	Liu	(U)	liu	u	xán	(liu)
8	.	.	.	(Liu)	liu	.	liu	(liu)

Bài số 17. LONG NGUYỆT (Khúc khởi hoàn)

P. A.

1	.	.	Ba	(Quân)	ta	đồng	hát	(ca)
2	.	.	vui	(Thay)	ngày	về	vẻ	(vang)
3	Khúc	.	khải	(Hoàng)	uy	tiếng	lừng	(danh)
4	.	.	.	(Vui)	ta	.	vui	(lên)
5	.	.	Quyết	(Tâm)	cùng	nhau	chinh	(chiến)
6	.	.	Thế	(Nên)	vẻ	vang	oai	(lừng)
7	.	.	Công	(Lao)	muôn	năm	khắc	(ghi)
8	.	.	thanh	(Danh)	bay	khắp	bốn	(phương)

II

1	.	.	Quân	(Binh)	một	lòng	đấu	(tranh)
2	.	.	Hy	(Sinh)	thân	dầu	tử	(sanh)
3	Diệt	.	quân	(Tàu)	không	kể	kinh	(ban)
4	.	.	nam	(—)	nhi	.	thi	(gan)
5	.	.	Quyết	(Tâm)	đền	ơn	cơm	(áo)
6	.	.	Xứng	(Danh)	sống	trong	trần	(hoàng)
7	.	.	Noi	(Gương)	oanh	liệt	tổ	(tiên)
8	.	.	.	(Ta)	tung	.	gươm	(linh)

III

1	.	.	Ra	(Đi)	mong	ngày	hiển	(vinh)
2	.	.	Lao	(Thân)	vào	vòng	lửa	(binh)
3	Cứu	.	quân	(Nhà)	thoát	khỏi	điêu	(linh)
4	.	.	Mong	(—)	sao	.	an	(ninh)
5	.	.	Nước	(Non)	ngàn	năm	văn	(hiến)
6	.	.	Đắp	(Xây)	điều	tô	huy	(hoàng)
7	.	.	Con	(Dân)	ta	không	hổ	(danh)
8	.	nêu	.	(—)	trang	.	sử	(xanh)

IV

1	.	.	Đám	(Con)	của	đoàn	ngự	(lâm)
2	.	.	Quyết	(Tâm)	đáp	đền	núi	(Sông)
3	Tuốt	.	gươm	(Thần)	biên	giới	lướt	(Xong)
4	.	.	Ta	(—)	đây	.	trông	(Mông)
5	.	.	Bảo	(—)	an	.	quân	(quốc)
6	.	.	Gầy	(Dựng)	lại	chiếc	ngai	(vàng)
7	.	.	Bản	(—)	đá	.	ghi	(tên)
8	.	.	Đám	(Con)	ngự	.	lâm	(quân)

Bài số 18. THU HỒ (9 câu nhịp một)

I

1	xê	.	cống	(Hò)	là	hò	xự	(Xang)
2	xự	.	hò	(Cống)	xê	xang	cống	(Xê)
3	xê	.	cống	(Hò)	là	hò	xự	(Xang)
4	xự	.	hò	(Cống)	xê	xang	cống	(Xê)
5	xề	.	cồng	(Liu)	liu	cống	liu	(U)
6	u	.	ú	(Liu)	ú	liu	cộng	(Xề)
7	xề	.	cộng	(Liu)	ú	liu	cộng	(Xề)
8	liu	.	cộng	(Xề)	liu	cộng	xê	(Xang)
9	xự	.	hò	(Cống)	xê	xang	cống	(Xê)

II

1	xê	.	cống	(Hò)	là	hò	xự	(Xang)
2	xự	.	hò	(Cống)	xê	xang	cống	(Xê)
3	xê	.	cống	(Hò)	là	hò	xự	(Xang)
4	xự	.	hò	(Cống)	xê	xang	cống	(Xê)
5	xề	.	cộng	(Liu)	liu	cồng	liu	(U)
6	u	.	u	(Liu)	ú	liu	cộng	(Xề)
7	xề	.	cộng	(Liu)	ú	liu	cộng	(Xề)
8	liu	.	cộng	(Xề)	liu	cống	xê	(Xang)
9	xự	.	hò	(Cống)	xê	xang	cống	(Xê)

III

1	xê	.	cống	(Hò)	là	hò	xự	(Xang)
2	xự	.	hò	(Cống)	xê	xang	cống	(Xê)
3	xê	.	cống	(Hò)	là	hò	xự	(Xang)
4	xự	.	hò	(Cống)	xê	xang	cống	(Xê)
5	xề	.	cộng	(Liu)	liu	cồng	liu	(U)
6	u	.	ú	(Liu)	ú	liu	cộng	(Xề)
7	xề	.	cộng	(Liu)	ú	liu	cộng	(Xề)
8	Liu	.	cộng	(Xề)	liu	cống	xê	(Xang)
9	xự	.	hò	(Cống)	xê	xang	cống	(Xê) .

Bài số 18. THU HỒ (Tữ Nha Khương Thượng)

I

1	Khi	.	trở	(Về)	tìm	nhà	bạn	(thân)
2	Tạm	.	vài	(Tháng)	toan	liệu	kiếm	(nơi)
3	Qua	.	tháng	(Ngày)	nghề	bán	giỏ	(đan)
4	Chợ	.	dầy	(Giầy)	không	ai	giúp	(mua)
5	Thời	.	vận	(Suy)	nên	về	xoay	(sang)
6	Nghề	.	bán	(Buôn)	nhửng	mong	được	(lời)
7	Rồi	.	lỗ	(Ngay)	chẳng	ai	đến	(hàng)
8	Đành	.	xoay	(Nghề)	coi	bói	cho	(xong)
9	Lại	.	từ	(Đây)	không	ai	đến	(xem)

II

1	Không	.	nản	(Lòng)	rồi	chờ	một	(hôm)
2	Được	.	nhờ	(Phép)	trong	khi	xuống	(non)
3	Nên	.	trừ	(Loài)	thành	tinh	biến	(thân)
4	Được	.	quyền	(Tước)	vinh	thê	ấm	(no)
5	vì	.	hôn	(Quân)	không	màng	công	(danh)
6	về	.	ẩn	(Thân)	nơi	đất	Tây	(Kỳ)
7	Ngày	.	thả	(Câu)	có	mong	vận	(thời)
8	vui	.	rượu	(Bầu)	thơ	túi	ngâm	(nga)
9	Đợi	.	người	(Rước)	ra	đi	giúp	(châu)

III

1	Nay	.	đến	(Thời)	ra	đời	Tữ	(Nha)
2	Đem	.	tài	(Trí)	lo	cho	thánh	(quân)
3	Binh	.	tướng	(Hùng)	chờ	ngày	khởi	(binh)
4	Trụ	.	tàn	(Các)	tôi	trung	giáng	(cang)
5	Ngày	.	ngày	(Lo)	vui say	cùng	truy	(hoan)
6	Quan	.	gián	(Can)	phải	tội	rụng	(đầu)
7	Người	.	lầm	(Than)	mang	không	vẹn	(toàn)
8	Giết	.	vợ	(Hiền)	không	kể	tôi	(con)
9	Trụ	.	tàn	(Ác)	nên	lên	hỏa	(thiêu)

Bài số 19. Dạ Hành Lử Khách (13 câu nhịp một)

T. L. (giọng bắc biến thể)

I

1	.	.	.	(Xừ)	hò xừ xang	(Xê)
2	xang	.	hò	(Xự)	xự . hò	(Xự)
3	.	.	.	(Cồng)	xề cồng liu	(U)
4	u	.	liu	(U)	xán . liu	(U)
5	.	.	ú	(Liu)	ú cộng liu	(Xề)
6	.	.	xế	(Xang)	xừ xang xê	(Cống)
7	.	.	liu	(Ú)	liu u xán	(Liu)
8	Liu	.	liu	(Liu)	cồng liu ú liu	(Xề)
9	Liu	.	liu	(Liu)	cồng liu ú liu	(Liu)
10	Liu	.	ú	(Liu)	cồng liu ú liu	(Xề)
11	.	.	.	(Cống)	cống . liu	(Cống)
12	.	.	.	(Xàn)	xàn . liu	(Xàn)
13	Hò	.	xế	(Xang)	xế xg hò xế	(Xang)

II

1	.	.	.	(Xừ)	hò xừ xg	(Xê)
2	xang	.	hò	(Xự)	xự . hò	(Xự)
3	.	.	.	(Cồng)	xề cồng liu	(U)
4	u	.	liu	(U)	xán . liu	(U)
5	.	.	ú	(Liu)	ú cộng xê	(Xề)
6	.	.	xế	(Xg)	xừ xg xê	(Cống)
7	.	.	Liu	(U)	liu u xán	(Liu)
8	Liu	.	liu	(Liu)	cồng liu ú liu	(Xề)
9	Liu	.	liu	(Liu)	cồng liu ú liu	(Liu)
10	Liu	.	liu	(Liu)	cồng liu ú liu	(Xề)
11	.	.	.	(Cống)	cống .. liu	(Cống)
12			.	(Xàn)	xàn . liu	(Xàn)
13	Hò	.	xế	(Xang)	xế xg hò xế	(Xang)

Bài số 19. **Dạ Hành Lữ Khách** (nếp sống)

P. A.

I

1	.	.	.	(Hòa)	cùng	hòa		ca	(xang)
2	Ta	.	cùng	(Rượu)	bạn	.		bầu	(bạn)
3	.	.	.	(Ngày)	là	ngày		vui	(say)
4	Tai	.	ta	(Nghe)	tiếng	.		nỉ	(non)
5	.	.	Khác	(Đâu)	cái	cảnh		non	(bồng)
6	.	.	Hết	(Say)	thì	ta		ca	(hát)
7	.	.	Không	(Hát)	thì	ta		cứ	(say)
8	Say	.	cho	(Quên)	đời	trai	thế	gian	(nầy)
9	Đã	.	bao	(Năm)	nào	vui	thú	chi	(đâu)
10	Nay	.	đến	(Đây)	thời	cam	phải	âu	(sầu)
11	.	.	.	(Chán)	cái	cảnh		khủng	(khiếp)
12	.	.	.	(Thà)	tối	ngày		say	(mèn)
13	Còn	.	có	(Hay)	hơn	tỉnh	mà	như	(say)

II

1	.	.	.	(Cười)	ta	cười		lên	(đi)
2	cho	.	lòng	(Vợi)	cạn	.		niềm	(hận)
3	.	.	.	(Đời)	là	đời		điêu	(ngoa)
4	Ta	.	ham	(Chi)	cái	.		xa	(hoa)
5	.	nó	dắt	(Ta)	đến	tận		hố	(sâu)
6	.	.	Trời	(Xanh)	ngàn	mây		non	(nước)
7	.	.	Tung	(Bay)	cho	thỏa		cánh	(chim)
8	Nơi	.	không	(Trung)	tìm	nếp	sống	muôn	(đời)
9	Đua	.	tranh	(Chi)	rồi	thoi	thóp	cô	(đơn)
10	Vương	.	vấn	(Chi)	trong	kềm	hầm	ngục	(tù)
11	.	.	.	(Có)	thác	khỏi		bảo	(tố)
12	.	.	.	(Cười)	cùng	cười		lên	(nào)
13	Đừng	.	đề	(Mang)	trong	chuỗi	ngày	khổ	(đau)

Bài số 20. **GIÓ HỜN (15 câu nhịp một)**

T. L.

I

Giọng bán xuân ai)

1	.	.	xang	(xừ)	xừ	.	xg	(xê)
2	Cống	xê	xang xừ	(Cống)	cống	.	liu	(—)
3	.	.	Liu	(Cồng)	cồng	.	liu	(u)
4	xán	u	liu cồng	(Xán)	xáng	.	xế	(xán)
5	.	.	xán	(Xế)	xế	.	xán	(xề)
6	xề	.	phan	(Liu)	liu	.	phan	(liu)
7	(. nghỉ mô.)			(—)	.	.	.	(—)
8	.	.	Liu	(Xề)	xề	.	phạn	(liu)
9	ú	liu	phan	(Xề)	phan	.	liu	(xề)
10	.	.	Liu	(Cống)	cống	.	liu	(cống)
11	xế	xg	xừ	(Cống)	cống	.	liu	(cống)
12	.	.	Liu	(Cống)	cống	.	liu	(cống)
13	xế	cồng	liu	(U)	cồng	. .	liu	(u)
14	.	.	Liu	(Cống)	cống	.	liu	(cống)
15	xế	.	xế	(Xang)	xế	cồng	liu	(u)

II

1	.	.	xg	(Xừ)	xừ	.	xg	(xê)
2	Cống	xê	xg xừ	(Cống)	cống	.	liu	(cống)
3	.	.	Liu	(Cồng)	cồng	.	liu	(u)
4	u	xán	liu cồng	(Xán)	xạn	.	xế	(xán)
5	.	.	xán	(Xế)	xế	.	xán	(xề)
6	xề	.	phan	(Liu)	liu	.	phan	(liu)
7	nghĩ mô			(—)	.	.	.	(—)
8	.	.	Liu	(Xề)	xề	.	phan	(liu)
9	ú	liu	phan	(Xề)	phan	.	liu	(xề)
10	.	.	Liu	(Cống)	cống	.	liu	(cống)
11	xế	xg	xừ	(Cống)	cống	.	liu	(cống)
12	.	.	Liu	(Cống)	cống	.	liu	(cống)
13	xế	cồng	liu	(U)	cồng	.	liu	(u)
14	.	.	.	(Cống)	cống	.	liu	(cống)
15	xế	.	xế	(Xg)	xế	cồng	liu	(u)

T. L. viết tại Thốt nốt ngày 28 tháng 11 - 1956.

Bài số 20. **GIÓ HỜN** (Tôn Lượng và Tôn châu than vì đói lạnh.

I

1	.	.	.	(Trời)	đành	.	nghiệt	(cay)
2	chẳng xót thương đời			(Trẽ)	.	.	.	(—)
3	.	.	.	(Hành)	.	.	hà	(đói)
4	mái	tóc	xanh vừa	(Chớm)	.	.	.	(—)
5	.	.	Hỏi	(Gió)	gió	.	gió	(hờn)
6	Trong	.	đêm	(Đông)	ôi	.	đêm	(đông)
7	(nghĩ	mô)	.	(—)	.	.	.	(—)
8	.	.	.	(Mà)	.	.	phụ	(thân)
9	Bỏ	đi	đâu	(Rồi)	.	.	.	(—)
10	.	.	.	Run)	.	.	rét	(Run)
11	Bụng	con	càng	(Đói)	.	.	.	(—)
12	.	.	.	Đêm)	.	.	đến	(Đêm)
13	gió	đông	lạnh	(Lùng)	.	.	.	(—)
14	.	.	.	Sương	.	.	gió	(rơi)
15	.	Trong	.	Đêm	.	mịt	.	(mùng)

II

1	.	.	.	(Mình)	là	.	trượng	(phu)
2	chí	hiên	ngang hồ	(Hải)	.	.	.	(—)
3	.	.	.	(Mà)	.	.	chịu	(ơn)
4	đấng	nam	nhi mày	(Liễu)	.	.	.	(—)
5	.	.	.	(Đề)	.	.	tiếng	(đời)
6	Họ	.	mỉa	(Mai)	.	.	chê	(bai)
7	(nghĩ	mô)	.	(—)	.	.	.	(—)
8	.	.	con	(Người)	.	sanh	.	(ra)
9	ở	trên	dương	(Trần)	.	.	.	(—)
10	.	.	.	(Ai)	.	. .	mấy	(ai)
11	Khỏi	cơn	nghèo	(Đói)	.	.	.	(—)
12	.	.	.	(Nâng)	.	.	đỡ	(nhau)
13	Thế	gian	thường	(Tình)	.	.	.	(—)
14	.	.	.	(Suy)	.	.	nghĩ	(ra)
15	.	tủi	.	(Cho)	thân	phận	.	(mình)

Trích trong tuồng : Bạch Viên Tôn Các, và Nhịp Cầu Ô Thước của Tứ Lang.



Nhạc sĩ : ÚT TRONG

Nguyễn văn Trong (tục danh ÚT TRONG) Sanh năm 1920 tại, xã Nhuận-phú-Tân, (quận Mõ-Cày) tỉnh Kiến-Hòa (Bến-Tre).

Trên 20 năm theo nghề đờn Cổ Điển trong các đoàn hát cải lương Nam-Phần, đã thâu vào nhiều dĩa Hát của nhiều hảng tại Saigon, chuyên về Nguyệt - Cầm (đờn kìm). Hiện là nhạc trưởng giàn nhạc cổ điển đoàn Thạnh - Minh diễn thường trực quanh năm tại rạp Nguyễn văn-Hảo (Saigon)



Nhạc sĩ : TÁM - THÔI

Nguyễn văn Thôi (tục danh : TÁM - THÔI) sanh năm 1911 tại xã Bình Hòa, quận : Ba-Tri tỉnh Kiến Hòa (Bến-Tre).

Trên 25 năm theo nghề đờn hát trên các sân khấu cải lương Chuyên về đờn nhị (đờn cò) và vĩ-cầm hiện đang giúp việc trong đoàn Thanh-Minh.

CỔ NHẠC

TẦM NGUYÊN

Phần phụ trương.

— 3 BẢN CA NAM —

1°/ **Nam xuân** (2 lớp rưỡi)

2°/ **Nam ai** (67 câu)

3°/ **Đảo ngủ cung** (hết bài)
(Của cố Soạn giả Sáu - Hải)

4°/ **12 câu vọng cổ tích:** Thiếu phụ Nam Xương
(của Khương Nhu)

Xin chú ý: Trong bản Nam xuân có những chữ đậm và ngoặc đơn là nhịp nội, những gạch ngang có ngoặc đơn là nhịp ngoại, mỗi câu chia hai phần. mỗi phần 2 nhịp. Hai láy đầu là nhịp con, 2 láy sau là nhịp song lang.

NAM XUÂN

(Lớp nhứt) H. 3.

Số thứ tự chung	Số thứ tự riêng	
1	1	. . (Thương) thân (—)
.	.	. nhân . (—) trở về nam (Phương)
2	2	Để . cho (Én) ly hương . (—)
.	.	Tiếng . gọi (Đàn) thê lương . (—)
3	3	. Phương chi (—) đôi . lứa (minh)
.	.	. Đã nặng (—) gánh . ân (tình)
4	4	như bóng (—) tùy hình . (—)
.	.	. Bao . (Nở) đành xa . (—)
5	5	. nay tuy (—) trăng . đã (khuyết)
.	.	nhưng lời xưa (Kia) anh còn đang (thệ)
6	6	. thệ - dưới (Bóng) con⌒trăng tròn (—)
.	.	Tôi . đây (Vẫn) còn ghi . (—)
7	7	ai ôi sao (Không) nhớ khi tao (ngộ)
.	.	. mà tệ (—) bạc làm (chi)
8	8	. Để cho (—) phiếm cam lỗi (nhịp)
		cho - đàn (Đành) ngang cung . (—)

(Lớp II)

9	1	. . nào (—) câu - hẹn (ước)
.	.	. Dầu cho (—) gió chướng với mưa (phùng)
10	2	. Trăm . (Trận) hành hung . (—)
.	.	Tôi . cũng (nguyện) cho đến cùng . (—)
11	3	Sao : đá (Vàng) vàng đá chưa (phai)
.	.	. mà liễu (—) phải . xa (mai)
12	4	Hệ ấy cũng (Tại) vì ai . (—)
.	.	. mai . (Đổi) chiều thay . (—)
13	5	. . chuộng (—) lấy . kim (ngân)
.	.	; Rời rẽ (—) phân . ân (ái)
14	6	như . trâm (Kia) đã bẻ . (—)
.	.	Bình . nọ (Lại) làm rơi . (—)
15	7	. ai ôi (—) nhắc đến thêm (đau)
.	.	. nào ai (—) đâu . có (thấu)
16	8	. còn gọi (—) đến . thêm (sầu)
		. ai . (Nào) có hay . (—)

NAM XUÂN (tiếp theo)

(Lớp III)

17	1	. . Lở (Thương) với nhau (—)
.	.	. Rồi . (—) phải chịu khổ cùng (nhau)
18	2	. Thà không (—) . gặp gở (—)
.	.	Đề gặp chi (Rồi) phải dở dang (—)
19	3	. yêu . (—) phải cam lận (đận)
.	.	. Thương vì (—) phải chịu lao (đao)
20	4	. ai ấy (—) Hởi . ai (ôi)
.	.	Sao . nở (Phụ) phân nhau . (—)
		Qua Nam Ai (4 câu phản)
21	5	. . . (Xưa) . kia . (—)
.	.	. Công chúa (—) nơi . nhà (vàng)
22	6	. mà còn (—) giao duyên . (—)
.	.	với tên đốn (Củi) trên ngàn . (—)
23	7	. Là . (—) vì . quá (thương)
.	.	. nên phải (—) chịu . lầm (than)
24	8	. miễn trọn (—) với chung tình (—)
.	.	. chi màng (Vì) đồ lao . (—)
		(Lớp I) đầu nam ai).
25	1	. . Hề (—) một . lời (trao)
.	.	. cũng là (—) nghĩa . tất (giao)
26	2	Phải . gắng (Bỏ) đá vàng . (—)
.	.	Cho . trọn (Đạo) tào khang . (—)
27	3	. Dẫu cho (—) sấm sét búa (riều)
.	.	Hề . thương (Nhau) thì . phải (liều)
28	4	. . chớ (—) có . lý (nào)
.	.	Học . theo (Thói) bạc đen . (—)
29	5	. như Thể (—) Loan . khi (trước)
.	.	. còn lỗi (—) lời . hẹn (ước)
30	6	. ôm thói (—) phụ phàng . (—)
.	.	Lục . Vân (Tiên) buổi cùng nguy (—)
31	7	. Bỗng dứt (—) mối . tơ (mành)
.	.	nhưng . mà (Xe) cũng chẳng đặng (thành)
32	8	. Để cho (—) tiếng xấu muôn (ngày)
.	.	miệng . đời (Còn) mĩa mai . (—)

NAM AI (tiếp theo)

(Lờp II)

33	1	ai ôi sao⁀không (Soi) lấy đó mà làm (gương)
.	.	Lại nở . đành (—) đoạn tuyệt tào (khương)
34	2	Làm . lỗi (Đạo) cang thường . (—)
.	.	Không sợ tiếng (Đời) cười chê . (—)
35	3	Hay . chi (Thứ) tham phú phụ (bần)
.	.	. như vợ (—) của Châu Mãi (Thần)
36	4	. Khinh . (—) miệt . chồng (nghèo)
.	.	Đành . ân (Biệt) tình ly , (—)
37	5	. Thương . (—) nhau . vì (nết)
.	.	. chớ . (—) Hết . chi (người)
38	6	. mà nở (—) phụ vong . (—)
.	.	Để cho tiếng (Cười) đời đời . (—)
39	7	như . Khương (Thượng) lúc . lâm (nguy)
.	.	. vợ không (—) chịu . nghĩ (suy)
40	8	Đành . dứt (Áo) phân kỳ . (—)
.	.	mặc . kệ (Chồng) sầu bi . (—)

(Lớp III)

41	1	. Sau thấy (—) đặng . phong (quan)
.	.	.. chỉ mong (—) ngày . trùng (hoan)
42	2	ôi thanh trước (Xà) nhi khẩu . (—)
.	.	Huỳnh . phong (Vĩ) thượng châm . (—)
43	3	. Lưởng ban (—) vai . khả (kỳ)
.	.	. Tôi độc (—) phụ . nhơn (tâm)
44	4	Thật . lòng (Dạ) người . đàn (bà)
.	.	. khó . (Nỗi) lường . do (—)
45	5	. . Phương (—) ngôn . Âu (Mỹ)
.	.	. . Có (—) đề . câu (rằng)
46	6	Lở . sanh (Ra) son phấn . (—)
.	.	Để . hai (Khách) mày râu . (—)
47	7	. Duyên hoài (—) thủy thành cầu (kỳ)
.	.	. nên chẳng (—) có . kể (gì)
48	8	. Làm cho (—) bại hoại luân (thường)
.	.	. chia . (Rẽ) tình duyên . (—)

NAM AI (tiếp theo)

Lớp tư

49	1	.	ai	ấy	(—)	hởi . ai	(ôi)
.	.	.	Khá	lo	(—)	trao đổi tinh	(thần)
50	2	Kia	.	những	(Tích)	trinh hiền .	(—)
.	.	.	Soi	.	(Đề)	mà làm gương	(—)
51	3	.	Tỷ	như	(—)	Tô Huê cô	(phòng)
.	.	.	Dệt	gấm	(—)	dâng lên bệ	(rồng)
52	4	.	vợ	gặp	(—)	đặng . mặt	(chồng)
.	.	nhờ	.	bức	(Cẩm)	hồi văn .	(—)
53	5	.	.	Đã	(—)	nên . oan	(trái)
.	.	.	.	Thi	(—)	trăm năm ân	(ái)
54	6	như	.	cửu	(Nhỉ)	bên Phiến Thành	(—)
.	.	Dám	mạo	ra	(Cờ)	trân châu .	(—)
55	7	.	chẳng	may	(—)	gảy gánh cang	(thường)
.	.	.	Thà	cam	(—)	liều phận má	(hường)
56	8	.	.	Quyết	(—)	đến . tống	(trảo)
.	.	.	Dĩ	.	(Báo)	cừu phu .	(—)

(Lớp năm)

57	1	.	Tuy	là	(—)	thiếu sức đua	(tranh)
.	.	nhưng	.	vạn	(Cô)	vẫn còn lưu	(danh)
58	2	.	Tiết	liệt	(—)	hơn đời .	(—)
.	.	Là	như	tích	(Nàng)	Vọng Phu .	(—)
59	3	.	vô	duyên	(—)	chia xẻ chữ	(đồng)
.	.	.	Bồng	con	(—)	lên núi trông	(chồng)
60	4	.	miễn	.	(—)	trọn . đạo	(tồng)
.	.	chi	.	xá	(Vì)	tồn vong .	(—)
61	5	.	Thân	.	(—)	tuy . Hóa	(đá)
.	.	nhưng	.	tên	(Nọ)	vẫn còn ngàn	(đời)
62	6	.	ghi	đề	(—)	nơi sử xanh	(—)
.	.	Bia	.	tạc	(Tấm)	lòng vàng .	(—)
63	7	.	ấy	là	(—)	đàn bà khi	(xưa)
.	.	.	Tâm	hồn	(—)	tuy . cổ	(tồ)
64	8	nhưng	.	cũng	(Dám)	liều mình .	(—)
.	.	cho	.	trọn	(Đạo)	tình chung .	(—)

NAM AI (tiếp theo)

(Lớp sáu)

65	1	. Đến (—) . như . (ai)
.	.	. Sanh . (—) nhằm . đời (nay)
66	2	. Thấy . (Xa) hiểu rộng . (—)
. .	.	Sao . chẳng (Biết) xét suy . (—)
67	3	. Thề đá (—) tạc . vàng (ghi)
.	.	. nở phụ (—) bạn . tương (tri)
68	4	. Đem . (—) bạc . thay (chi)
.	.	. Trao . (Đổi) vàng thao . (—)
69	5	. Tầm . (—) kia . tuy (thác)
.	.	. nhưng . (—) tơ nọ vẫn (còn)
70	6	. Lòng ai (—) dầu . phai (lợt)
.	.	. Dạ . (Nầy) nào phai . (—)
71	7	. ai ôi (—) sao chẳng giữ (lời)
.	.	. Để cho (—) tiếng xấu muôn (đời)
72	8	. mang lấy (—) án . phụ (tình)
.	.	mang . lấy (Tiếng) lang tâm . (—)
		(Lớp bảy) là lớp trống (thường kêu là lớp mới)
73	1	. . Thôi (—) rồi . từ (đây)
.	.	. Duyên nợ (—) đã . rã (rời)
74	2	. Bởi ai (—) đen bạc . (—)
.	.	Bạc . chi (Lắm) hỏi ai . (—)
75	3	. . Trân trọng (—) thói . giàu (sang)
.	.	. Bán rẻ (—) mảnh . hường (nhan)
76	4	. cho những (—) bọn . sang (giàu)
.	.	như . ong (Bướm) ngày xuân . (—)
77	5	. Hoa . (—) còn . tươi (thắm)
.	.	. Thì đưa (—) rước . tưng (bừng)
78	6	. Đến khi (—) nắng lửa . (—)
.	.	. mưa dầu (Là) tàn hoa . (—)
79	7	. Còn đâu (—) ngày . phong (nhụy)
.	.	. mà ong (—) bướm . vinh (cành)
80	8	. chi như (Bọn) nghèo hèn . (—)
.	.	. như ngọn (Cỏ) dưới mương . (—)

NAM AI (tiếp theo)

(Lớp 8 (là lớp trống nhì)

81	1	. Dầu chẳng (—) có . nhụy (hương)
.	:	. nhưng dầu (—) phải . phong (sương)
82	2	Phải . giòng (Tố) bảo bùng . (—)
.	.	cũng . có (Thề) đởm dương . (—)
83	3	. ai ôi (—) sao chẳng cạn (suy)
.	..	. mà . (—) nở . ham (chi)
84	4	. oanh . (—) yến . đi (về)
.	.	. cho . (Thiệt) đời hoa . (—)
85	5	. Tay . (—) Tiên . tuy (tốt)
.	:	. nhưng . (—) liễu . chuông (đài)
86	6	. một phen (—) đã bể . (—)
.	..	. Bể : (Rồi) lại quăng . (—)
87	7	. ăn . (—) năn . đã (muộn)
.	.	. Phải cam (—) bạc mạng suốt (đời)

Qua Đảo Ngủ Cung (4 câu phản)

88	1	. . Thanh (Niên) . nếu . (—)
.	.	. muốn . (—) khỏi lụy vì (tình)
89	2	. Thì cần (—) soi gương . (—)
.	.	. của . (Người) đời xưa . (—)
90	3	như . Trụ (Vương) sa mê Tô (Nương)
.	.	Tửu sắc tơi (Bời) phế bỏ ngôi (trời)
91	4	vì . một (Mối) dục tình . (—)
.	.	. giết chú (Là) Tỷ Cang . (—)

Đảo Ngủ Cung (tiếp theo)

(Lớp I)

92	1	Lấy linh lung (Tâm) cho . mỷ (nhân)
.	.	Để tiếng dâm (Loàn) nhơ nhớp ngai (vàng)
93	2	Lam . lỗi (Đạo) quân thần .. (—)
.	.	Phụ . cơ (Nghiệp) Thành Thang . (—)
94	3	. . Chung (Qui) cũng tại con Hồ (Ly)
.	.	xã tắc điêu (Tàn) thân thế bể (bàng)
95	4	. Thác xuống (—) suối vàng . (—)
.	.	. miệng thế (—) vẫn cười chê (—)
96	5	. Tài . (—) cao . trí (cả)
.	.	. mấy ai (—) bằng Châu Minh (Hoàng)
97	6	. Kế vị (—) miếu bằng . (—)
.	.	. Thần . (Dân) cảm đức . (—)
98	7	. vỗ . (—) an . lê (thứ)
.	.	. ngởi . (—) khi . có (dư)
99	8	. vì một (Mối) tình tư . (—)
.	.	Cùng . Bao (Tỷ) mà hư . (—)

(Lớp nhì)

100	1	xé . lụa (Tơ) phá . của (kho)
.	.	Đốt . lửa (Thành) gạt .. lê (dân)
101	2	. Thất lề (—) với chư hầu (—)
.	.	. Khinh . (Thường) quan liêu . (—)
102	3	. . Đến (Sau) bị . giặc (vây)
.	.	. Ra khổ (—) bao . nhiêu (lần)
103	4	. Tướng sĩ (—) chẳng ân cần . (—)
.	.	. nên . (Phải) thiệt thân . (—)
104	5	. ôi . (—) Rất gớm ghê (thay)
.	.	. cho lòng (—) dạ . đàn (bà)
105	6	. Hư cửa (—) hại nhà . (—)
.	.	. Đồ . (Thành) nghiêng nước . (—)
106	7	Trước . kia (Khi) Từ . Hải (Thọ)
.	.	. vỏ . (—) vồng . hiên (ngang)
107	8	. Hùng cứ (—) một phan . (—)
		. nào có (Sợ) vì ai . (—)

ĐẢO NGŨ CUNG (tiếp theo)

(Lớp ba (III)

108	1	. Sau phải (—) bị . sa (cơ)
.	.	. Là vì (—) bởi . lầm (mưu)
109	2	. vợ là (—) Huê Đàng . (—)
.	.	Cùng . quản (Nghịch) đồ mưu . (—)
110	3	. Phục . (—) rượu . cho (say)
.	.	. giặc đến (—) còn . chưa (tường)
111	4	. nên phải (—) bó mình . (—)
.	.	. chịu . (Xử) bá đao . (—)
112	5	. những . (—) mùi . phú (qui)
.	.	. Rẻ phản (—) nghĩa vợ tình (chồng)
113	6	. Đem thói (—) bởi bồng . (—)
.	.	. Thấy . (Biết) là bao . (—)
114	7	. như . (—) nàng . Kim (Liên)
.	.	. vợ của (—) vỏ . Đại (Lang)
115	8	. chê chồng (—) bần hàn . (—)
.	.	Phụ . rãi (Nghĩa) tào khang . (—)

(Lớp tư)

116	1	. . Muốn (Đem) mảnh . hường (nhan)
.	.	. Bán rẻ (—) chỗ . giàu (sang)
117	2	nhưng . ngặt (Duyên) đã lỡ làng . (—)
.	.	. nên . (Mới) lầm than . (—)
118	3	. Dứt . (—) nẻo . trái (oan)
.	.	. mưu . (—) độc . thuốc (chồng)
119	4	. Bẻ gảy (—) chử đồng . (—)
.	.	. Đặng . (Có) vầy duyên . (—)
120	5	. Cùng . (—) Tây . Môn (Khánh)
.	.	. chớ . (—) chẳng . kể (gì)
121	6	. nhứt dạ (—) đồng sàng . (—)
.	.	Thiên . chung (Hề) dạ ái . (—)
122	7	. nhứt . (—) nhựt . phu (thê)
.	.	. Hề . (—) bá . tải (ân)
123	8	. cho đến (—) hôm nay . (—)
		Tích . Võ (Tòng) Sát Tẩu . (—)

Đảo Ngủ Cung (tiếp theo)

(Lớp năm)

124	1	. Còn bia (—) miệng . thế (gian)
.	.	. Đàm tiếu (—) chuyện . trái (oan)
125	2	. ôi nhơn (—) tình gì . (—)
.	.	. như . (Môn) tiểu thuyết . (—)
126	3	. Còn . (—) ai . chung (thủy)
.	.	. như . (—) thảo . thượng (sương)
127	4	. mới chuộng (—) thì thương . (—)
.	.	. củ . (Vong) lại ghét . (—)
128	5	. mấy . (—) ai . dám (chắc)
.	.	. Thế . (—) sự . thăng (trầm)
129	6	. nghe thì (—) phải lầm . (—)
.	.	. Tin thì (—) phải mắc . (—)
130	7	. Lòng . (—) người . bất (trắc)
.	.	. chớ . (—) khá . theo (chi)
131	8	. nhưng tiếng (—) dầy đưa . (—)
.	.	. chót . (Lưởi) đầu môi . (—)

Lớp sáu

132	1	. . ai (Ôi) hề âu yếm bao (nhiêu)
.	.	. Thì . (—) đoạn trường bấy (nhiêu)
133	2	. Dầu mình (—) có muốn gần (—)
.	.	Thì . thiếu (Sót) kim ngân . (—)
134	3	. thì . (—) sự . giao (thân)
.	.	. chi . (—) dễ . . nhiều (lần)
135	4	. Lâm cảnh (—) cơ bần . (—)
.	.	. Là . (Phải) lìa phân . (—)
136	5	. yêu . (—) nhau . vì (của)
.	.	. mến . (—) nhau . vì (tiền)
137	6	Phụ . cũng (Tại) vì tiền . (—)
.	.	vong . cũng (Tại) vì của . (—)
138	7	. nào ai (—) là người trượng (nghĩa)
.	.	. nào ai (—) đi bán chung (tình)
139	8	. mà . (—) nhọc . công (trình)
.	.	Câu . hải (Thệ) sơn minh . (—)

ĐẢO NGŨ CUNG (tiếp theo và hết)

(Lớp bảy) là song cước I

140	1	.	Trang	.	(—)	Tử	.	thử	(vợ)
.	.	.	Lưu	cồ	(—)	vồ	.	bồn	(ca)
141	2	.	Rằng	nếu	(—)	chẳng	may	.	(—)
.	.	Ta	.	có	(Thác)	đi	rồi	.	(—)
142	3	.	Thê	di	(—)	tha	.	nhơn	(luyến)
.	.	.	Vợ	giao	(—)	tình	.	cùng	(người)
143	4	.	gia	di	(—)	tha	.	nhơn	(cư)
.	.	nhà	.	về	(Tay)	người	coi	.	(—)
144	5	.	Điền	di	(—)	tha	.	nhơn	(canh)
.	.	.	Ruộng	về	(—)	tay	.	người	(cày)
145	6	.	mả	di	(—)	tha	.	nhơn	(phá)
.	.	ngựa	.	về	(Tay)	người	đi	.	(—)
146	7	.	Tử	di	(—)	tha	.	nhơn	(mạ)
.	.	.	Con	về	(—)	tay	.	người	(sai)
147	8	.	ôi	.	(—)	gớm	.	ghê	(thay)
.	.	cho	.	cái	(Thói)	dâm	loàn	.	(—)

(Lớp tám) là song cước II)

148	1	Hửu	.	nhan	(Sắc)	Hửu	.	ác	(đức)
.	.	Hửu	.	lang	(Tâm)	hửu	.	xảo	(ngôn)
149	2	.	những	lời	(—)	chung	thỉ	.	(—)
.	.	Là	.	tiếng	(Hẹn)	qua	đường	.	(—)
150	3	.	vẻ	bá	(—)	mị	.	thiên	(kiều)
.	.	.	Để	hại	(—)	người	.	nhiều	(điều)
151	4	.	nghĩa	.	(—)	trọng	.	tài	(khinh)
.	.	Đâu	.	có	(Biết)	là	ai	.	(—)
152	5	.	Chung	.	(—)	qui	.	chỉ	(quyết)
.	.	.	Cũng	tại	(—)	vì	.	tiền	(tài)
153	6	.	ân	mảng	(—)	tình	hoài	.	(—)
.	.	Cũng	.	tại	(Vì)	kim	ngân	.	(—)
154	7	.	Trường	đồ	(—)	truy	.	mã	(lực)
.	.	.	Sự	cựu	(—)	kiến	.	nhơn	(tình)

Hết ba bài nam (tiếp theo bản vọng cổ tích : Thiếu phụ Nam Xương (của Khương Nhu với phương pháp mới rất dễ học ca.

Bản ca VỌNG CỔ Tích thiếu phụ Nam Xương của Khương Như

Câu số 1. Bỏ 9 nhịp (16)

10. Gió thu lả (lướt) (19) nhẹ cuốn lá ngô (đồng) (20)
11. (__21__) vằng vặt mảnh (chênh) (22)
12. Lơ lửng soi (minh) (23) trên mặt nước sông (xanh) (24) S.L
13. Tỏa ánh nhạt lạnh (lùng) (25) trên vạn vật như (say) (26)
14. Chim trong khúc sầu (mơ) 27. Của người thiếu phụ bên (sông) 28)
15. Lặng lẽ cạnh trẻ (thơ) (29) đang thiêm thiếp giấc (nồng) 30)
16. nàng đưa tầm (mắt) 31 xa xôi nhìn ra viễn (trấn) (32) S.L

Câu số 2. Bỏ 3 nhịp rưởi) (nhịp 16)

4. (__7__) . . . Liễu rũ xác (xơ) 8
5. mai sầu cằn (cỗi) 9 cành nghiêng nghiêng trúc (lá) 10
6. như người cô (phụ) 11 đồ lệ trông (chồng) 12.
7. (__13__) . . . . xé khoảng không (trung) 14
8. Đoàn hồng nhạn kêu (sương) 15... bi thảm giữa lưng (trời) 16
9. (__17__) . . . . (__18__)
10. Thong cảm đến (__19__) chiếc tim khô (héo) 20
11. Đang thồn thức hình (dung) 21 bóng người kỵ (mã) 22
12. mới hôm nào (__23__) giục giả vó (câu) 24 S.L.
13. Để lại sau lớp bụi (mờ) 25 người vợ yếu bế con (thơ) 26
14. Ngày ngày (__27__) tựa cửa ngống (trông) 28
15. Đêm đêm lẻ (gối) 29 miệng đắng cay (lòng) 30
16. mỏi mòn (__31__) mòn mỏi đợi (mông) 32 S.L.

Câu số 3. Bỏ 4 nhịp (16)

5. Lạc phiếm chìm (tơ) 9. cầm sắc vẫn lên (dây) 10.
6. Còn đâu những (khúc) 11 nhạc yêu dương hòa (trong) 12
7. Hương ấm vị (nồng) 13. khôn ngăn giọt (lệ) 14.
8. Cám hờn (__15__) chinh chiến tạo chia (phôi) 16.

VỌNG CỔ (tiếp theo trang 149)

9. nhưng đành hy (sinh) 17 hạnh phúc gia (đình) (18)
10. mong cứu vẫn non (sông) 19... thoát cơn binh (lửa) 20
11. Từ nay (__21__) người thiếu phụ Nam (Xương) 22
12. Chỉ còn (__23__) biết vui với trẻ (thơ) 24)
13. (__25__) . . . . (__26__)
14. Để khỏa lấp mạch (sầu) 27... mặc cho tháng năm mài (giũa) 28
15. Thời khắc phôi (pha) 29... mà nàng vẫn (cứ) 30
16. Lặng lẽ buồn (mơ) 31... như cụm liễu bên (cầu) 32

Câu số 4. **Bỏ 3 nhịp** (16)

4. Phải chi (__7__) em vác nổi cây súng (đồng) 8
5. (__9__) . . . để (em) 10
6. Đi . . (lính) 11 . . . thế cho (chồng) 12.
7. Đôi (năm) 13 . : . âm thanh áo (não) 14.
8. Của người thiếu phụ ru (con) 15... như nhắn gởi khách chinh (nhân) 16.
9. Để cùng sang (xẻ) 17 nỗi nhọc nhằn niềm lao (khổ) 18.
10. (__19__) Rồi với một giọng căm (hờn) 20
11. như thán trách người thiếu (phụ) 21... muốn thét to lên 22
12. cho vang đến (__23__) bên kia trời chinh (chiến) 24 S.L.
13. vì em (__25__) cố sức vun tay (kiếm) 26
14. một nguyện (__27__) theo chàng trả hận (chung) 28
15. Lệ thấm (__29__) gối bông không dứt (oán) 30.
16. Kẻ gây nên (__31__) thê thảm muôn (trùng) 32. S.L.

Câu số 5. **Bỏ 4 nhịp** (16)

5. Trong (__9__) lúc tâm (hồn) 10
6. Thiếu phụ ngập (tràng) 11. . niềm. . uất (hận) 12
7. Thì như (__13__) vô tình ngọn gió (thu) 14
8. Cứ hờ hẫn cuốn (đi) 15 Bao chiếc lá (vàng) 16.
9. Để trơ lại những (cành) 17 . . . cằn cỗi xơ (rơ) 18.
10. Điểm thêm lên bức (tranh) 19 thảm đạm những nét mơ (sầu) 20.

11. (21) Bỗng dưng trẻ (thơ) 22
12. Thức ... giấc (nồng) 23 cất tiếng gọi (cha) 24 S.L
13. (25) Thiếu phụ cố nén nỗi (lòng) 26
14. Tê tái đưa tay chỉ (bóng) 27 trên tường mà bảo (rằng) 28
15. Đó là cha của (con) 29. . thì trên gương mặt ngây (thơ) 30
16. xinh xắn hồn (nhiên) 31 nở một nụ (cười) 32. S.L

Câu số 6. **Bỏ 4 nhịp** (16)

5. Trước dáng điệu ngây (ngô) 9. Của đứa con thân (yêu) 10
6. Thiếu phụ càng cảm (thấy) 11 thấm thía nỗi (buồn) 12
7. Tận tâm (cang) 13 . . . (14)
8. nhưng nàng củng cố gượng (cười) 15 cái cười qua suối mắt 18
9. Tội nghiệp (thay) 17 cho đứa trẻ (thơ) 18
10. Đâu có hiểu (rằng) 19. cha của nó hiện (giờ) 20
11. Đang xong pha ngoài trận (địa) 21. nằm gai... nếm (mật) 22
12. Đối chiến với địch (quân) 23 ở tận biên (thùy) 24. S.L
13. (25) và chàng chỉ có (thề) 26
14. Hiên ngang trở gót về (quê) 27 giữa một ngày vinh quang sáng (lạng) 28.
15. Là ngày đoàn hùng (binh) 29 phất cao cờ chiến (thắng) 30.
16. Cái ngày (31) mã đáo thành (Công) 32. S.L.

Câu số 7. **Bỏ 4 nhịp** (16)

5. Thời gian (9) lặng lẽ trôi (qua) 10
6. Trong cảnh (11) chờ đợi mỏi (mòn) 12
7. Bỗng một hôm lòng (người) 13 chinh phụ tưng bừng lửa (sống) 14
8. nước biếc non (xanh) 15 rạng rở ánh (hồng) 16
9. (17) Hoa trăm (sắc) 18
10. Cỏ muôn màu đùa (nhau) 19 đón rước đoàn viễn (chinh) 20.
11. oai hùng (21) lừng tiếng khải (ca) 22

12. người kỵ mã năm (xưa) 23. đã rủ áo chinh (nhân) 24 S.L
13. (25) . . . trở gót về (quê) 26
14. Để nhận lấy nụ (cười) 27 tươi thắm của người vợ hiền 28
15. Trên ngưởng cửa lều (tranh) 29 . . . xây lại (30)
16. Tổ . . . uyên (ương) 31 vui đoàn viên thê (tử) 32 S.L

Câu số 8. **Bỏ 4 nhịp (16)**

5. nhưng. . . hỡi (ôi) 9 cảnh tri éo (le) 10
6. Hương . . kia (11) chưa . . . sưởi (ấm) 12
7. vị nọ chưa đượm (nồng) 13 thì bỗng nhiên (14)
8. Đất bằng sóng (dậy) 15 nước lả nên (hồ) 16
9. Thấy dạng trẻ (thơ) 17 lòng toan bồng (ẵm) 18
10. nhưng chàng trương thất (vọng) 19 khi. . . nghe (câu) 20
11. không không (21) cha tôi đêm tối mới (về) 22
12. Cơn ghen tức bừng (sôi) 23 chàng không tiếc lời đai (nghiến) 24. S.L.
13. (25) (26)
14. người . . . chinh (phụ) 27. . . bị . . . ngờ (oan) 28
15. Rồi . . . vô (tình) 29. chàng đã gây (nên) 30
16. Thảm trạng (31) gương vở bình (tan) 32. S.L.

Câu số 9. **Bỏ 4 nhịp (16)**

5. Tội. . . nghiệp (thay) 9 cho. . . thiếu (phụ) 10
6. Bao năm (11) trọn tiếc thờ (chồng) 12.
7. (13) . . . nhưng . . . đứng (trước) 14
8. Tinh thế khắc (khe) 15. nàng biết. . ăn. . làm (sao) 16
9. Biết nói làm (sao) 17. để xóa nhòa (18)
10. những nỗi hoài (nghi) 19. . . . (20)
11. Cuối cùng nàng (đành) 21 mượn dòng nước (bạc) 22
12. Cuốn . . . trôi (đi) 23 nỗi lòng đau (đớn) (24.
13. (25) . . . Thế là trước kia chinh (phụ) 26
14. Đã đổ lệ vì (cảnh) 27 sanh ly thì hôm (nay) 28
15. Khách chinh phu (29) phải dốc cạn dòng (châu) 30
16. Để cho vơi (31) mạch sầu tử (liệt) 32.

 VỌNG CỔ (tiếp theo trang 152)

Câu số 10. **Bỏ 5 nhịp** (16)

6. Ánh . . . thái (dương) 11 lần khuất dưới lưng (đồi) 12)
7. màn đen (___13___) nặng nề bao (phủ) 14
8. Sương đêm (___15___) nhẹ tỏa lạnh (lùng) 16
9. (___17___) . . . chàng (Trương) 18
10. Cảm thấy (___19___) thấm thía nỗi (buồn) 20
11. Cô . . . độc (___21___) cạnh đứa trẻ cúc (côi) 22
12. nhưng chàng phải giựt (mình) 23 khi thấy trẻ (thơ) 24 S.L
13. chỉ . . . bóng (chàng) 25 mà gọi đó là (cha) 26
14. (___27___) lúc . . . bấy (giờ) 28
15. chàng mới hiểu (ra) 29 thì người vợ (hiền) 30.
16. Đã biến thành (___31___) phách quế hồn (ma) S L.

Câu số 11. **Bỏ 4 nhịp (16)**

5. Từ (___9___) đây . . . dưới . . . (mái) 10
6. Lều . . . chinh (phụ) 11 năm . . xưa (___12___)
7. Lại . . . diễn (ra) 13) cảnh . . . não (lòng) 14
8. Gà trống nuôi (con) 15 . . . . (___16___)
9. Rồi . . . những (buổi) 17 trưa hè oi (ả) 18
10. Hay những đêm (___19___) đông tàn băng (giá) 20
11. Tự trong ngôi (nhà) 21 Bé . . . nhỏ (ấy) 22
12. Đưa ra (23) giọng hát ru (con) 24. S.L
13. của chàng Trương (___25___) nghẹn ngào qua tiếng khóc 26
14. (27) . . . . (___28___)
15. Từ rày (___29___) con sống với (cha) 30
16. mẹ đi buôn (bán) 31 đường xa không (về) 32 S.L

Câu số 12. **Bỏ 3 (16)**

4. Đêm nay một đêm (trăng) 7 lạnh giữa tiếc thu (tàn) 8.
5. Cũng vành trăng bạc năm (xưa) 9. cùng ngôi nhà lá (của) 10
6. nhưng . . . mà (___11___) trong tấn kịch bi (thương) 12

7. Đã thay vai quan (trọng) 13 chàng Trương lặng (nhìn) 14
8. nét trăng soi lấp (lánh) 35 trên mặt nước sông (êm) 16
9. (__17__) Lòng ngập tràng hối (hận) 18
10. Rồi trong phút giây bàng (hoàng) 19 chàng thấy hiện (ra) 20
11. Bóng người vợ thân (yêu) 21 với vẻ mặt rủ (rượi) 22
12. âu sầu như (thầm) 23 chứa chan lời thán (trách) 24
13. (25) chàng nức lên những (tiếng) 26
14. Đau thương rồi liệm (dần) 27 dưới hạt sương (khuya) 28
15. Gió . . . ngừng thổi⌒cây ngừng (lay) 29 dường như cũng não (lòng) 30
15. Tiếc thương người (__31__) thiếu phụ Nam (Xương).



Bàn đính chánh

Số trang	Hàng thứ	Chữ in sai	Xin Đọc
14	1	Bất	Bắc
21	11	3 bài ngự	8 Bài ngự
22	17	Bình sa lạc nhạc	Bình sa lạc nhạn
25	19	ngoài hai bản	ngoài 10 loại bài bản
44	Câu số 11	xang tạn	xang xề
47	„ „ 23	Phu	Phú
47	„ „ 25	dọn	dọng
49	„ „ 21	vấn Lang	Vân Lang
53	„ „ 2	ngồi dậy	ngồi day
53	„ „ 15	mật trương minh Jệ	một trương minh thệ
54	„ „ 27	xang liu	xang líu
55	„ „ 2	Hồng điệp xích thắng lời	Hồng điệp xích thắng một lời
57	„ „ 45	sét - xuy	xết - suy
61	2	soi gương giòng song há	Soi gương giòng sông hát
65	15	dần xem	vần xem
65	28	Hai mảnh hồng	Hai mãnh hồng quần
69	4	Lá gan nữ nhi	Lá gan nhi nữ
69	7	cho đến ngàn uas	cho đến ngàn sau.

MỤC LỤC (Quyển II)

MỤC LỤC (Quyển II tiếp theo)





Muốn đền đáp ơn Quí vị thân chủ
Thuốc lá thơm **Bill**
vẫn giữ nguyên chất
VIRGINIE